

Phụ lục

**DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN
ĐỢT 1 NĂM 2026**

(Đính kèm Quyết định số ngày tháng 6 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn)

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1	LS-2279	Nguyễn Thế An	Nam	12/09/1995	Thôn Thanh Liễu, Phường Tân Hưng, Thành Phố Hải Phòng	
2	LS-2280	Nguyễn Văn An	Nam	22/04/1984	Phường Trạch, Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	
3	LS-2281	Trương Thuý An	Nữ	04/08/1974	83 Hàng Bông- Hoàn Kiếm- Hà Nội	
4	LS-2282	Đỗ Trọng Anh	Nam	05/09/1983	TDP Tân Dương 5 phường Thủy Nguyên tp Hải Phòng	
5	LS-2283	Vũ Thị Kim Anh	Nữ	02/09/1982	Tổ dân phố 3 Do Nha phường An Dương thành phố Hải Phòng	
6	LS-2284	Trần Tuấn Anh	Nam	06/07/1990	TDP Đông Phương 1-phường Hoà Bình-tp Hải Phòng	
7	LS-2285	Phan Thị Anh	Nữ	11/11/1985	TDP Bắc, An Dương, Hải Phòng	
8	LS-2286	Nguyễn Cẩm Anh	Nam	05/01/1980	Tổ dân phố trại trên đồng phần phường Lưu Kiếm Thành phố Hải Phòng	
9	LS-2287	Phạm Ngọc Anh	Nữ	19/02/1993	Thôn Đông Nham 1 , xã An Quang , thành phố Hải Phòng	
10	LS-2288	Đoàn Thị Anh	Nữ	19/08/1990	Thôn Hoàng Tường , xã Hải Hưng , thành phố Hải Phòng	
11	LS-2289	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	18/02/1992	Thôn Sơn Lâm Thọ, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình	
12	LS-2290	Lê Đức Anh	Nam	10/08/1993	Đội 8, thôn Trung Hòa, xã Hương Sơn, TP Hà Nội	
13	LS-2291	Nguyễn Việt Anh	Nam	30/12/1990	Thôn Trân Tảo, xã Thuận An, Tp Hà Nội	
14	LS-2292	Trần Việt Anh	Nam	06/10/1983	P202-A7, phường Khương Đình, Hà Nội	
15	LS-2293	Lê Tuấn Anh	Nam	29/03/1988	Tổ 3 Mỏ Chè, Sông Công, Thái Nguyên	
16	LS-2294	Nguyễn Thế Anh	Nam	12/02/1984	Khu Đường Nam, xã Phù Ninh, Phú Thọ	
17	LS-2295	Phạm Đắc Hoàng Anh	Nam	14/06/1999	Thôn Tiêu Sơn, Xã Nam Thanh Miện, TP Hải Phòng	
18	LS-2296	Nguyễn Đông Anh	Nam	10/12/1994	Đình Trung, Thụ Lâm, Hà Nội	
19	LS-2297	Hoàng Ngọc Anh	Nữ	07/08/2006	P801 chung cư La Khê- Hà Đông- Hà Nội	
20	LS-2298	Nguyễn Đức Anh	Nam	25/12/1982	Số 10 ngách 183/38 phường Phương Liệt, Hà Nội	
21	LS-2299	Lâm Quỳnh Anh	Nữ	15/09/2001	Tổ 6 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	
22	LS-2300	Kiều Ngọc Anh	Nam	10/11/1985	Khu Kem, Hương Cầm, Phú Thọ	
23	LS-2301	Dương Thị Vân Anh	Nữ	19/06/1981	Phường Hà Đông, TP Hà Nội	
24	LS-2302	Đình Tuấn Anh	Nam	17/04/1998	Khu Mỗ, Yên Sơn, Phú Thọ	
25	LS-2303	Vũ Thị Ngọc Anh	Nữ	29/07/1985	Phường An Tường, Tỉnh Tuyên Quang	
26	LS-2304	Lê Lan Anh	Nữ	11/10/1989	Ngõ 817 Đường Lê Lợi, Phường Bắc Giang, BN	
27	LS-2305	Phạm Thị Kim Anh	Nữ	27/06/1984	Xóm 5, xã Nghĩa Hưng, Ninh Bình	
28	LS-2306	Khuất Tuấn Anh	Nam	14/10/1996	CT12B Kim Văn Kim Lũ, Định Công, Hà Nội	
29	LS-2307	Vũ Duy Anh	Nam	13/08/1994	85 Đĩnh Đông, Lê Chân Hải Phòng	
30	LS-2308	Nguyễn Hải Anh	Nam	08/04/2003	thôn Ải quan, Minh Hoàng, Phù Cừ, Hưng Yên	
31	LS-2309	Phạm Quốc Anh	Nam	26/10/1990	Sn 231 đường trần đăng tuyến phường bắc giang tỉnh bắc ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
32	LS-2310	Triệu Thị Lan Anh	Nữ	25/12/1992	Xã Quân Chu, tỉnh Thái Nguyên	
33	LS-2311	Đình Trung Anh	Nam	10/11/1998	Thôn Lai Thị, Xã An Lão, Thành Phố Hải Phòng	
34	LS-2312	Nguyễn Thị Kim Ánh	Nữ	15/10/2003	Thôn Đông Phù, xã Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	
35	LS-2313	Đào Thị Ánh	Nữ	02/09/1990	Thôn Trung Đồng, Xã Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Ninh	
36	LS-2314	Bùi Hữu Ba	Nam	11/03/1984	Thôn 6 Xã Kiến Hải Thành Phố Hải Phòng	
37	LS-2315	Trần Thị Bắc	Nữ	22/10/1991	THÔN PHÚC THẮNG- xã Hiệp Hoà- tỉnh Bắc Ninh	
38	LS-2316	Doãn Văn Bắc	Nam	19/12/1994	Bách Quang, Thái Nguyên	
39	LS-2317	Nguyễn Tất Bắc	Nam	12/10/1993	27/19/467 đường đăng hải, TDP đăng hải 1, phường hải an, thành phố hải phòng	
40	LS-2318	Mạc Xuân Bách	Nam	31/10/1988	Tổ 1 Hưng Đạo	
41	LS-2319	Nguyễn Việt Bách	Nam	30/11/1995	Thôn Hữu Tiệm, Xã Bình Thanh, Tỉnh Hưng Yên	
42	LS-2320	Lê Văn Ban	Nam	27/02/1999	Tiêu thượng, bình sơn, ninh bình	
43	LS-2321	Đào Thị Bằng	Nữ	07/09/1987	Thôn Ốc Nhiều, Đồng Than, Yên Mỹ, Hưng Yên	
44	LS-2322	Nguyễn Ngọc Bằng	Nam	08/12/1976	tổ Dân Phố Hà Liễu, phường Phương Liễu, tỉnh Bắc Ninh	
45	LS-2323	Vương Thị Bằng	Nữ	18/12/1991	Tổ 91, phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	
46	LS-2324	Nguyễn Công Bằng	Nam	26/11/1982	Số nhà 6, đường Đỗ Nhuận, phường Tân Hưng, TP Hải Phòng	
47	LS-2325	Đoàn Đức Bảo	Nam	10/03/1995	TDP Quảng Thanh 6, phường Lê Ich Mộc , tp Hải Phòng	
48	LS-2326	Phạm Thị Bích	Nữ	08/09/1985	Xuân Làng, Chấn Hưng, Hải Phòng	
49	LS-2327	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	01/04/1980	TDP Thủy Sơn 1, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	
50	LS-2328	Phùng Văn Biên	Nam	30/05/1992	phường Phương Liễu, tỉnh Bắc Ninh	
51	LS-2329	Lê Công Bình	Nam	08/10/1988	thôn ngọc đình xã dân hoà thành phố hà nội	
52	LS-2330	Nguyễn Văn Bình	Nam	01/08/1976	Tổ dân phố xanh soi, phường thủy nguyên, thành phố Hải Phòng	
53	LS-2331	Trương Thị Bình	Nữ	10/03/1989	Tổ 32, Phúc Lợi, Hà Nội	
54	LS-2332	Nguyễn Thị Thanh Bình	Nữ	15/08/1974	số 7 Đường Phùng Chí Kiên, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	
55	LS-2333	Tạ Thị Bình	Nữ	10/09/1981	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	
56	LS-2334	Nguyễn Đức Bình	Nam	03/12/1993	Yên Phong, Bắc Ninh	
57	LS-2335	Thiều Thị Bình	Nữ	10/12/1992	Hiệp Bình, Thủ Đức, Hồ Chí Minh	
58	LS-2336	Lương Văn Bộ	Nam	27/01/1997	Đội 6 Phong Cầu 2, Xã Kiến Minh, Thành Phố Hải Phòng	
59	LS-2337	Nguyễn Tiến Bộ	Nam	20/01/1990	Thôn Sóng Xanh, Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Ninh Bình	
60	LS-2338	Phan Xuân Cản	Nam	14/01/1975	P25 B3 Tập thể bệnh viện Bạch mai - P.Kim liên - Hà nội	
61	LS-2339	Dương Văn Cảnh	Nam	01/02/1982	Đặc Tài, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	
62	LS-2340	Phạm Văn Cảnh	Nam	09/04/1991	Xã Đoài Phương, Hà Nội	
63	LS-2341	Trương Đình Cây	Nam	05/09/1987	Thôn Bùi hòa, xã Hồng châu, thành phố Hải phòng	
64	LS-2342	Nguyễn Văn Chấn	Nam	30/10/1985	Tổ 32 Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	
65	LS-2343	Nguyễn Đức Châu	Nam	08/02/1993	Long Châu, Yên Phong, Bắc Ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
66	LS-2344	Trần Thị Kim Chi	Nữ	07/04/1996	Số 2/30 tổ dân phố 14, phường Kiến An, Hải Phòng	
67	LS-2345	Trần Linh Chi	Nữ	01/11/1992	30/353 Tô Hiệu, phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	
68	LS-2346	Nghiêm Xuân Chí	Nam	08/07/1984	Xóm 3, Đốc Tín, Đốc Tín Mỹ Đức, Hà Nội	
69	LS-2347	Đình Công Chiêm	Nam	30/06/1991	Căn hộ 1010, toà CT6A, chung cư cao cấp và thương mại Bemes, phường Kiến Hưng, thành phố	
70	LS-2348	Nguyễn Quyết Chiến	Nam	26/10/1991	Tổ dân phố Hoàng Xá, Xã An Lão, Thành Phố Hải Phòng	
71	LS-2349	Nguyễn Văn Chiến	Nam	01/10/1991	Căn hộ 2206, chung cư CT1-A10 Nam Trung Yên, tổ 36, Yên Hòa, Hà Nội	
72	LS-2350	Nguyễn Văn Chiến	Nam	06/06/1991	Thôn Đồng Dừa, xã Hải Lựu, tỉnh Phú Thọ	
73	LS-2351	Mai Văn Chiến	Nam	07/05/1995	Xã Nam Đồng, tỉnh Ninh Bình	
74	LS-2352	Đỗ Đức Chiến	Nam	10/10/1976	Tổ 26 Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hồ Đệp	
75	LS-2353	Trần Thị Chinh	Nữ	09/05/1978	Lô 295/N10/ Khu Đô Thị Gò Gai/ Tổ Dân Phố Đà Nẵng / Phường Thuỷ Nguyên -HP	
76	LS-2354	Lê Tố Chinh	Nữ	28/10/1991	TỔ 4,Phường Chi Lăng,TP Lạng Sơn	
77	LS-2355	Vũ Đức Chính	Nam	03/10/1998	43/159 Đình Đông, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng	
78	LS-2356	Vương Văn Chính	Nam	19/04/1987	Xóm Trọng,Xã Đông Anh,TP Hà Nội	
79	LS-2357	Nguyễn Danh Chúc	Nam	08/12/2004	Chu Châu, Minh Châu, Hà Nội	
80	LS-2358	Phạm Thị Chung	Nữ	10/06/1986	540. Mạc Dăng Doanh Hưng Đạo Hải phòng	
81	LS-2359	Nguyễn Văn Chung	Nam	12/07/1987	Bàng la- Đồ sơn- Hải phòng	
82	LS-2360	Lã Thị Kim Chung	Nữ	17/12/1986	TDP Văn Cú - Phường An Hải - TP Hải Phòng	
83	LS-2361	Tạ Thành Chung	Nam	26/04/1991	Khu phố Tiêu Thượng, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	
84	LS-2362	Lê Thị Chuyên	Nữ	22/04/1989	Khu 6 xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	
85	LS-2363	Đỗ Thành Công	Nam	24/05/1987	165 Lô 9 Mở Rộng, Phường Hải An, Hải Phòng	
86	LS-2364	Nguyễn Chí Công	Nam	01/02/2001	Thông Vinh Lộc - Xã Văn Giang - Tỉnh Hưng Yên	
87	LS-2365	Đỗ Văn Công	Nam	16/07/1987	Trác Châu, Phường Thành Đông, TP Hải Phòng	
88	LS-2366	Mai Văn Công	Nam	16/12/1994	Thôn 2 xã Nga Sơn Tỉnh Thanh Hoá	
89	LS-2367	Tô Văn Cộng	Nam	20/07/1985	Tổ dân phố .Đông môn . phường hoà bình . hải phòng	
90	LS-2368	Hàng A Cửa	Nam	20/01/1996	Bản Thèn Thầu, Xã Khun Há, Tỉnh Lai Châu	
91	LS-2369	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	29/07/1995	Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	
92	LS-2370	Hoàng Văn Cung	Nam	01/10/1978	Thôn Xuân Hưng, Xã Chân Hưng, Hải Phòng	
93	LS-2371	Lý Kim Cương	Nam	16/06/1988	Định Hóa, Thái Nguyên	
94	LS-2372	Đình Kim Cương	Nam	17/05/1987	Đội 7-Áng Hạ, Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	
95	LS-2373	Nguyễn Đức Cường	Nam	09/02/1991	Thôn Bình Sơn, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên	
96	LS-2374	Đỗ Mạnh Cường	Nam	09/08/1978	P 408 I7 phường kim liên- Thành phố Hà Nội	
97	LS-2375	Nguyễn Hồng Cường	Nam	31/10/1984	Thôn Tân Hà, xã Nam Phù, Thành phố Hà Nội	
98	LS-2376	Trần Quang Cường	Nam	03/03/1997	Khu Bình Minh,Xã Tiên Lương,Tỉnh Phú Thọ	
99	LS-2377	Nguyễn Quang Cường	Nam	03/11/1987	Thôn Nguyễn Khê,Xã Phúc Thịnh,TP Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
100	LS-2378	Trần Văn Cường	Nam	17/08/1983	Xã Thạch Thất, Hà Nội	
101	LS-2379	Nguyễn Thiện Cường	Nam	25/07/1983	Phường Xuân Đình, Hà Nội	
102	LS-2380	Nguyễn Văn Cường	Nam	14/01/1984	Thôn 3, xã Hạ Bằng, Hà Nội	
103	LS-2381	Nguyễn Kiên Cường	Nam	01/09/1987	TDP Trù 4, P. Đông Ngạc, Tp. Hà Nội	
104	LS-2382	Nguyễn Hữu Đại	Nam	21/08/1979	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	
105	LS-2383	Lường Công Đại	Nam	24/07/1994	Xã Nghĩa Tâm, tỉnh Lào Cai	
106	LS-2384	Hoàng Văn Đàm	Nam	15/07/1982	Thuận An, Hà Nội	
107	LS-2385	Dương Thị Mai Dân	Nữ	20/06/1995	Xóm Cầu, xã Yên Từ, tỉnh Ninh Bình	
108	LS-2386	Ngô Văn Dân	Nam	17/03/1981	Thôn 3, Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên	
109	LS-2387	Đặng Thị Dần	Nữ	09/01/1991	Thôn 4, xã Hạ Bằng, Hà Nội	
110	LS-2388	Bùi Thị Đào	Nữ	02/09/1984	thôn Vô Lượng, xã Yết Kiêu, Thành phố Hải phòng	
111	LS-2389	Tổng Thị Đào	Nữ	20/01/1987	Tổ dân phố Tiên Lữ phường Chương Mỹ Hà Nội(trước đây là thôn tiên Lữ xã Tiên Phương huyện	
112	LS-2390	Nguyễn Thị Ánh Đào	Nữ	16/01/1982	Thôn Văn Hiến, Văn Phú, Sơn Dương, Tuyên Quang	
113	LS-2391	Nguyễn Văn Đạt	Nam	08/01/1993	Xã Lý Nhân, tỉnh Ninh Bình	
114	LS-2392	Phạm Văn Đạt	Nam	14/05/1998	Thôn 3 - xã Kiến Hải - thành phố Hải Phòng	
115	LS-2393	Lê Tiến Đạt	Nam	11/12/1994	Trung Hoà - Gia Vân - Ninh Bình	
116	LS-2394	Đỗ Thị Thu Diễm	Nữ	03/06/1983	TT Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	
117	LS-2395	Nguyễn Văn Điền	Nam	20/02/1988	Ninh Bình	
118	LS-2396	Vũ Văn Diệp	Nam	21/11/1986	Thôn tuấn tiến xã tân minh tp Hải Phòng	
119	LS-2397	Nguyễn Anh Diệp	Nam	01/01/1972	TDP Bắc Phường An Dương	
120	LS-2398	Nguyễn Danh Diệp	Nam	05/11/1992	Xóm Chùa - Chu Quyên 1, Xã Quảng Oai, Thành phố Hà Nội	
121	LS-2399	Trần Ngọc Diệp	Nam	22/01/1998	Xóm Giữa 1, xã Vạn Phú, tỉnh Thái Nguyên	
122	LS-2400	Trần Thị Diệp	Nữ	17/04/1991	Khu 6, Cẩm Phả, Quảng Ninh	
123	LS-2401	Đoàn Danh Diệp	Nam	29/10/1978	Khu dân cư Bắc Hải, Thôn Hải Yên, Xã Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên	
124	LS-2402	Trần Văn Đình	Nam	30/05/1991	Đồng Nguyên Từ Sơn Bắc Ninh	
125	LS-2403	Nguyễn Đường Định	Nam	14/12/1982	Xuân Trạch, Đông Anh, Hà Nội	
126	LS-2404	Cù Thị Hương Dịu	Nữ	27/04/1983	Tổ dân phố Bạch Đằng 2, phường Thủy Nguyên, Hải Phòng	
127	LS-2405	Trần Thị Dịu	Nữ	30/08/1997	Thôn thanh trì, Tân Minh, Hải Phòng	
128	LS-2406	Vi Văn Đô	Nam	22/07/1997	Thôn Đồng Nhất- xã Châu Sơn- tỉnh Lạng Sơn	
129	LS-2407	Phan Văn Đoài	Nam	15/07/1980	Thôn Tiến Hùng, Xã Phúc Thịnh, TP Hà Nội	
130	LS-2408	Chu Văn Đoàn	Nam	14/07/1979	Thôn Ngân Bồng, Xã Tiên Lãng, Hải Phòng	
131	LS-2409	Nguyễn Văn Đoàn	Nam	20/07/1994	Thôn Lộc Trung, xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên	
132	LS-2410	Phạm Văn Đoàn	Nam	16/01/1980	Thôn thượng đồng xã vĩnh hoà hải phòng	
133	LS-2411	Kiều Thanh Doanh	Nam	24/01/1992	Khu 7 xã Phù Ninh, Phú Thọ	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
134	LS-2412	Nguyễn Hữu Doanh	Nam	30/03/1984	Tân Trung, Tiên Lục, Bắc Ninh	
135	LS-2413	Nguyễn Đình Doanh	Nam	09/10/1981	xã Đồng Việt, tỉnh Bắc Ninh	
136	LS-2414	Nguyễn Văn Đông	Nam	07/12/1986	Xã Kiến Minh - Hải Phòng	
137	LS-2415	Nguyễn Quốc Đông	Nam	16/11/1979	TDP Lâm Động 4 - Phường Thiên Hương, TP Hải Phòng	
138	LS-2416	Triệu Quốc Đông	Nam	15/11/1996	15/29/225 Ngô Gia Tự, Đàng Lâm, Phường Hải An, Hải Phòng	
139	LS-2417	Điền Thị Đông	Nữ	21/11/1982	Tổ 14, Phường Chiềng Sinh, Tỉnh Sơn La	
140	LS-2418	Bùi Thái Du	Nam	06/04/1994	Đông Kinh, Đông Hưng, Thái Bình	
141	LS-2419	Nguyễn Thế Đức	Nam	25/05/1984	Xóm đình cá 1, xã Phú bình, Tỉnh thái nguyên	
142	LS-2420	Bùi Hữu Đức	Nam	29/05/1993	số nhà 76/296, đường Điện Biên Phủ, Khu 19, phường Thành Đông, Hải Phòng	
143	LS-2421	Nguyễn Văn Đức	Nam	02/06/1985	Tổ dân phố Kiên Thành, xã Gia Lâm, TP Hà Nội	
144	LS-2422	Nguyễn Minh Đức	Nam	01/02/1999	Xóm 20 Điệp Sơn, phường Duy Tiên, tỉnh Ninh Bình	
145	LS-2423	Hoàng Văn Đức	Nam	06/06/1988	7/8/37 Nguyễn bình phường Gia viên hải phòng	
146	LS-2424	Phan Duy Đức	Nam	05/09/2004	Đường Vạn Xuân, khối Kim Mỹ, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	
147	LS-2425	Vương Kiều Đức	Nam	06/10/1991	Thôn 6 Thạch Thất, Hà Nội	
148	LS-2426	Dương Minh Đức	Nam	15/09/1998	Tổ 4, Phường Láng, Hà Nội	
149	LS-2427	Lê Vĩnh Đức	Nam	07/01/1980	50 phố Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
150	LS-2428	Nghiêm Mạnh Đức	Nam	02/08/2007	P5 B40 TT yên Lãng, Thịnh Quangm Hà Nội	
151	LS-2429	Dương Thị Dung	Nữ	10/04/1990	Căn hộ số HH01 B18-09- toà HH01 B- Khu Đô Thị Mới Dương Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội	
152	LS-2430	Nguyễn Thị Dung	Nữ	16/06/1982	Thôn Đâu Kiên xã An Quang thành phố Hải Phòng	
153	LS-2431	Đoàn Kim Dung	Nữ	02/11/1996	Khu Phú Xuân, Xã Hùng Việt, Tỉnh Phú Thọ	
154	LS-2432	Lê Thị Dung	Nữ	23/01/1986	Thôn Lặt xã Ba vì Thành Phố Hà nội	
155	LS-2433	Vũ Thị Dung	Nữ	18/02/1999	CH1502 nhà T10, KĐT Vinhomes Time City, 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, tp Hà Nội	
156	LS-2434	Vũ Thị Kim Dung	Nữ	14/12/1986	Xóm Đình, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên	
157	LS-2435	Nguyễn Thị Thanh Dung	Nữ	14/02/1983	TDP Du Tân Phường Sông Công Tỉnh Thái Nguyên	
158	LS-2436	Nguyễn Thị Dung	Nữ	19/10/1990	Tổ 4 Quyết Thắng, Thái Nguyên	
159	LS-2437	Bùi Thị Dung	Nữ	09/09/2003	Lạng Giang, Bắc Ninh	
160	LS-2438	Vũ Thị Dung	Nữ	12/09/1987	CH 3118 Tòa HH2A Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hà Nội	
161	LS-2439	Trần Thị Kim Dung	Nữ	19/01/1984	tổ 6, Khu 4C, P. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	
162	LS-2440	Hồ Thị Dung	Nữ	13/07/1968	Tổ 19 Tân Thịnh, Phú Thọ	
163	LS-2441	Hoàng Thị Xuân Dung	Nữ	16/07/1990	Căn hộ e1- 1716 chung cư Ecohome, phường phúc lợi, thành phố Hà nội	
164	LS-2442	Đỗ Thủy Dung	Nữ	06/07/1999	Số 01 Hàng Kênh, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng	
165	LS-2443	Vũ Tiến Dũng	Nam	12/10/1987	Xóm 6 thôn an luận xã an lão thành phố Hải phòng	
166	LS-2444	Nguyễn Mạnh Dũng	Nam	27/10/1984	P3120 tòa C Khu đô thị mới kim văn kim lữ phường Đình Công thành phố Hà Nội	
167	LS-2445	Hoàng Văn Dũng	Nam	03/10/1979	Đội 28, xã Hải Tiến, tỉnh Ninh Bình	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
168	LS-2446	Phạm Văn Dũng	Nam	22/06/1989	CH1208 HH03E TDP7 Thanh Hà, Xã Bình Minh, TP Hà Nội	
169	LS-2447	Mai Anh Dũng	Nam	11/10/2005	Thôn Hợp Long 1, xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hoá	
170	LS-2448	Khúc Văn Dũng	Nam	21/07/1987	22/43 Trần Nguyên Hãn Lê Chân Hải Phòng	
171	LS-2449	Hoàng Quốc Dũng	Nam	28/03/1981	Xuân Mai 3, Phúc Yên, Phú Thọ	
172	LS-2450	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	29/07/1983	Tổ 22, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	
173	LS-2451	Nguyễn Đình Dũng	Nam	19/09/1978	Thôn An Đông, Xã An Phú, TP Hải Phòng	
174	LS-2452	Phạm Văn Dũng	Nam	12/09/1990	Giao Hoà, Ninh Bình	
175	LS-2453	Đỗ Văn Dũng	Nam	25/08/1992	Tổ 14, phường Long Biên, Thành Phố Hà Nội	
176	LS-2454	Nguyễn Trùng Dương	Nam	15/04/1981	98 Lý Thường Kiệt, P. Hồng Bàng, TP Hải Phòng	
177	LS-2455	Đào Thị Thuỳ Dương	Nữ	10/02/1991	Căn hộ 502 Toà No3-T1 Khu Đoàn Ngoại Giao, Phường Xuân Đình, TP Hà Nội	
178	LS-2456	Kiều Minh Dương	Nam	02/02/1997	Thôn Lữ Vân, xã Quang Trung, tỉnh Bắc Ninh	
179	LS-2457	Trần Thị Anh Dương	Nữ	29/09/1997	An Lão, Hải Phòng	
180	LS-2458	Hoàng Xuân Dưỡng	Nam	14/06/1989	Tdp Thiên Hương 3 - P Thiên Hương - TP Hải Phòng	
181	LS-2459	Đình Văn Dưỡng	Nam	27/01/1995	Thôn Thượng - Xã Phúc Sơn - Tp Hà Nội	
182	LS-2460	Vũ Thị Dưỡng	Nữ	21/01/1988	Nhồi Trên, Xã Đông Anh, TP Hà Nội	
183	LS-2461	Nguyễn Thế Duy	Nam	16/12/1993	thôn vĩnh khê, phường An Hải, tp Hải Phòng	
184	LS-2462	Đình Linh Duy	Nam	07/09/1985	TDP Phả Lễ 5, Phường Nam Triệu, TP Hải Phòng	
185	LS-2463	Nguyễn Mạnh Duy	Nam	30/08/1994	Căn hộ chung cư số 1611, Tòa Z38M.1 (TK1), Lô đất	
186	LS-2464	Nguyễn Văn Duy	Nam	04/07/1990	Thanh Tiến, Tùng Thiện, TP Hà Nội	
187	LS-2465	Nguyễn Mạnh Duy	Nam	15/08/1989	Thửa đất 244B, TBĐ Số 2, Tổ 12, Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	
188	LS-2466	Đào Thị Duyên	Nữ	03/09/1995	Lại Xuân 6-xã Việt Khê-thành phố Hải Phòng	
189	LS-2467	Vũ Thị Duyên	Nữ	10/07/1986	Thôn 1, Xã Vĩnh Thịnh, Hải Phòng	
190	LS-2468	Tào Thị Duyên	Nữ	25/10/1982	Thôn Lê Dương, xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội	
191	LS-2469	Đoàn Thị Duyên	Nữ	11/04/1982	Tdp Đình Vân. P Lưu Kiếm. TP Hải phòng	
192	LS-2470	Vũ Thị Duyên	Nữ	28/03/1986	Thôn Phúc Hạ 1- Xã Lý Nhân - Tỉnh Ninh Bình	
193	LS-2471	Mai Mai Duyên	Nữ	12/08/1992	Tổ 53 phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	
194	LS-2472	Ngô Thị Bích Duyên	Nữ	21/11/1990	TDP Cây Thị, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên	
195	LS-2473	Vũ Thị Duyên	Nữ	19/05/1980	Thôn ngọc châu, xã tân minh, Tỉnh Hòa Bình	
196	LS-2474	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	04/10/1991	Tổ 17, Khu 2A, P. Hà Tu, T. Quảng Ninh	
197	LS-2475	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	28/09/1993	Khu 11, Tu Vũ, Phú Thọ	
198	LS-2476	Nguyễn Viêt Duyên	Nam	17/05/1982	Thôn Tùng lâm xã Nguyễn lương Bằng thành phố Hải phòng	
199	LS-2477	Nguyễn Thị Duyn	Nữ	10/05/1982	Xa Mạc, Yên Lãng, HN	
200	LS-2478	Phạm Thị Gấm	Nữ	10/12/1981	Phường Hà Đông, TP Hà Nội	
201	LS-2479	Đình Bình Giang	Nam	06/07/1990	Tdp mỹ đồng 6 - phường lê ích mộc - hải phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
202	LS-2480	Đoàn Hà Giang	Nữ	18/10/1990	Xóm 2, thôn Trảng Duệ, phường An Dương, Hải Phòng	
203	LS-2481	Nguyễn Trọng Giang	Nam	10/04/1995	Thôn Tam Tào, Xã Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh	
204	LS-2482	Nguyễn Trường Giang	Nam	08/04/1993	Tổ 11 phường Gia Sàng, Thái Nguyên	
205	LS-2483	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	24/10/1981	Phòng 801 NC1 chung cư La Khê, Hà Đông, Hà Nội	
206	LS-2484	Tạ Thị Giang	Nữ	28/08/1987	Thuận An, Hà Nội	
207	LS-2485	Nguyễn Văn Giáp	Nam	01/10/1984	Thôn đặc tài-xã sóc sơn-tỉnh hà nội	
208	LS-2486	Nguyễn Thị Hà	Nữ	11/08/1981	THÔN LẠI XUÂN 3 XÃ VIỆT KHÊ THANH PHỐ HẢI PHÒNG	
209	LS-2487	Hoàng Thị Hà	Nữ	25/07/1986	Thôn cầu xã lạc đạo tỉnh Hưng yên	
210	LS-2488	Nguyễn Đình Hà	Nam	16/10/1991	Thôn Đình Cả, Xã Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh	
211	LS-2489	Lại Ngọc Hà	Nam	06/04/1990	Tdp Đào Nguyên , xã Gia Lâm, tp Hà Nội	
212	LS-2490	Phạm Thị Hà	Nữ	02/05/1986	Số nhà E41, thôn An Nhân Đông, xã Tứ Kỳ, TP Hải Phòng	
213	LS-2491	Đinh Thị Thúy Hà	Nữ	22/03/1985	Số 127 tổ 21 Phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	
214	LS-2492	Nguyễn Thị Hà	Nữ	07/12/1993	Tô dân phố Tiên Nông - Phường Hồng An - Hải Phòng	
215	LS-2493	Nguyễn Thị Hà	Nữ	19/12/1984	TDP Hoa Động, P Thủy Nguyên, tp Hải Phòng	
216	LS-2494	Đào Thị Hà	Nữ	12/05/1987	Tân Hội,Đan Phượng,Hà Nội	
217	LS-2495	Nguyễn Thị Minh Hà	Nữ	09/11/2007	TDP 2, Xuân Tào, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	
218	LS-2496	Phuong Thanh Hà	Nữ	22/11/1972	Tổ 38, Nhà A1, TT ĐH Xây dựng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	
219	LS-2497	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	22/08/1983	Tdp Số 12, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	
220	LS-2498	Nguyễn Thị Hà	Nữ	24/08/1985	Thôn Ốc Nhiều, Đồng Than, Yên Mỹ, Hưng Yên	
221	LS-2499	Đặng Văn Hà	Nam	15/04/1998	Tdp 1 - phường lý thường kiệt - ninh bình	
222	LS-2500	Phạm Thị Thu Hà	Nữ	07/11/1995	Thôn Nho Lâm Đông, xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên	
223	LS-2501	Hoàng Thị Ngọc Hà	Nữ	09/04/1996	Mai Hắc Đế, Thành Đông, Hải Phòng	
224	LS-2502	Lương Thanh Hà	Nữ	26/02/1985	Phòng 701CT2-Khu nhà ở Bắc Hà- Phường Hà Đông- Thành phố Hà Nội	
225	LS-2503	Nguyễn Huy Hà	Nam	04/08/1991	Thôn Ngãi Cầu,xã An Khánh,Thành phố Hà Nội	
226	LS-2504	Ngô Thị Hà	Nữ	08/04/1991	thôn Nhũ Tinh, xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng	
227	LS-2505	Nguyễn Thị Hải	Nữ	20/05/1972	90A Nguyễn Thiện Thuật, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên	
228	LS-2506	Trần Thị Thanh Hải	Nữ	30/08/1985	2G/17/46 Nam Pháp 1 , Phường Gia Viên , TP Hải Phòng	
229	LS-2507	Đông Thị Minh Hải	Nữ	23/07/1982	Khu Hạ 2 phường Bình Khê tỉnh Quảng Ninh	
230	LS-2508	Nguyễn Sơn Hải	Nam	28/08/1988	Tổ 4, Phường Linh Sơn, Thành Phố Thái Nguyên	
231	LS-2509	Tạ Đức An Hải	Nam	10/02/1992	Đội 4, An Chiêu 2, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên	
232	LS-2510	Trần Văn Hải	Nam	15/09/1989	Đại Trang,An Trường,Hải Phòng	
233	LS-2511	Phạm Thanh Hải	Nam	20/07/1985	Tdp Chợ Tổng, phường Lưu Kiếm, Hải Phòng	
234	LS-2512	Vũ Văn Hải	Nam	18/08/2004	Thôn 8 phường lưu kiếm Hải Phòng	
235	LS-2513	Nguyễn Thế Hải	Nam	23/06/1987	Thôn phúc hạ 2 xã lý nhân tỉnh ninh bình	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
236	LS-2514	Nguyễn Đắc Hải	Nam	14/03/1999	Thôn Quế Ổ, xã Chi Lăng, tỉnh Bắc Ninh	
237	LS-2515	Lê Xuân Hải	Nam	14/08/1981	Xuân Trạch, Đông Anh, Hà Nội	
238	LS-2516	Nguyễn Việt Hải	Nam	27/08/1973	P1201 CC 19 Đại Từ, P Định Công, TP Hà Nội	
239	LS-2517	Phan Thanh Hải	Nam	30/07/1965	Đại Mỗ, Hà Nội	
240	LS-2518	Nguyễn Văn Hân	Nam	12/06/1971	Thôn phương nhị, Xã ngọc hồi, TP Hà Nội	
241	LS-2519	Lê Công Hân	Nam	20/11/1987	619 CCHVTC phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội	
242	LS-2520	Phạm Thị Hằng	Nữ	10/05/1978	thôn sáp mai, xã thiên lộc, thành phố hà nội	
243	LS-2521	Hoàng Thị Hằng	Nữ	10/08/1993	Thôn mục uyên 1- xã hạ bằng- tp hà nội	
244	LS-2522	Đoàn Thị Hằng	Nữ	10/05/1983	Thôn vạn tuế, xã Hà Bắc, Thành phố Hải Phòng	
245	LS-2523	Đỗ Thanh Hằng	Nữ	13/10/2001	Thôn Trần Xá, xã Yên Trung, Bắc Ninh	
246	LS-2524	Vũ Thanh Hằng	Nữ	02/04/1989	92 Lý Thường Kiệt, Đông Kinh, Lạng Sơn	
247	LS-2525	Đoàn Thị Thu Hằng	Nữ	25/05/1992	Khu La Tinh Bắc, xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng	
248	LS-2526	Lê Thị Hạnh	Nữ	13/08/1986	TDP Bãi Cát - Phường Thủy Nguyên - Thành Phố Hải Phòng	
249	LS-2527	Nguyễn Đức Hạnh	Nam	12/09/1993	Thôn Việt Khê Xã Việt Khê Thành Phố Hải Phòng	
250	LS-2528	Lê Thị Hạnh	Nữ	20/01/1985	Số 25 Hồ Đá Sờ Dầu Hồng Bàng Hải Phòng	
251	LS-2529	Nguyễn Văn Hạnh	Nam	26/05/1993	TDP Nhất Hà - Tiên Sơn - Ninh Bình	
252	LS-2530	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	08/12/1977	Khu Núi Miếu, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	
253	LS-2531	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Nữ	02/09/1980	Thôn cây xá, xã gia tường, tỉnh ninh bình	
254	LS-2532	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	01/02/2004	Trung Thành, Đại Lai, Bắc Ninh	
255	LS-2533	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	01/06/1991	CH1809 tòa CT2A10, KĐT Nam Trung Yên, Yên Hòa, Hà Nội	
256	LS-2534	Nguyễn Văn Hạnh	Nam	27/08/1974		
257	LS-2535	Nguyễn Đức Hạnh	Nam	12/08/1981	Thôn Đỗ Xá xã Gia Bình tỉnh Bắc Ninh	
258	LS-2536	Lê Công Hào	Nam	09/09/1989	Xóm Tơ m 1, xã Thành Công, Thái Nguyên	
259	LS-2537	Trần Hoàng Hào	Nam	30/06/1983	Trường ĐH Quốc tế Bắc Hà - Viện đào tạo kinh tế công nghệ kỹ thuật	
260	LS-2538	Phạm Thị Khánh Hào	Nữ	05/01/1982	Số 50, ngõ 562 Thụy Khê, P. Tây Hồ, TP Hà Nội	
261	LS-2539	Vũ Thị Hào	Nữ	07/06/1996	Đông Xuân, Thanh Hóa	
262	LS-2540	Nguyễn Thị Bích Hào	Nữ	07/05/1991	Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng	
263	LS-2541	Vũ Đức Hậu	Nam	30/10/1988	Đông Từ 2, Phường Phù Liễn, Kiến An, Hải Phòng	
264	LS-2542	Nguyễn Văn Hậu	Nam	11/08/1991	Tổ dân phố 8 - Phường Bạch Đằng - TP Hải Phòng	
265	LS-2543	Dương Bích Hậu	Nữ	25/08/1993	Tổ 51 phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	
266	LS-2544	Bùi Văn Hậu	Nam	20/10/1990	Địa chỉ mới (xóm chuông, xã Mường bi, tỉnh Phú thọ	
267	LS-2545	Đào Thị Mai Hiền	Nữ	19/01/1993	Thôn 7, Trung Châu, Đan Phượng, Hà Nội	
268	LS-2546	Trần Thị Hiền	Nữ	19/06/1991	Thôn vàng xã gia lâm thành phố hà nội	
269	LS-2547	Phạm Khắc Hiền	Nam	29/11/1990	Thôn Đông Mới, phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
270	LS-2548	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	21/09/1991	2/139 Đường 208, An Dương, phường An Hải, thành phố Hải Phòng	
271	LS-2549	Hoàng Thị Hiền	Nữ	05/06/1986	Cụm 2, Xã Ô Diên, tp Hà Nội	
272	LS-2550	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	25/12/1992	Thôn 5, xã Hồng Vũ, tỉnh Hưng Yên	
273	LS-2551	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	23/04/1991	Thôn Như Phương Thượng, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên	
274	LS-2552	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	22/01/1978	Tổ Đồi, Phường Bách Quang, Tỉnh Thái Nguyên	
275	LS-2553	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	17/04/1982	Tổ 2, Hùng Vương, Phúc Yên, Phú Thọ	
276	LS-2554	Thân Thị Hiền	Nữ	16/02/1999	Tân Yên, Bắc Ninh	
277	LS-2555	Vũ Thị Thu Hiền	Nữ	23/02/1995	CH2615, Tòa T4 chung cư Thăng Long Victory, Xã An Khánh, TP Hà Nội	
278	LS-2556	Hoàng Thị Hiền	Nữ	03/09/1981	Thôn An Phòng Giang, xã Tứ Kỳ, Tp Hải Phòng	
279	LS-2557	Nguyễn Xuân Hiền	Nam	22/08/1984	Mông Thượng An Hưng Hải Phòng	
280	LS-2558	Phạm Gia Hiền	Nam	04/06/1972	Thôn Sờ Đông, Long Hưng, Văn Giang, Hưng Yên	
281	LS-2559	Đỗ Hoàng Hiệp	Nam	16/02/1985	Xóm 2, Chương Dương, Hà Nội	
282	LS-2560	Hoàng Việt Hiếu	Nam	09/01/1986	Thôn Thị Trung, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	
283	LS-2561	Bùi Quang Hiếu	Nam	26/05/1998	Số 67, Đường Quán Trữ, tổ Đồng Hoà 4, Phường Kiến An, Thành phố Hải Phòng	
284	LS-2562	Hoàng Trung Hiếu	Nam	10/11/2000	Số nhà 23 tổ 8 khu giếng dáy 1 phường việt hưng tỉnh quảng ninh	
285	LS-2563	Đặng Đình Hiếu	Nam	25/02/1992	Số 8 nguyên Khắc Cần, Trảng Tiên, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
286	LS-2564	Nguyễn Hữu Hiếu	Nam	15/04/2002	Thôn Nứa, xã Long Hưng, Tỉnh Hưng Yên	
287	LS-2565	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	26/02/2004	Lại Xuân 1 - Xã Việt Khê - Hải Phòng	
288	LS-2566	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	31/08/1985	Thôn 8 - hoà lạc - hà nội	
289	LS-2567	Lê Văn Hiếu	Nam	08/03/1997	Thôn Thượng Phúc, xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên	
290	LS-2568	Dương Văn Hình	Nam	08/08/1987	CH3328 HH1B Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hà Nội	
291	LS-2569	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Nữ	29/10/1989	Tổ 6 Gia Sàng, tp Thái Nguyên	
292	LS-2570	Nguyễn Thị Như Hoa	Nữ	16/05/1996	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	
293	LS-2571	Trần Thị Út Hoa	Nữ	28/11/1972	Văn Giang, Hưng Yên	
294	LS-2572	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	28/10/1993	Thôn Kiều Thần, Phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên	
295	LS-2573	Bùi Thị Phương Hoa	Nữ	11/03/1993	Số nhà 31, Tổ 62, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	
296	LS-2574	Phạm Văn Hoà	Nam	18/10/1991	Đội 3, Lê Xá, xã Hồng Sơn, Thành phố Hà Nội	
297	LS-2575	Đặng Thị Hoà	Nữ	28/06/1978	Số 1, ngõ 34, đường 18/8, Lê Bình, Thanh Miện, Hải Phòng.	
298	LS-2576	Đỗ Thị Lộc Hoà	Nữ	25/05/1991	Đội 5-Trát Cầu, Thường Tín ,Thành Phố Hà Nội	
299	LS-2577	Nguyễn Xuân Hoà	Nam	19/11/1986	Kim Địch, Kim Sơn, Ninh Bình	
300	LS-2578	Đình Xuân Hòa	Nam	24/03/1989	5/21/22 Miếu Hai Xã, Phường Lê Chân, Hải Phòng	
301	LS-2579	Lê Văn Hòa	Nam	13/12/1985	Tổ dân phố 1 (Gia Minh), Bạch Đằng, Hải Phòng	
302	LS-2580	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Nữ	28/04/1990	TDPI, Phường Bạch Đằng, Thủy Nguyên, Hải Phòng	
303	LS-2581	Dương Khánh Hòa	Nữ	04/06/1989	Thôn quan lộc xã lạc phượng Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
304	LS-2582	Trương Khánh Hòa	Nữ	09/10/1995	Tổ 16 Hương Sơn, Gia Sàng, Thái Nguyên	
305	LS-2583	Phí Ngọc Hòa	Nam	25/12/1986	Nghĩa Trụ, T Hưng Yên	
306	LS-2584	Nguyễn Đức Hoài	Nam	24/08/1984	23/211 Tôn Đức Thắng, Phường An Biên, Hải Phòng	
307	LS-2585	Nguyễn Văn Hoài	Nam	01/03/1990	Thôn hương đình đoài, xã sóc sơn, thành phố hà nội	
308	LS-2586	Trần Thị Bích Hoài	Nữ	08/12/1987	Tổ 8 phường Quan Triều, Thái Nguyên	
309	LS-2587	Phan Huy Hoán	Nam	23/10/1986	Tổ 2, Vân Nội, Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	
310	LS-2588	Phạm Thị Hoàn	Nữ	29/01/1987	P903 toàn 198 Nguyễn Tuân, Nhân Chính, Hà Nội	
311	LS-2589	Nguyễn Minh Hoàng	Nam	01/08/1992	1/116 Lạch Tray, Phường Lê Chân, Hải Phòng	
312	LS-2590	Vũ Đức Hoàng	Nam	19/11/1995	Thôn Kỳ Sơn 5, Việt Khê, Hải Phòng	
313	LS-2591	Bùi Đức Hoàng	Nam	23/09/1992	Tổ Trung Thành 1, phường Tích Lương, Thái Nguyên	
314	LS-2592	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	14/09/1998	Xóm 9 xã Phú Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	
315	LS-2593	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	29/07/1998	Xóm Bầu Châu, xã Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	
316	LS-2594	Nguyễn Minh Hoàng	Nam	03/11/1988	Bùi thị cúc,xã Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên	
317	LS-2595	Đỗ Văn Hoàng	Nam	21/09/1985	Xóm 2 - Đông Cao - Tráng Việt - Mê Linh - Hà nội	
318	LS-2596	Kiều Huy Hoạt	Nam	01/01/1984	GÓ CHÓI 1 THÔN 4, Xã Yên Xuân, Thành phố Hà Nội	
319	LS-2597	Nguyễn Thị Hồi	Nữ	29/12/1989	Khu An Nhân Đông- xã Tứ Kỳ- Thành phố Hải Phòng	
320	LS-2598	Phạm Quý Hợi	Nam	21/12/1983	Tdp Yên Bình, Xã Phù Đổng, Thành Phố Hà Nội	
321	LS-2599	Nguyễn Thị Hợi	Nữ	18/11/1995	Ngõ 97 đường Phan Bội Châu, phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	
322	LS-2600	Đặng Thị Hồng	Nữ	20/12/1987	số 14. T4. CT1 Đ5 phường Gia Viên, TP Hải Phòng	
323	LS-2601	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	20/08/1984	Thôn Bách Phương xã An Lão TP Hải phòng	
324	LS-2602	Đinh Thị Hồng	Nữ	20/06/1971	Khu6 -Tam nông - Phú Thọ	
325	LS-2603	Phạm Thị Hồng	Nữ	22/12/1992	Bản Quỳnh 2 , xã châu bình ,Tỉnh Nghệ An	
326	LS-2604	Phạm Thị Diệp Hồng	Nữ	10/08/1984	Tổ dân phố 2, Phường Thiên Hương , Thành phố Hải Phòng	
327	LS-2605	Hoàng Thị Thu Hồng	Nữ	16/09/1989	Xuân Mới, Phúc Yên, Phú Thọ	
328	LS-2606	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	30/12/1987	Tổ 2, Phường Phúc Lợi, TP HN	
329	LS-2607	Trần Thị Hồng	Nữ	15/07/1998	Thôn 6- Bình Giang- Ninh Bình	
330	LS-2608	Phạm Thị Huệ	Nữ	22/11/1991	Xóm 7 Bế Triều, xã Hòa An, tỉnh Cao Bằng	
331	LS-2609	Lê Thị Huệ	Nữ	11/12/1991	Thôn 5, Xã Nguyễn Bình Khiêm, Hải Phòng	
332	LS-2610	Phạm Thị Huệ	Nữ	09/10/1995	Tiên Lãng, Hải Phòng	
333	LS-2611	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	10/09/1987	Căn hộ 1604 Khu nhà ở cao tầng văn phòng,và ở thấp tầng, số 89 phố thịnh liệt, phường Hoàng Mai,	
334	LS-2612	Đinh Thị Huệ	Nữ	27/02/1990	Xã Thanh Thủy,Phú Thọ	
335	LS-2613	Phan Thị Huệ	Nữ	02/09/1989	Tổ 13, Phú Lương, Hà Nội	
336	LS-2614	Đặng Thị Huệ	Nữ	28/01/1991	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	
337	LS-2615	Lương Thị Huệ	Nữ	19/05/1984	25/103 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
338	LS-2616	Vũ Thị Kim Huệ	Nữ	12/06/1984	Thôn Úc Gián, Xã Kiến Thụy, Hải Phòng	
339	LS-2617	Tạ Thị Huệ	Nữ	10/02/1988	Thù Du Kiến Minh Hải Phòng	
340	LS-2618	Đào Thị Huệ	Nữ	02/01/1991	Thôn Đâu Kiên, Xã An Quang, Tp Hải Phòng	
341	LS-2619	Hoàng Thị Huệ	Nữ	19/06/1980	Thôn Minh Giang, Xã Gia Tường, Tỉnh Ninh Bình	
342	LS-2620	Ngô Xuân Hùng	Nam	31/07/1988	Thôn Kim châm xã An Khánh Thành Phố Hải Phòng	
343	LS-2621	Nguyễn Văn Hùng	Nam	15/07/1998	Phường thùy nguyên	
344	LS-2622	Vũ Mạnh Hùng	Nam	01/10/1980	Thôn 3 nam Điền, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình	
345	LS-2623	Phan Văn Hùng	Nam	18/07/1996	TDP Kim Phú 9, Phường minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang	
346	LS-2624	Nguyễn Thanh Hùng	Nam	03/08/1995	Xã Bó Hạ, tỉnh Bắc Ninh	
347	LS-2625	Phạm Việt Hùng	Nam	08/11/1979	Cổ Dương, Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	
348	LS-2626	Trần Mạnh Hùng	Nam	30/11/1989	20A2 Ct2c1 - Chung Cư VPQH- Tổ 8- Xuân Phương - Hà Nội	
349	LS-2627	Nguyễn Danh Hùng	Nam	02/04/1988	Số nhà 4/35 Nguyễn Văn Trang, khu 6 xã Gia Lộc, thành phố Hải Phòng	
350	LS-2628	Nguyễn Văn Hùng	Nam	06/07/1992	TDP Rúp , Phường Hoà Bình , TP Hải Phòng	
351	LS-2629	Đào Việt Hùng	Nam	29/03/1995	50/5/278 Đà Nẵng, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	
352	LS-2630	Bùi Văn Hùng	Nam	15/11/1987	TDP Rúp Phường Hoà Bình Thành Phố Hải Phòng	
353	LS-2631	Nguyễn Thành Hùng	Nam	18/09/1989	Thôn An Lãng, Xã Vĩnh Hòa, Hải Phòng	
354	LS-2632	Nguyễn Quang Hùng	Nam	01/10/1986	Đội 4 - Xóm 2- Dương Cốc - Hưng Đạo - Hà Nội	
355	LS-2633	Đỗ Việt Hùng	Nam	28/12/1989	14/401 Lán Bè, An Biên, Hải Phòng	
356	LS-2634	Nguyễn Văn Hùng	Nam	03/10/1996	Tổ dân phố hà phú 1- phường hoà bình - tp hải phòng	
357	LS-2635	Đoàn Thị Hùng	Nữ	12/06/1995	SN 48, Nguyễn Huy Tường, khu II, Kinh Bắc, Bắc Ninh	
358	LS-2636	Nguyễn Văn Hùng	Nam	30/05/1999	Đội 3, La Đồng, Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	
359	LS-2637	Lê Thị Hương	Nữ	15/02/1981	CH 540 HH2H Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Thành Phố Hà Nội	
360	LS-2638	Bùi Thị Hải Hương	Nữ	18/06/1983	Tổ dân phố Cũ Phường An Phong TP Hải Phòng	
361	LS-2639	Nguyễn Thị Hương	Nữ	01/07/1983	Xóm 1 ,Thôn 1 ,Xã Hồng Châu ,Hải Phòng	
362	LS-2640	Dương Thị Hương	Nữ	24/04/1977	Thôn Xuân Đông, Xã Đại Đồng, Tỉnh Hưng Yên	
363	LS-2641	Trịnh Thị Hương	Nữ	07/05/1989	Khu Dân cư Lễ Quán , Phường Thạch Khôi, Thành Phố Hải Phòng	
364	LS-2642	Đàm Thị Hương	Nữ	08/04/1980	Thôn Cự Đồi, Xã Tiên Lãng, Hải Phòng	
365	LS-2643	Phạm Thị Thanh Hương	Nữ	03/05/1971	408 I7, Phường Kim Liên, Thành phố Hà nội	
366	LS-2644	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	12/10/1993	Thôn cụ tri,xã thanh miện ,thành phố hải phòng	
367	LS-2645	Trần Thị Hương	Nữ	01/01/1978	Hưng Đạo, Hải Phòng	
368	LS-2646	Nguyễn Thị Hương	Nữ	25/02/1986	2/85 đường Nhà Mạc TDP Trảng Cát 6 , Phường Hải An, Hải Phòng	
369	LS-2647	Hà Thị Thu Hương	Nữ	20/11/1985	Khu 7 xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	
370	LS-2648	Trần Thị Hương	Nữ	01/05/1981	TDP Lục Nông- Phường Hồng An- Hải Phòng	
371	LS-2649	Đỗ Thanh Hương	Nữ	24/10/1998	Thôn Cơ Quan,Xã Sơn Dương,Tỉnh Tuyên Quang	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
372	LS-2650	Nguyễn Thị Hương	Nữ	08/09/1985	Phú Thụy, Gia Lâm, Hà Nội	
373	LS-2651	Đỗ Thị Hương	Nữ	18/10/1969	số 605, D17, KĐT Đặng Xá, Xã Thuận An, Gia Lâm, Hn	
374	LS-2652	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	16/11/1988	TDP 3, Phú Mỹ, Mỹ Đình 2, Hà Nội	
375	LS-2653	Dương Thị Thu Hương	Nữ	12/01/1971	11A Hẻm 34/55/33 Vĩnh Tuu, Hai bà Trưng, Hà Nội	
376	LS-2654	Phạm Thị Hương	Nữ	28/07/1989	Số nhà 33, ngõ 2A, Thôn Bách Kim, xã Thạch Thất, Hà Nội	
377	LS-2655	Đỗ Kim Hương	Nữ	15/08/1992	Thôn 3, Xã Mỹ Đức, Hà Nội	
378	LS-2656	Nguyễn Thị Hương	Nữ	02/08/1985	8/67 Đoàn Kết, Hồng Bàng, Hải Phòng	
379	LS-2657	Nguyễn Thị Hương	Nữ	14/02/1978	Ngũ Sơn, xã Thạch Thất, Thành Phố Hà Nội	
380	LS-2658	Nguyễn Thị Sơn Hương	Nữ	20/08/1983	Tdp số 3 Hoà Thi Xuân Phương Hà Nội	
381	LS-2659	Trần Thị Hương	Nữ	25/06/1995	Phú Đồi- Xã Phương Dục- Tp Hà Nội	
382	LS-2660	Phạm Thị Hương	Nữ	15/06/1986	Tổ 1, phường Hoà Bình , tỉnh Phú Thọ	
383	LS-2661	Trần Thị Hương	Nữ	24/04/1979	Hưng Đạo, Hải Phòng	
384	LS-2662	Nguyễn Thị Hương	Nữ	24/07/1993	TDP Chính Mỹ 5 -Phường Lê Ích Mộc- Hải Phòng	
385	LS-2663	Thiều Thị Hương	Nữ	20/09/1993	Thôn Táo, Xã Thổ Tang, Tỉnh Phú Thọ	
386	LS-2664	Lê Thị Thu Hương	Nữ	02/07/1988	62, Non Côi, xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình	
387	LS-2665	Tô Thị Thu Hương	Nữ	26/10/1994	Phường Tam Thanh, Tỉnh Lạng Sơn	
388	LS-2666	Tổng Thị Thu Hương	Nữ	16/06/1998	Thôn Hà Phương 4, Xã Vĩnh Thịnh, Hải Phòng	
389	LS-2667	Trần Thị Thu Hương	Nữ	06/04/1984	Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên	
390	LS-2668	Phan Thị Hương	Nữ	21/12/1995	tổ 35 Khu 4 Hà Khẩu Hạ Long, Quảng Ninh	
391	LS-2669	Nguyễn Đình Hữu	Nam	10/11/1977	Thôn 6 Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	
392	LS-2670	Lê Quang Huy	Nam	19/08/1983	Thôn Đông Ngàn xã Hiệp Hoà tỉnh Bắc Ninh	
393	LS-2671	Trần Thanh Huy	Nam	17/12/1995	Thôn Lại Xuân 6- xã Việt Khê - Hải Phòng	
394	LS-2672	Dương Đức Huy	Nam	24/07/1983	Phường Định Công, TP Hà Nội	
395	LS-2673	Lã Văn Huy	Nam	26/07/1998	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	
396	LS-2674	Nguyễn Hoàng Lâm Huy	Nam	06/11/2005	TDP Phú Thành 4, Phố Lu, Bảo Thắng, Lào Cai	
397	LS-2675	Trần Văn Huy	Nam	22/07/1988	TDP Văn Tràng1 Xã An Lão Hải Phòng	
398	LS-2676	Lê Thị Huyền	Nữ	02/11/1987	Số 12, tdp25/10, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	
399	LS-2677	Nguyễn Văn Huyền	Nam	04/10/1981	Thôn Hội xã Gia Lâm Hà Nội	
400	LS-2678	Tổng Thị Huyền	Nữ	19/09/2001	Thôn Hà Phương 4, Xã Vĩnh Thịnh, Hải Phòng	
401	LS-2679	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	19/05/1986	Tổ dân phố 7, phường Bạch Đằng, TP Hải Phòng	
402	LS-2680	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	25/12/1990	Nguyệt Áng 3 xã An Khánh thành phố Hải Phòng	
403	LS-2681	Hoàng Thị Thu Huyền	Nữ	07/01/1990	TDP Mỹ đồng 4, phường Lê ích mộc , thành phố Hải phòng	
404	LS-2682	Đặng Thị Huyền	Nữ	04/08/1993	Thôn Lũy Dương_ Xã Gia Lộc_ TP Hải Phòng	
405	LS-2683	Hà Thị Thu Huyền	Nữ	16/08/1989	Thôn Phi Mô, Xã Lạng Giang, Tỉnh Bắc Ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
406	LS-2684	Đinh Thị Huyền	Nữ	19/09/1991	P357 D7, tổ 6, KĐT Đặng Xá, xã Thuận An, TP Hà Nội	
407	LS-2685	Nguyễn Thị Bích Huyền	Nữ	05/09/1989	Xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên	
408	LS-2686	Trịnh Khánh Huyền	Nữ	04/12/1998	TDp Ái mộ, Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	
409	LS-2687	Lê Thị Minh Huyền	Nữ	16/12/1979	Số 9 ngách 79/7 Thụy Khuê Phường Tây Hồ Thành Phố Hà Nội	
410	LS-2688	Hoàng Thị Huyền	Nữ	28/06/1988	30 canh nông - Hải Dương - Hải phòng	
411	LS-2689	Trần Đình Huynh	Nam	30/06/1993	Đông Hải, Quỳnh Phụ, Hưng Yên	
412	LS-2690	Trần Thế Huynh	Nam	14/08/1980	Tổ 13 Phường Hoàng Mai - TP Hà Nội	
413	LS-2691	Nguyễn Thị Kế	Nữ	21/05/1989	CH1208 HH03E TDP7 Thanh Hà, Xã Bình Minh, TP Hà Nội	
414	LS-2692	Nguyễn Văn Khả	Nam	22/08/1985	Xóm 2 - Khu Đầu Hàn - Phường Kinh Bắc - Tỉnh Bắc Ninh .	
415	LS-2693	Nguyễn Tài Khải	Nam	20/11/1998	Số 8, ngõ 61, đường Yên Thái 1, xã Sơn Đông, Hà Nội	
416	LS-2694	Nguyễn Văn Khang	Nam	08/10/1993	Tổ dân phố số 6 Nam Hải, Hải An, Hải Phòng	
417	LS-2695	Bùi Ngọc Khang	Nam	26/10/1983	Số 3 Đường Đồng Giới Đông 1 Tổ 6 Phường An Dương Thành Phố Hải Phòng	
418	LS-2696	Vũ Thanh Minh Khang	Nam	04/09/1987	Tiên Lãng - Hải Phòng	
419	LS-2697	Ngô Lệ Khanh	Nữ	13/11/1972	44 Hai Bà Trưng, Trảng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
420	LS-2698	Vũ Văn Khanh	Nam	05/03/1988	Thôn 1 xã Xuân Trường tỉnh Ninh Bình	
421	LS-2699	Phạm Gia Khánh	Nam	30/12/1996	40 ngõ Hàng Hương, Hoàn Kiếm	
422	LS-2700	Bùi Hoàng Khẩu	Nam	22/02/1984	Thôn Thù Du xã Kiến Minh thành phố Hải Phòng	
423	LS-2701	Vi Hải Khoa	Nam	30/08/1992	Thôn Quất Du 2, Phúc Hòa, Bắc Ninh	
424	LS-2702	Nguyễn Văn Khoan	Nam	18/03/1991	Phường việt Hưng, TP Hà Nội	
425	LS-2703	Dương Văn Khoát	Nam	21/03/1984	Thôn cầu xã lạc đạo huyện văn lâm tỉnh Hưng yên	
426	LS-2704	Tạ Hữu Khởi	Nam	17/07/1996	Tdp 5 phường Lưu Kiếm	
427	LS-2705	Nguyễn Văn Khởi	Nam	20/04/1987	Thôn Hạ Cầu, xã An Quang, TP Hải Phòng	
428	LS-2706	Phan Thục Khuê	Nữ	21/01/2004	32 Nguyễn hữu diên, khối tân thành 1, phường thành vinh, nghệ an	
429	LS-2707	Lê Thị Khuyên	Nữ	29/09/1987	Tổ 25 xã Phúc Thịnh, thành Phố Hà Nội	
430	LS-2708	Vũ Đức Kiên	Nam	13/07/1989	Tổ 28, Phường An Biên, Thành phố Hải Phòng	
431	LS-2709	Vũ Xuân Kiếm	Nam	10/11/1970	Yên Xá, P Thanh Liệt, TP Hà Nội	
432	LS-2710	Đông Xuân Kiên	Nam	25/03/1984	Tổ dân phố Thiên Hương 8 phường Thiên Hương. Thành phố Hải Phòng	
433	LS-2711	Nguyễn Trung Kiên	Nam	24/09/2002	Thôn 7, Xã Bát Tràng, Thành Phố Hà Nội	
434	LS-2712	Đặng Văn Kiên	Nam	13/03/1996	Khu 12, Xã Tu Vũ, Tỉnh Phú Thọ	
435	LS-2713	Lê Trung Kiên	Nam	08/11/1987	TDP Lâu Trại, Phường Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng	
436	LS-2714	Nguyễn Trung Kiên	Nam	02/07/1987	52 Nguyễn Tường Loan, phường An Biên, Thành Phố Hải Phòng	
437	LS-2715	Trần Văn Kiệt	Nam	11/11/2004	Nhân Lý, Xã Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá	
438	LS-2716	Nguyễn Đăng Kiều	Nam	26/10/1978	Cụm 11, Xã Ô Diên, Hà Nội	
439	LS-2717	Phạm Văn Ky	Nam	22/03/1988	Thôn Đông Đoài, Đại Đồng Thành, Thuận Thành, Bắc Ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
440	LS-2718	Nguyễn Hữu Lâm	Nam	01/08/1995	Xóm Mai Đình, Thôn Hương Cầu, Xã Xuân Cầm, Tỉnh Bắc Ninh	
441	LS-2719	Nguyễn Duy Lâm	Nam	09/02/1992	Tổ 61 Phường Phan Đình Phùng tỉnh Thái Nguyên	
442	LS-2720	Nguyễn Thị Lan	Nữ	19/02/1983	Thôn Lục Xuân, xã phúc Lộc, tp Hà Nội	
443	LS-2721	Trương Thị Ngọc Lan	Nữ	03/11/1979	Số 10/73 Điện Biên Phủ Hồng Bàng Hp	
444	LS-2722	Phạm Ngọc Lan	Nữ	04/12/1996	Số nhà 36 ngõ 53 đường Phan Trọng Tuệ, xã Đại Thanh, Hà Nội	
445	LS-2723	Trần Thu Lan	Nữ	24/11/1985	2308 Tòa S109, KĐT Vhop, Xã Gia Lâm, Hn	
446	LS-2724	Phạm Thị Lan	Nữ	23/08/1990	Thôn Động Phí, Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	
447	LS-2725	Tạ Thị Lan	Nữ	17/11/1990	Khu Thanh Sơn, P. Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh	
448	LS-2726	Nguyễn Thị Làn	Nữ	02/07/1982	TDP Bắc 2 - Phường Thủy Nguyên - TP Hải Phòng	
449	LS-2727	Bùi Đức Lân	Nam	14/08/1986	Khu 4 Phường Võ Cường Tỉnh Bắc Ninh	
450	LS-2728	Nguyễn Thị Lãng	Nữ	02/11/1993	Đa Phúc,Hà Nội	
451	LS-2729	Nông Thị Lê	Nữ	17/11/1999	Xóm Đồng Mè, xã Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	
452	LS-2730	Vũ Thị Lệ	Nữ	27/09/1984	Thôn An Phòng Giang, xã Tứ Kỳ, Thành Phố Hải Phòng	
453	LS-2731	Trần Thanh Lệ	Nữ	10/07/1977	P20-A9, TT Văn Chương, Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	
454	LS-2732	Phạm Thị Bích Lệ	Nữ	20/12/1983	Căn hộ chung cư 505, toà nhà N01B Golden land, số 275 Nguyễn Trãi, Khương Đình, Hà Nội	
455	LS-2733	Nông Văn Liêm	Nam	28/01/1985	Bản Cha, Tường Hạ, Sơn La	
456	LS-2734	Trần Xuân Liên	Nam	19/06/1987	TDP Tân Dương 6 Thủy Nguyên Hải phòng	
457	LS-2735	Nguyễn Thị Liên	Nữ	07/04/1981	Ngọc Tri ,Tiền Thắng,Hà Nội	
458	LS-2736	Mạc Thị Liên	Nữ	08/02/1982	Tổ dân phố 3 Hợp Thành phường Lê ích Mộc	
459	LS-2737	Đỗ Bá Liên	Nam	26/08/1975	Cụm 10 xã ô Diên Hà Nội	
460	LS-2738	Vũ Thị Kim Liên	Nữ	01/08/1984	94ct1 A4 Vạn Mỹ, Phường Ngô Quyền, Hải Phòng	
461	LS-2739	Vũ Thị Liên	Nữ	14/10/1984	Thôn An Thạch, Xã Tân Minh, Hải Phòng	
462	LS-2740	Trần Thị Liên	Nữ	21/06/1989	Đa Tốn,Gia Lâm,Hà Nội	
463	LS-2741	Đào Thị Liên	Nữ	01/09/1988	Đông Ngạc,Hà Nội	
464	LS-2742	Đặng Thị Liên	Nữ	12/02/1991	Viên Luạn, Tiên Lữ, Phú Thọ	
465	LS-2743	Nguyễn Thị Liễu	Nữ	09/01/1983	Thôn 7, xã Dương Hoà, TP. Hà Nội	
466	LS-2744	Phạm Thị Liễu	Nữ	09/08/1981	TDP Thọ Bi - Phường Thái Bình - Tỉnh Hưng Yên	
467	LS-2745	Vũ Văn Liệu	Nam	12/02/1991	Thôn thứ nhất - xã Bình Sơn - Tỉnh Ninh Bình	
468	LS-2746	Lê Thị Liệu	Nữ	20/02/1992	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	
469	LS-2747	Nguyễn Đức Linh	Nam	07/05/1990	Thôn Minh Hồng-Đặc Khu Cát Hải-Hải Phòng	
470	LS-2748	Phan Thủy Linh	Nữ	23/09/1983	Thôn Đại Độ-Xã Thiên Lộc-TP Hà Nội	
471	LS-2749	Đỗ Văn Linh	Nam	20/09/1992	mai hiên- xã đông anh - hà nội	
472	LS-2750	Mai Thị Thương Linh	Nữ	10/10/1997	Toà Ruby4 Goldmark City, 136 Hồ Tùng Mậu, Phú Diễn, Hà Nội	
473	LS-2751	Ngô Thùy Linh	Nữ	17/08/1994	Cao Phong - Hòa Bình	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
474	LS-2752	Nghiêm Thị Hải Linh	Nữ	06/07/1994	CH238A.S125.Vinhome Ocean Park, xã Gia Lâm, Hà Nội	
475	LS-2753	Hà Ngọc Linh	Nữ	22/04/2000	KĐT Gia Lâm, Xã Gia Toàn, Hà Nội	
476	LS-2754	Nguyễn Thị Hoài Linh	Nữ	07/06/1999	Yên Phong, Bắc Ninh	
477	LS-2755	Vũ Quyền Linh	Nam	21/08/1999	Tân Yên, Bắc Ninh	
478	LS-2756	Trịnh Thị Thùy Linh	Nữ	08/11/1987	TDP Trù 4, P. Đông Ngạc, Tp. Hà Nội	
479	LS-2757	Phạm Thị Phương Linh	Nữ	19/01/1992	4/18 Nguyễn Cơ Thạch, Cửa Nam, Ninh Bình	
480	LS-2758	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	08/03/1993	3/70 Văn Cao, Gia Viên, Hải Phòng	
481	LS-2759	Nguyễn Hồng Loan	Nữ	30/01/1991	Thôn 25 - xã Xuân Trường - tỉnh Ninh Bình	
482	LS-2760	Chu Thị Loan	Nữ	30/04/1989	Đồng Hỷ, Thái Nguyên	
483	LS-2761	Nguyễn Thị Loan	Nữ	25/01/1990	xã Tây Phương, Hà Nội	
484	LS-2762	Cần Thị Loan	Nữ	26/12/1987	xã Tây Phương, Hà Nội	
485	LS-2763	Nguyễn Thị Loan	Nữ	13/06/1988	Thôn Đặng Giang, Hòa Xá, Hà Nội	
486	LS-2764	Văn Tiến Lợi	Nam	29/04/1984	CH1610 CT7H KĐT Dương Nội, phường Dương Nội, TP Hà Nội.	
487	LS-2765	Nguyễn Bảo Long	Nam	17/07/1985	147/60/161 Phương Lưu, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	
488	LS-2766	Vũ Việt Long	Nam	11/08/1982	Kho 700 Hải Quân, Xã An Lão, Hải Phòng	
489	LS-2767	Nguyễn Hải Long	Nam	19/04/1998	TDP Hoàng 11, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội	
490	LS-2768	Hoàng Văn Long	Nam	20/10/1985	Số 35 ngõ 27 Võ Chí Công tổ 14 phường Nghĩa Đô, tp Hà Nội	
491	LS-2769	Từ Hoàng Long	Nam	04/05/1987	Yên Phú, Ngọc Hồi, Hà Nội	
492	LS-2770	Phùng Thị Lụa	Nữ	14/03/1988	Thôn Cốc Trại-Xã Thạch Thất-Tp Hà Nội	
493	LS-2771	Lương Đắc Luân	Nam	09/10/1986	TDP Vụ Nông - Phường Hồng An - TP Hải Phòng	
494	LS-2772	Lê Thành Luân	Nam	28/07/1994	Tổ dân phố thặng y - phường duy tiên - tỉnh ninh bình	
495	LS-2773	Nguyễn Thành Luân	Nam	26/06/1989	Xã vĩnh hải ,thành phố hải phòng	
496	LS-2774	Quách Chí Lực	Nam	05/10/1983	Số nhà 10E,ngõ 80,Đường Hoàng Công Khanh,Tổ dân phố Đồng Hòa,Phường Kiến An,Thành Phố Hải	
497	LS-2775	Vũ Văn Lương	Nam	20/09/1982	Kiến phong, Phường An Hải, Thành phố Hải Phòng	
498	LS-2776	Đặng Thị Lương	Nữ	08/02/1991	Thôn Lật Dương, Xã Tiên Minh, Hải Phòng	
499	LS-2777	Nguyễn Huy Lưu	Nam	07/09/1980	Thôn Quan Nhân, xã Tam Hưng , Tp Hà Nội	
500	LS-2778	Đặng Thị Lưu	Nữ	18/02/1989	19 Nguyễn Bình, Kênh Dương, Lê Chân, Hải Phòng	
501	LS-2779	Đỗ Thị Luyến	Nữ	06/11/1992	Hưng Đạo, Hải Phòng	
502	LS-2780	Phạm Thị Luyến	Nữ	09/08/1987	Tân Yên, Bắc Ninh	
503	LS-2781	Đào Thị Luyến	Nữ	25/05/1994	Thôn Cánh Chu, xã Hạ Bằng, Hà Nội	
504	LS-2782	Vũ Khánh Ly	Nữ	07/10/1994	Số 5/154/7 Đường Ngọc Lâm, Phường Bồ Đề, TP Hà Nội	
505	LS-2783	Bùi Thị Kim Ly	Nữ	11/07/1991	Thôn phố, xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ	
506	LS-2784	Vũ Thị Ly	Nữ	15/12/1980	Số 103 phố Quyết Thắng phường Thành Đông thành phố Hải Phòng	
507	LS-2785	Lương Thị Lý	Nữ	03/06/1990	3/18/60 Phan Đình Phùng khu 5 phường Thành Đông tp Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
508	LS-2786	Nguyễn Thị Mai	Nữ	14/10/1993	Mai Trang- Đại Xuyên- Hà Nội	
509	LS-2787	Hà Thị Mai	Nữ	12/04/1982	An Tri 1, Xã Vĩnh Hải, Hải Phòng	
510	LS-2788	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	31/08/1992	Đội 1, Quyết Tiến, Sơn Đồng, Hà Nội	
511	LS-2789	Vũ Thanh Mai	Nữ	27/02/1991	187 Trần Đăng Ninh, phường Tam Thanh, TP Lạng Sơn	
512	LS-2790	Nguyễn Thanh Mai	Nữ	01/06/1991	Số 2/152 TT công ty xi măng kiến thiết, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	
513	LS-2791	Nguyễn Thị Mai	Nữ	05/11/1991	Thôn Xuân Sơn, xã An Lão , tp Hải Phòng	
514	LS-2792	Đàm Thị Tuyết Mai	Nữ	14/06/1989	Ecohome 3,Đông Ngạc,Hà Nội	
515	LS-2793	Nguyễn Thị Mai	Nữ	10/06/1990	TDP 2 Tu Hoàng, Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	
516	LS-2794	Nguyễn Đức Mạnh	Nam	15/05/1992	Thôn An Tử, Xã Tiên Lãng, Hải Phòng	
517	LS-2795	Bùi Văn Mạnh	Nam	20/04/1991	TDP10/ Phường Bạch Đằng/ Thành Phố Hải Phòng	
518	LS-2796	Vũ Đình Mạnh	Nam	29/05/1973	Xóm Trung Thành, xã Văn Lãng, tỉnh Thái Nguyên	
519	LS-2797	Đỗ Văn Mạnh	Nam	25/10/1980	Thôn Giới tế xã Phú Lâm huyện Tiên du tỉnh Bắc Ninh	
520	LS-2798	Đỗ Thị Mạnh	Nữ	22/02/1986	KĐT Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	
521	LS-2799	Tạ Văn Mạnh	Nam	05/07/1981	Tân Yên, Bắc Ninh	
522	LS-2800	Nguyễn Trung Mạnh	Nam	05/12/1984	Thôn Đặng Giang, Hòa Xá, Hà Nội	
523	LS-2801	Vũ Tiến Mạnh	Nam	23/09/1998	Xóm 3, Thôn Nhu Kiều, phường An Dương, Thành Phố Hải Phòng	
524	LS-2802	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	16/08/1988	Xóm 3, Thôn Đông Cao, Xã Mê Linh, Thành Phố Hà Nội	
525	LS-2803	Nguyễn Đức Mạnh	Nam	21/07/1994	Đội 1 thôn Đại Hà - Xã Nguyên Giáp - Thành Phố Hải Phòng	
526	LS-2804	Nguyễn Thị Hà Mi	Nữ	19/06/1990	TDP 7,Phường Phú Diễn,TP Hà Nội	
527	LS-2805	Trần Thế Minh	Nam	20/02/1997	63 Hai Bà Trưng, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng	
528	LS-2806	Hà Quang Minh	Nam	13/03/2002	Tổ Dân Phố Số 2, Bò Sơn, Phường Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh	
529	LS-2807	Nguyễn Quang Minh	Nam	25/06/2003	Tổ dân phố Lê Lác 1 , Phường Hồng An, Thành Phố Hải Phòng	
530	LS-2808	Nguyễn Văn Minh	Nam	26/01/1977	Thôn Phương Trạch,Vĩnh Ngọc,Đông Anh,Hà Nội	
531	LS-2809	Trần Anh Minh	Nam	28/08/1985	TT Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	
532	LS-2810	Tạ Thị Mơ	Nữ	20/10/1987	Thuận Thượng, Xã Đan Phượng, TP Hà Nội	
533	LS-2811	Mai Văn Mừng	Nam	13/10/1984	Thôn Phú Cự, Xã Tiên Lãng, Hải Phòng	
534	LS-2812	Nguyễn Văn Mừng	Nam	02/08/1991	Thôn Trảng, xã Tân Tiến, Tỉnh Hưng Yên	
535	LS-2813	Vũ Giác My	Nữ	14/02/1982	C37, ngõ 109, Trường Chinh, phường Phương Liệt, TP Hà Nội	
536	LS-2814	Phạm Văn Nam	Nam	22/07/1993	Tổ Dân Phố Đông, Phường Nam Triệu, Thành phố Hải Phòng	
537	LS-2815	Nguyễn Ngọc Nam	Nam	17/02/1994	525 Xuân Đình bắc từ liêm hà nội □	
538	LS-2816	Phạm Văn Nam	Nam	27/09/1986	Xóm chùa thôn hương cầu xã xuân cảm tỉnh bắc ninh	
539	LS-2817	Vũ Thành Nam	Nam	06/11/1982	Tổ 13 phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	
540	LS-2818	Vũ Hữu Nam	Nam	05/11/2000	Thôn Đô Thượng Vĩnh Thượng, Xã Nam Ninh, Tỉnh Nam Định	
541	LS-2819	Nguyễn Văn Nam	Nam	15/02/1991	Tổ 8,Trung Nhị,Phường Phúc Yên,Tỉnh PhúThọ	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
542	LS-2820	Nguyễn Đức Nam	Nam	13/06/1994	Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh	
543	LS-2821	Trần Quốc Phương Nam	Nam	12/09/2002	Khu Gò Gai, TDP Đà Nẵng, Phường Thuỷ Nguyên, Thành Phố Hải Phòng	
544	LS-2822	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	08/06/1977	P1701 CT1 KĐT Mỹ Đình Mễ Trì TDP6 P Từ Liêm, Tp Hà Nội	
545	LS-2823	Phạm Thị Nga	Nữ	04/07/1989	Tổ dân phố Lưu kỳ 2 phường lưu kiếm thành phố Hải phòng	
546	LS-2824	Đoàn Thị Nga	Nữ	25/11/1997	Thôn Cổ Chất, Xã Ninh Giang, Tỉnh Ninh Bình	
547	LS-2825	Trần Thúy Nga	Nữ	25/12/1991	Khu 5, Xã Giã Lộc, TP. Hải Phòng	
548	LS-2826	Nguyễn Thị Nga	Nữ	22/12/1982	P16.10 - CT01 - Việt Kiều Châu Âu - Đô Thị Mỗ Lao, Phường Hà Đông - TP Hà Nội	
549	LS-2827	Phan Thị Nga	Nữ	20/04/1991	Căn hộ 513, Đơn nguyên 21B6, Toà 21B6-B7, KĐT thành phố Giao Lưu, TDP Hoàng 22, Phường Phú	
550	LS-2828	Ngô Thị Thúy Nga	Nữ	21/09/1995	Khu 16 xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	
551	LS-2829	Trần Thị Nga	Nữ	25/10/1989	Mỹ côi vụ bản ninh bình	
552	LS-2830	Lê Thị Nga	Nữ	17/08/1995	Thôn Đặng Giang,xã Hoà Phú tp Hà Nội	
553	LS-2831	Ngô Thúy Nga	Nữ	05/10/1985	Thôn Quất Lâm, xã Thượng Phúc, Hà Nội	
554	LS-2832	Phan Thị Quỳnh Nga	Nữ	20/09/1968	276 Trung Phụng, Phương Liên, Hà Nội	
555	LS-2833	Trần Thị Nga	Nữ	22/10/1990	Tổ dân phố Đồng Phường Đa mai tỉnh Bắc Ninh	
556	LS-2834	Lương Thị Ngân	Nữ	06/04/1984	TDP Hồ Bình, Phường Hoà Bình, TP Hải Phòng	
557	LS-2835	Cao Thị Ngân	Nữ	23/10/1986	Thôn Tri Lễ, xã Phú Xuyên , Hà Nội	
558	LS-2836	Khuất Thị Ngân	Nữ	20/10/1984	Thôn 3, Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	
559	LS-2837	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	05/04/1985	Tổ 19, Phú Lương, Hà Nội	
560	LS-2838	Bùi Thị Nghi	Nữ	22/06/1981	TDP Lâm Động 4 , Phường thiên Hương, Thành Phố Hải phòng	
561	LS-2839	Vũ Tiến Nghĩa	Nam	26/06/1983	Thôn Linh thượng xã An Khánh TP Hà Nội	
562	LS-2840	Lê Minh Nghĩa	Nam	18/11/2002	Tổ 23, Khu 2b, Phường Hà Tu, Tỉnh Quảng Ninh	
563	LS-2841	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	03/10/1991	số 8, tổ 3, khu 9A, P. Bãi Cháy, T. Quảng Ninh	
564	LS-2842	Phạm Trí Nghĩa	Nam	24/01/2002	Thôn Đông Thái, Xã Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng	
565	LS-2843	Lê Bình Ngọc	Nam	08/08/1994	Thôn 3 Cát Bà, Đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng	
566	LS-2844	Trương Thị Yến Ngọc	Nữ	03/09/2006	TDP liên Hải , phường Ngọc Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá	
567	LS-2845	Tạ Hồng Ngọc	Nữ	07/12/1993	P801, toà S208 KĐT Vinhomes Ocean Park, Đa Tốn, Gia Lâm, HN	
568	LS-2846	Trần Hoàng Ngọc	Nam	30/08/1994	Chu Quyển 2 , Xã Quảng Oai , Hà Nội	
569	LS-2847	Đỗ Văn Ngọc	Nam	09/06/1991	Tổ 68 phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	
570	LS-2848	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	05/05/1993	Khu Rừng Mận, xã Phù Ninh, Phú Thọ	
571	LS-2849	Nguyễn Văn Ngọc	Nam	29/07/1987	Thôn đặc tài-xã sóc sơn-tỉnh hà nội	
572	LS-2850	Đỗ Thị Ngọc	Nữ	08/06/1988	Thôn kính trực xã Kiến Hải - Thành Phố Hải Phòng	
573	LS-2851	Nguyễn Thị Hoa Ngọc	Nữ	19/05/2002	Nam Sơn 2, Xã An Hưng, Thành phố Hải Phòng	
574	LS-2852	Vũ Thị Bích Ngọc	Nữ	22/08/1982	TDP Bắc Vang, Phường Thuỷ Nguyên, TP Hải Phòng	
575	LS-2853	Nguyễn Cao Nguyên	Nam	05/04/1991	Đồi cóc - xã Nội Bài - Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
576	LS-2854	Nguyễn Văn Nguyên	Nam	20/10/1970	Thôn Đại Hà, xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng	
577	LS-2855	Đỗ Thị Nguyệt	Nữ	27/10/1993	47A/48/229 Hàng Kênh - Lê Chân - Hải Phòng	
578	LS-2856	Nguyễn Văn Nguyên	Nam	20/11/1998	Thôn 2 xã Nam Ninh tỉnh Ninh Bình	
579	LS-2857	Trịnh Thị Nguyệt	Nữ	25/09/1982	Lô 12A9 - tái định cư Bắc Sông cầm - Phường Thủy Nguyên - TP Hải Phòng	
580	LS-2858	Trần Thị Nguyệt	Nữ	21/11/1991	TDP Tân Quang 6, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang	
581	LS-2859	Trần Thị Nguyệt	Nữ	06/10/2003	Thôn Tân Lập, xã Ái Quốc, Hưng Yên	
582	LS-2860	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	29/08/1990	Thôn Đồng Táng Xã Hạ Bằng Thành Phố Hà Nội	
583	LS-2861	Phạm Thị Nhài	Nữ	01/08/1986	Thôn 21 xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình	
584	LS-2862	Phạm Thị Nhài	Nữ	25/12/1973	Nam Đô Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	
585	LS-2863	Trịnh Thị Thanh Nhân	Nữ	17/02/1980	Số nhà 5 ngõ 57 đường Dư Hàng, phường Lê Chân, Hải Phòng	
586	LS-2864	Lê Thị Nhân	Nữ	12/10/1995	Thôn Đại An, Xã Mậu A, Tỉnh Lào Cai	
587	LS-2865	Lê Thị Nhân	Nữ	21/01/1982	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	
588	LS-2866	Nguyễn Thị Nhân	Nữ	20/05/1983	Xóm Giữa, Ngọc Than, Kiều Phú, Hà Nội	
589	LS-2867	Nguyễn Hoài Nhân	Nam	05/04/1993	Tây Phương, Hà Nội	
590	LS-2868	Nguyễn Văn Nhất	Nam	13/06/1987	Đồng Xuân an trường Hải Phòng	
591	LS-2869	Trương Văn Nhất	Nam	15/07/1989	Ba Xuyên, Sông công, Thái Nguyên	
592	LS-2870	Lê Trần Khánh Nhi	Nữ	09/11/2003	P12-C8, Phường Kim Liên, Hà Nội	
593	LS-2871	Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	10/11/2002	10 Tân Nam 8, Phường Hàm Rồng, Tỉnh Thanh Hóa	
594	LS-2872	Nguyễn Thị Nhuận	Nữ	04/09/1986	Tdp Bái trong phường thủy nguyên thành phố hải phòng	
595	LS-2873	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	16/11/1992	2/23/298 Bùi Thị Tự Nhiên, Phường Lưu 3, Đông Hải, Hải Phòng	
596	LS-2874	Nguy Thị Hồng Nhung	Nữ	07/02/1982	TDP 3 Phường Duy Tiên, Tỉnh Ninh Bình	
597	LS-2875	Nguyễn Thúy Nhung	Nữ	08/11/1984	Thôn Đỗ Xá - xã Phù Đồng- TP Hà Nội	
598	LS-2876	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	26/04/1984	Tổ dân phố chợ Gạo phường Trường Thi tỉnh Ninh Bình	
599	LS-2877	Trịnh Hồng Nhung	Nữ	13/10/2001	6/157 Quốc lộ 5 Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng	
600	LS-2878	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	13/07/1989	TDP 4, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ	
601	LS-2879	Tạ Thị Nhung	Nữ	29/05/1991	Thôn Mục Uyên 1, xã Hạ Bằng, Hà Nội	
602	LS-2880	Vũ Phương Nhung	Nữ	05/10/1975	TDP Phố Mới, P Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh	
603	LS-2881	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	07/08/1996	Thôn Thống Nhất, Xã Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình	
604	LS-2882	Nguyễn Thị Phương Nhung	Nữ	17/07/2003	179 Lý Thường Kiệt, phường phù vân, tỉnh Ninh Bình	
605	LS-2883	Lê Nông Hồng Nhung	Nữ	14/08/1993	Tổ 7 Ngọc Xuân, Cao Bằng	
606	LS-2884	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	06/12/1981	Căn hộ 2608A, chung cư CTI Phường Long Biên, Tp Hà Nội	
607	LS-2885	Nguyễn Thanh Nhung	Nữ	21/04/1989	TDP Nông Lâm, Gia Lâm, Hà Nội	
608	LS-2886	Hoàng Thị Ninh	Nữ	26/01/1988	TDP Mảnh - Phường Thủy Nguyên - Thành Phố Hải Phòng	
609	LS-2887	Nguyễn Thị Ninh	Nữ	06/01/1986	Số 10 lô 13 Đoàn Kết Hồng Bàng Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
610	LS-2888	Ngô Thị Ninh	Nữ	05/08/1983	Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Ninh	
611	LS-2889	Trần Vũ Ninh	Nam	30/03/1986	Tổ dân phố Đống 1- Phường Đông Ngạc - TP Hà nội	
612	LS-2890	Phạm Mỹ Nữ	Nữ	09/08/1988	Tđc Thủy Sơn 5 phường Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng	
613	LS-2891	Ngô Ngọc Ny	Nam	22/04/1983	Số 2 Ngõ 18 Đội 2 , xã Đại Thanh , thành phố Hà Nội	
614	LS-2892	Hoàng Kiều Oanh	Nữ	05/03/1993	136 lô 9 mở rộng, tổ dân phố 13, phường Hải An, Hải Phòng	
615	LS-2893	Phạm Văn Oanh	Nam	22/11/1978	TDP Hồ Bình Phường Hoà Bình TP Hải Phòng	
616	LS-2894	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	20/10/1985	TDP5 Trung Văn, Đại Mỗ, Hà Nội	
617	LS-2895	Cao Thị Oanh	Nữ	08/03/1980	TDP Trung Kỳ, Phường Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá	
618	LS-2896	Trần Thị Kim Oanh	Nữ	26/01/2001	Thôn 4, Nam Đồng, Ninh Bình	
619	LS-2897	Nông Kim Oanh	Nữ	21/08/2000	Thôn Đồng Qua, Xã Khánh Yên, Tỉnh Lào Cai	
620	LS-2898	Hà Thị Kim Oanh	Nữ	01/01/1993	Tổ 10 Quan Hoa, Nghĩa Đô, Hà Nội	
621	LS-2899	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	21/03/1971	18 ngõ 421 phố minh khai -vĩnh tuy Hà Nội	
622	LS-2900	Nguyễn Kim Oanh	Nữ	07/11/1984	Số 7, ngách 198/3 Lê Trọng Tân, K Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	
623	LS-2901	Tổng Ngọc Phi	Nam	27/09/1969	Thôn Long An, Xã Gia Vân, Tỉnh Ninh Bình	
624	LS-2902	Trương Hữu Phiên	Nam	24/11/1985	Tân Yên, Bắc Ninh	
625	LS-2903	Vũ Duy Phong	Nam	06/01/1981	P312N3D1 cc Mai Xuân Dương, Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá	
626	LS-2904	Hoàng Thị Phong	Nữ	05/12/1987	Số 188 Đường Tiên Lũng, Tổ Dân Phố Ý La 5, Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang	
627	LS-2905	Nguyễn Thị Phong	Nữ	06/03/1990	Phường Bạch Mai, TP Hà Nội	
628	LS-2906	Vũ Mạnh Phú	Nam	12/11/1988	Khu 2, TT Tiên Lãng, TP Hải Phòng	
629	LS-2907	Ngô Hồng Phú	Nam	23/10/1987	An Tràng Xã An Lão Thành Phố Hải Phòng	
630	LS-2908	Nguyễn Văn Phúc	Nam	21/01/1986	Đông Xuyên Nội, Xã Tân Minh, Hải Phòng	
631	LS-2909	Vũ Danh Phúc	Nam	28/10/1982	Tổ dân phố Quyết Tiên, phường Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội	
632	LS-2910	Vũ Trí Phúc	Nam	01/02/1996	Thôn Húi, xã Cẩm Lý, tỉnh Bắc Ninh	
633	LS-2911	Ngô Hữu Phúc	Nam	05/06/1984	Tả Thanh Oai, Xã Đại Thanh, TP Hà Nội	
634	LS-2912	Đặng Ngọc Phúc	Nam	16/09/1995	Gia Lâm, Hà Nội	
635	LS-2913	Phạm Thị Phương	Nữ	27/12/1990	32/8/496 đường Điện Biên, Phường Đông A, Tỉnh Ninh Bình	
636	LS-2914	Nguyễn Đức Phương	Nam	07/05/1992	TDP Trại Trên Đông Phấn- Phường Lưu Kiếm- TP Hải Phòng	
637	LS-2915	Bùi Thị Phương	Nữ	24/03/1984	Xã An Trường - TP Hải Phòng	
638	LS-2916	Vũ Thị Phương	Nữ	01/08/1997	Thôn Tam linh, xã Nga Thắng, Thanh Hóa	
639	LS-2917	Nguyễn Văn Phương	Nam	08/06/1983	thôn phú túc , xã phương dục , TP hà nội	
640	LS-2918	Đình Văn Phương	Nam	02/07/1987	Thôn bù thượng xã yết kiêu thành phố hải phòng	
641	LS-2919	Bùi Thị Hoàng Phương	Nữ	26/05/1987	347 Lán Bè, phường An Biên, Hải Phòng	
642	LS-2920	Ngô Thị Quỳnh Phương	Nữ	22/03/1976	Hung Đạo, Hải Phòng	
643	LS-2921	Phan Thị Minh Phương	Nữ	26/11/1988	Số nhà 35 tổ 46 khu 5 Nông Trang Phú Phọ	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
644	LS-2922	Ma Thị Lan Phương	Nữ	24/01/1996	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	
645	LS-2923	Nguyễn Diệu Phương	Nữ	03/03/1991	tổ 58, Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	
646	LS-2924	Lê Đức Phương	Nam	06/09/1990	Tổ 25 phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	
647	LS-2925	Tạ Thị Thu Phương	Nữ	13/11/2000	Phú Đai, xã Hạ Bằng, Hà Nội	
648	LS-2926	Đỗ Mai Phương	Nữ	11/09/1994	Tiền Phong, Kha Sơn, Thái Nguyên	
649	LS-2927	Lưu Thị Dậu Phương	Nữ	28/06/1992	tổ 6, P. Phan Đình Phùng, T. Thái Nguyên	
650	LS-2928	Nguyễn Thị Phương	Nữ	02/08/1987	Thôn Xuân Tiên xã Chân Hưng thành phố Hải Phòng	
651	LS-2929	Vũ Văn Phương	Nam	14/06/1989	Thôn Nham cấp- Xã Nam Sách- Tp Hải Phòng	
652	LS-2930	Nguyễn Thị Phương	Nữ	03/02/1999	TDP 5 - Do Nha, phường An Dương, thành phố Hải Phòng	
653	LS-2931	Đỗ Thị Kim Phương	Nữ	31/08/1985	Số 1508 Tòa Hh3a Chung Cư Hoàng Huy, Phường Gia Viên, Hải Phòng	
654	LS-2932	Vũ Thị Phương	Nữ	02/05/1992	Tổ 8 phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	
655	LS-2933	Đặng Thị Phương	Nữ	30/03/1987	Đông Trù, Đông Anh, Hà Nội	
656	LS-2934	Ngô Thị Phương	Nữ	04/06/1995	Thôn Kim Bông, xã Hạ Bằng, Hà Nội	
657	LS-2935	Nguyễn Thị Phương	Nữ	30/11/1989	Hoàng Liệt, Hà Nội	
658	LS-2936	Nguyễn Thanh Phương	Nữ	06/08/1986	7 Tổ 2 Phường Cầu Giấy Hà Nội	
659	LS-2937	Vũ Thị Kim Phương	Nữ	28/03/1978	17 ngõ 426/46 Đường Láng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	
660	LS-2938	Bùi Thị Minh Phương	Nữ	01/12/1987	Xóm 3, Thôn Đông Cao, Xã Mê Linh, Thành Phố Hà Nội	
661	LS-2939	Nguyễn Văn Quân	Nam	06/08/1985	234-2 Khu đất dịch vụ Đông Mới- An Thọ- An Khánh- Hà Nội	
662	LS-2940	Nguyễn Quang Quân	Nam	02/08/1989	Tổ 11, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	
663	LS-2941	Đào Văn Quân	Nam	04/11/1992	xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	
664	LS-2942	Bùi Hồng Quân	Nam	08/04/1994	KĐT M Dương Nội, P. Yên Nghĩa, Tp. Hà Nội	
665	LS-2943	Đỗ Văn Quân	Nam	16/07/1979	34 ngõ 25 Phan đình Phùng phường Ba Đình thành phố Hà Nội	
666	LS-2944	Hoàng Minh Quang	Nam	12/08/1992	thôn An Thung, xã Quyết Thắng, thành phố Hải Phòng	
667	LS-2945	Đào Ngọc Quang	Nam	08/05/1986	Thôn Ngô Xuyên - Xã Như Quỳnh - Tỉnh Hưng Yên	
668	LS-2946	Kiều Xuân Quang	Nam	25/09/1991	Đông Kho - Hạ Bằng - Hà Nội	
669	LS-2947	Hoàng Bá Quang	Nam	04/11/1994	TDP Giảng Tín, phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa	
670	LS-2948	Kiều Vũ Quang	Nam	16/05/1987	Khu 7 xã Phù Ninh, Phú Thọ	
671	LS-2949	Nguyễn Thế Quang	Nam	11/11/1992	Số 3 ngách 195/44 Vũ Xuân Thiều, tổ 13 phường Phúc Lợi, tp Hà Nội	
672	LS-2950	Vũ Văn Quảng	Nam	06/12/1987	Thôn Xuân tiến xã chân thành phố Hải phòng	
673	LS-2951	Nguyễn Văn Quảng	Nam	21/04/1988	thôn cổ thổ xã lương sơn tỉnh Phú Thọ	
674	LS-2952	Nguyễn Thị Quế	Nữ	05/05/1974	Tổ 16, Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	
675	LS-2953	Nguyễn Thị Quy	Nữ	23/02/1988	Thôn 8 Hoà Lạc Hà Nội	
676	LS-2954	Bùi Ngọc Quý	Nam	26/07/1982	8/36/71 Đông Khê, phường Gia Viên, Hải Phòng	
677	LS-2955	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	26/06/1989	Tổ dân phố núi 1 phường Thủy Nguyên TP Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
678	LS-2956	Trần Thị Tô Quyên	Nữ	26/11/1981	Tháp Thượng, xã Đan Phượng, Hà Nội	
679	LS-2957	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	25/02/1984	125 đường Hai Bà Trưng, phường Lê Chân	
680	LS-2958	Trần Thị Quyển	Nữ	01/03/1990	252 Hàm Nghi, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng	
681	LS-2959	Đỗ Văn Quyên	Nam	23/01/1986	Thôn cầu, xã lạc đạo, tỉnh hưng yên	
682	LS-2960	Nguyễn Anh Quyển	Nam	29/04/2000	Trần Nguyên Hãn, An Biên, Hải Phòng	
683	LS-2961	Ngô Văn Quyên	Nam	03/02/1988	Xóm Hiên, thôn Hương Câu, xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh	
684	LS-2962	Lê Thành Quyết	Nam	19/03/1983	Thôn 3 phường Hòa Bình Hải Phòng	
685	LS-2963	Vũ Thị Quỳnh	Nữ	25/09/1992	Khu Vė, Xã Ninh Giang, Hải Phòng	
686	LS-2964	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	21/08/1988	Thôn Thiên Kha, Xã Quyết Thắng, Hải Phòng	
687	LS-2965	Hồ Thị Thúy Quỳnh	Nữ	12/07/1988	TDP Đồng Bầm, phường Linh Sơn, Thái Nguyên	
688	LS-2966	Chu Đức Quỳnh	Nam	04/05/1988	Ngõ 65 Hồ Đắc Di ,tổ 61, Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	
689	LS-2967	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	Nữ	28/08/1992	Xóm 5 ,Kim Hoàng , Sơn Đồng, Hà Nội	
690	LS-2968	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	17/11/1983	Tổ 13, P Long Biên, Hà Nội	
691	LS-2969	Đỗ Xuân Quỳnh	Nữ	14/06/1983	Long Biên, Hà Nội	
692	LS-2970	Nguyễn Thúy Quỳnh	Nữ	02/05/1991	Phường Hồng Gai, Quảng Ninh	
693	LS-2971	Trần Thúy Quỳnh	Nữ	15/10/1989	Xóm Trại 4, xã Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	
694	LS-2972	Đặng Thị Quỳnh	Nữ	13/03/1989	Thôn 3, Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	
695	LS-2973	Vũ Đức Sang	Nam	11/08/1997	Xuân Giang, Ninh Bình	
696	LS-2974	Trần Thị Sáng	Nữ	02/03/1985	Khu 9 xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	
697	LS-2975	Nguyễn Việt Sáng	Nam	18/10/1985	Mỹ côi Xã vụ bản Tỉnh Ninh bình	
698	LS-2976	Nguyễn Tiến Sĩ	Nam	22/12/1983	Thôn Thanh Đặng, xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên	
699	LS-2977	Lê Công Sơn	Nam	19/06/1992	Tổ dân phố Lương Đường, phường Hòa Bình, Thành phố Hải Phòng	
700	LS-2978	Đình Ngọc Sơn	Nam	15/08/1991	219 Phố Nguyễn Du, Xã Quảng Hà, Tỉnh Quảng Ninh	
701	LS-2979	Trần Anh Sơn	Nam	08/09/1990	9A Hẻm 376/29/4 Đường Bưởi, Phường Ngọc Hà, Hà Nội	
702	LS-2980	Hoàng Văn Sơn	Nam	20/07/1996	Khu Gò Cao, Xã Hùng Việt, Tỉnh Phú Thọ	
703	LS-2981	Nguyễn Thị Sơn	Nữ	13/11/1988	Tổ dân phố Mỹ Đông 5- Phường Lê Ích Mộc - Hải Phòng	
704	LS-2982	Phạm Văn Sơn	Nam	05/07/1987	TDP hoàng động 3 phường thiên hương TP Hải phòng	
705	LS-2983	Hoàng Văn Sơn	Nam	14/08/1996	Đồng Phúc, Thái Nguyên	
706	LS-2984	Đoàn Đình Sơn	Nam	07/08/1993	P302 K1 ĐN 3 TT Hào Nam, Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	
707	LS-2985	Cần Minh Sơn	Nam	23/06/1994	Cuối Chùa, xã Tây Phương, Hà Nội	
708	LS-2986	Nguyễn Như Hùng Sơn	Nam	28/11/1996	Số 4 ngõ 91/1, Linh Lang, Cống Vị, Hà Nội	
709	LS-2987	Trương Trọng Sơn	Nam	25/03/2000	Trung Thôn, Thiệu Giang, Thanh Hoá	
710	LS-2988	Bùi Thị Suốt	Nữ	11/07/1987	Tổ dân phố Hạ phường Hồng An thành phố Hải Phòng	
711	LS-2989	Bùi Công Thế Tài	Nam	26/10/1990	Thôn Hồng Thịnh , xã Quỳnh Phụ , tỉnh Hưng Yên	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
712	LS-2990	Nguyễn Thanh Tài	Nam	19/08/1979	Kdc Tân an_Hùng vương_Thị xã Phú Thọ (nay là phường Phú thọ- Phú thọ)	
713	LS-2991	Nguyễn Đức Tài	Nam	02/12/1997	Xóm Gừa, Xã Liên Sơn, Tỉnh Phú Thọ	
714	LS-2992	Trần Văn Tài	Nam	29/04/1989	Thôn Tam Cảnh, xã Hạ Bằng, Hà Nội	
715	LS-2993	Trương Thị Tâm	Nữ	12/09/1991	Thôn 3 xã Hoà Lạc Thành Phố Hà Nội	
716	LS-2994	Nguyễn Chí Tâm	Nam	25/12/1987	24/84 Phạm Tử Nghi, phường An Biên,tp Hải Phòng	
717	LS-2995	Trần Mạnh Tâm	Nam	11/03/1987	Phù Chính, Thổ Tang, Phú Thọ	
718	LS-2996	Lê Thị Tâm	Nữ	28/01/1986	Tổ 8, phường Quan Triều, Thái Nguyên	
719	LS-2997	Lê Văn Tâm	Nam	02/11/1998	Xóm Chùa Thôn Hương Cầu - Xã Xuân Cẩm- Tỉnh Bắc Ninh	
720	LS-2998	Dương Thị Tâm	Nữ	30/07/1992	Giải Phóng,Hoàng Mai,Hà Nội	
721	LS-2999	Nguyễn Thành Tâm	Nam	04/03/1985	Thôn Vĩnh Phúc, xã Phật Tích, tỉnh Bắc Ninh	
722	LS-3000	Cao Cự Tâm	Nam	12/12/1977	Xóm Bình Sơn, xã Tân Châu, Nghệ An	
723	LS-3001	Lê Thị Tâm	Nữ	02/04/1996	Đại Lai, Bắc Ninh	
724	LS-3002	Phạm Đức Tâm	Nam	22/08/1986	Thôn Như Lâm - xã Lạc Phượng - thành phố Hải Phòng	
725	LS-3003	Trần Xuân Tâm	Nam	28/12/1990	Thôn Đông Phong, Xã Đại Sơn, TP Hải Phòng	
726	LS-3004	Trần Thị Tâm	Nữ	11/07/1989	114b điện biên phủ . P lê thanh nghị . Tp Hải Phòng	
727	LS-3005	Lê Ngọc Tân	Nam	19/04/1974	157 Lê Lai Phường Ngô Quyền Thành Phố Hải Phòng	
728	LS-3006	Nguyễn Anh Tấn	Nam	20/09/1991	2/191 Nam Hải, Phường Đông Hải, Hải Phòng	
729	LS-3007	Lưu Văn Tăng	Nam	15/05/1980	TDP 4 Ngô Dương Phường An Phong- Thành Phố Hải Phòng	
730	LS-3008	Nông Minh Táy	Nam	21/08/1986	Thôn Thống Nhất ,Xã Thái Bình,Tỉnh Lạng Sơn	
731	LS-3009	Đình Huy Thái	Nam	20/03/2003	Số 14/33 Chu Văn An, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng	
732	LS-3010	Vũ Trần Thái	Nam	12/01/1983	Số 43, Tổ dân phố 7, phường Hồng An, thành phố Hải Phòng	
733	LS-3011	Nguyễn Minh Thái	Nam	28/02/1985	Tổ 72 phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	
734	LS-3012	Phạm Huy Thái	Nam	30/08/1974	Tổ dân phố số 3 -Phường Tù Liêm -TP Hà Nội	
735	LS-3013	Từ Minh Thái	Nam	07/05/1998	Tổ dân phố cầu cát phường Chũ tỉnh Bắc Ninh	
736	LS-3014	Vũ Thị Thắm	Nữ	20/05/1988	Tdp Giữa Phường Thủy Nguyên-Hải Phòng	
737	LS-3015	Lê Thị Hồng Thắm	Nữ	25/12/1982	Đội 13, Thôn Hạ Quất, Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	
738	LS-3016	Tạ Thị Thắm	Nữ	04/01/1986	Thôn Xuân Sơn, xã An Lão, Hải Phòng	
739	LS-3017	Lê Minh Thắng	Nam	23/01/1989	TDP Tây Giữa - P.Thủy Nguyên - TP. Hải Phòng	
740	LS-3018	Lê Văn Thắng	Nam	18/05/1975	TDP Đông Nhà Thờ, phường Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng	
741	LS-3019	Quách Toàn Thắng	Nam	29/01/1997	Lâm Cao- Quyết Thắng- Hải Phòng	
742	LS-3020	Đặng Minh Thắng	Nam	16/11/1987	Tổ dân phố Quyết Thắng, phường Bạch Đằng	
743	LS-3021	Vũ Hồng Thắng	Nam	19/06/1981	Thôn Ninh Duy, Xã Tiên Lãng, Hải Phòng	
744	LS-3022	Lê Văn Thắng	Nam	10/01/1987	Thôn Đâu Kiên ,Xã An Quang, Thành Phố Hải Phòng	
745	LS-3023	Đỗ Văn Thắng	Nam	03/03/1989	Phúc Thủy - Lý Nhân - Ninh Bình	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
746	LS-3024	Chữ Văn Thắng	Nam	14/02/1969	KDT Việt Hưng, Phường Việt Hưng, TP Hà Nội	
747	LS-3025	Nguyễn Hữu Thắng	Nam	11/07/1979	Đội 6 thôn Khê Nữ xã Phúc Thịnh - tp Hà Nội	
748	LS-3026	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	10/05/1988	Ngoại Thôn - Thạch Thất - Hà Nội	
749	LS-3027	Lê Văn Thanh	Nam	17/02/1988	Thôn Hoà Giang xã An Trường Thành phố Hải Phòng	
750	LS-3028	Kim Văn Thanh	Nam	30/03/1989	TDP Trung Tâm, phường Phố Yên, Tp Thái Nguyên	
751	LS-3029	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	16/11/1983	Thôn Lịch Sơn- xã Cẩm Lý - tỉnh Bắc Ninh	
752	LS-3030	Trương Mai Thanh	Nữ	01/08/1989	Số 41 Trần Đăng Ninh tổ 5 phường Cầu Giấy, Tp Hà Nội	
753	LS-3031	Trần Phương Thanh	Nữ	09/10/1987	Phường Định Công, TP Hà Nội	
754	LS-3032	Bùi Đăng Thanh	Nam	08/10/1993	Thôn Đồng Than, xã Mỹ Thái, tỉnh BN	
755	LS-3033	Nguyễn Thị Yến Thanh	Nữ	16/09/1996	Tân Mỹ, tỉnh Bắc Ninh	
756	LS-3034	Đỗ Thị Thanh	Nữ	30/01/1985	CT2b Tân Tây Đô, Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	
757	LS-3035	Cao Thị Thanh	Nữ	15/05/1970	10 Tổ 8 Giáp Lục, Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	
758	LS-3036	Tạ Thị Thanh	Nữ	12/07/1990	Gia Lâm, Hà Nội	
759	LS-3037	Nguyễn Trọng Thanh	Nam	03/03/1987	207 Lý Tự Trọng, phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng	
760	LS-3038	Nguyễn Trung Thành	Nam	12/07/1982	Thôn Bãi Thụ xã Đan Phượng Tp: Hà Nội	
761	LS-3039	Phùng Văn Thành	Nam	20/10/1983	Khu 5, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng	
762	LS-3040	Đoàn Văn Thành	Nam	27/02/1992	Tổ dân phố Kiên Bái 2 phường Thiên Hương Hải Phòng	
763	LS-3041	Trần Văn Thành	Nam	03/03/1989	Xã Đông Anh, TP Hà Nội	
764	LS-3042	Hoàng Thị Thanh	Nữ	23/07/1985	Đội 1 thôn quyết tiến xã sơn đồng thành phố hà nội	
765	LS-3043	Đình Thanh Thạnh	Nam	13/09/1984	Tổ dân phố số 2 ,xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình	
766	LS-3044	Nguyễn Văn Thạnh	Nam	15/02/1980	Thôn đào xá, phường Việt Hòa, tp hải Phòng	
767	LS-3045	Nguyễn Văn Thao	Nam	13/01/1989	TDP Quán, Phường Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng	
768	LS-3046	Nguyễn Lâm Thao	Nam	02/03/1990	Số 13 Ngõ 125 Bùi Xương Trạch, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	
769	LS-3047	Lương Thị Thảo	Nữ	09/08/1992	Đội 6, thôn Phong Cầu 2, xã Kiến Minh, TP Hải Phòng	
770	LS-3048	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	20/07/1995	Thôn 4, xã Hoà Lạc, Hà Nội	
771	LS-3049	Mai Thị Phương Thảo	Nữ	10/02/2002	Thôn Đông Kinh, xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hoá	
772	LS-3050	Phương Thảo	Nữ	18/12/1988	498 quang trung phường dương nội hà nội	
773	LS-3051	Phạm Thị Thảo	Nữ	23/07/1989	Tiểu trà 1, Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng	
774	LS-3052	Phùng Thị Phương Thảo	Nữ	09/03/1984	Đặng Lâm, Hải An, Hải Phòng	
775	LS-3053	Bùi Thị Hạnh Thảo	Nữ	19/09/1988	Tổ 2 khu vĩnh trung, phường mạo Khê tỉnh quảng ninh	
776	LS-3054	Nguyễn Thị Hương Thảo	Nữ	01/07/1990	Xóm Bình Định, xã Kha Sơn, tỉnh Thái Nguyên	
777	LS-3055	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	30/11/1981	Số 18, ngõ 149 đường Quang Tiên, TDP Số 2 Đình, Tây Mỗ, Hà Nội	
778	LS-3056	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	16/07/2000	Số 70, Hữu Vĩnh, Hòa Xá, Hà Nội	
779	LS-3057	Đình Thị Bích Thảo	Nữ	17/10/1972	Tổ 55 - Cụm 9, P Phú Thượng, TP Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
780	LS-3058	Phạm Thị Thu Thảo	Nữ	27/09/1994	Thôn Vọng Tân, Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	
781	LS-3059	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	02/10/2002	Thôn Vĩnh Lộc- Xã Văn Giang- Tỉnh Hưng Yên	
782	LS-3060	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	13/01/1993	Thôn Thượng Sơn, xã Tân Kỳ, TP Hải Phòng	
783	LS-3061	Đoàn Đắc Thạo	Nam	10/08/1989	Võ Cường, Bắc Ninh	
784	LS-3062	Nguyễn Thị Thêm	Nữ	06/10/1984	Số 667 Lk 30 Khu nhà ở HimLam Hùng Vương, phường Hồng Bàng, tp Hải Phòng	
785	LS-3063	Tạ Thị Thêm	Nữ	21/07/1987	Thôn Vũ Xá, xã Hải Hưng, Thành Phố Hải Phòng	
786	LS-3064	Nguyễn Thị Thêm	Nữ	25/05/1986	Tiên Du, Bắc Ninh	
787	LS-3065	Hà Văn Thi	Nam	27/08/1997	Thôn Cáp, Xã Ninh Giang, Thành Phố Hải Phòng	
788	LS-3066	Phan Xót Thiện	Nam	07/03/1994	Thôn 1 - Phương trù - Tam Hồng - Phú thọ	
789	LS-3067	Lê Quý Thiệp	Nam	08/03/1993	Khu 2 , phường Đông Triều , Tỉnh Quảng Ninh	
790	LS-3068	Phùng Văn Thiệp	Nam	21/07/1999	Du Mỹ - Xuân Trúc - Hưng Yên	
791	LS-3069	Nguyễn Văn Thiết	Nam	10/09/1995	CH1502 nhà T10, KĐT Vinhomes Time City, 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, tp Hà Nội	
792	LS-3070	Hoàng Thiết	Nam	02/06/1980	Đội 2, xã Đại Thanh, Hà Nội	
793	LS-3071	Đoàn Thị Thơ	Nữ	05/10/1987	Tổ dân phố Ngọc Sơn, phường Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.	
794	LS-3072	Đình Khắc Thọ	Nam	27/08/1987	Thôn Me, Tam Dương, Vĩnh Phúc	
795	LS-3073	Nguyễn Như Thọ	Nam	15/06/1988	Áp Ngoài, Xã Trung Chính, Tỉnh Bắc Ninh	
796	LS-3074	Đặng Thị Thoa	Nữ	28/01/1977	Khu10 -Tam Nông- Phú Thọ	
797	LS-3075	Nguyễn Văn Thoại	Nam	22/07/1984	Thôn 4, Chính Lý, Lý Nhân, Hà Nam	
798	LS-3076	Nguyễn Thanh Thom	Nữ	13/12/1991	Số 55a/309 đà nẵng, cầu tre, ngô quyền, hải phòng	
799	LS-3077	Lê Tiến Thông	Nam	21/11/1986	Tdp trung đồng-Hiệp hoà -Bắc ninh	
800	LS-3078	Phạm Xuân Thông	Nam	17/07/1971	Thôn An Cư, Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	
801	LS-3079	Nguyễn Minh Thu	Nữ	01/05/1988	Tổ 15 phường Hoà Bình	
802	LS-3080	Dương Hoài Thu	Nữ	17/06/1989	tổ 6, P. Phan Đình Phùng, T. Thái Nguyên	
803	LS-3081	Mai Minh Thu	Nữ	17/10/1984	Tổ 6, Phường Bò Đề, Hà Nội	
804	LS-3082	Đình Thị Thừa	Nữ	12/06/1988	Thôn 8 xã Hoà Lạc Thành Phố Hà Nội	
805	LS-3083	Nguyễn Trịnh Thuận	Nam	16/04/1990	TDP Lâm Động 3, phường Thiên Hương, thành phố Hải Phòng	
806	LS-3084	Đông Xuân Thuận	Nam	26/11/1997	TDP Lâu Trại phường thùy nguyên Hải phòng	
807	LS-3085	Ngô Đắc Thức	Nam	05/03/1985	Thôn vụ bản - xã xuân cảm - tỉnh Bắc Ninh	
808	LS-3086	Đàm Xuân Thương	Nam	15/03/1989	Phường Hạ An Hưng	
809	LS-3087	Hà Thị Thương	Nữ	05/12/1989	Thượng Yên - Xã Chuyên Mỹ - Thành Phố Hà Nội	
810	LS-3088	Trịnh Đức Thương	Nam	12/12/1990	49 Tổ 8 Cụm 2, Phường Tây Hồ, TP Hà Nội	
811	LS-3089	Lê Thị Thương	Nữ	10/05/1984	tdp 3, Yên Dũng, Bắc Ninh	
812	LS-3090	Nguyễn Văn Thường	Nam	05/11/1984	TDP hoàng động 4 phường thiên hương TP Hải phòng	
813	LS-3091	Tô Thanh Thuý	Nữ	27/08/1991	10 ngõ 44/38 Võ Thị Sáu, Phường Bạch Mai, Hà Nội.	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
814	LS-3092	Đào Thị Thuý	Nữ	10/05/1993	Tòa S212 KDT Vinhomes Ocean Park, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội	
815	LS-3093	Ngô Phương Thuý	Nữ	06/06/1988	Tổ 1 Long Biên, Long Biên, Hà Nội	
816	LS-3094	Hoàng Thị Bích Thuý	Nữ	21/08/1996	Tam Sơn, xã An Lão, thành phố Hải Phòng	
817	LS-3095	Đặng Văn Thuý	Nam	12/07/1986	Bạch Cầu/An Quang/Hải Phòng	
818	LS-3096	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	25/04/1997	Thôn 7, Bát Tràng, Hà Nội	
819	LS-3097	Lê Thị Thu Thủy	Nữ	10/08/1994	Thôn 5, xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên	
820	LS-3098	Hoàng Thị Lệ Thủy	Nữ	29/04/1977	TT nhà khách 214,tổ 7, Phường Đông Ngạc ,Hà Nội	
821	LS-3099	Ngô Thị Thuý	Nữ	25/08/1990	Tdp Hoa Động, Phường Thủy Nguyên, Tp Hải Phòng	
822	LS-3100	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	30/11/1987	Vân Quan, Phường Hưng Đạo, Hải Phòng	
823	LS-3101	Mai Thị Thu Thuý	Nữ	03/02/1983	Ba Vì - Hà Nội	
824	LS-3102	Trần Thị Thuý	Nữ	20/07/1984	Tổ 7 cụm Giang Biên, phường Việt Hưng, Hà Nội	
825	LS-3103	Trần Thị Phương Thuý	Nữ	23/04/1995	Khu 7 xã Phù Ninh, Phú Thọ	
826	LS-3104	Nguyễn Thanh Thuý	Nữ	11/08/2003	23 Dương Văn Bé, Vĩnh Tuy, Hà Nội	
827	LS-3105	Nguyễn Ngọc Thuý	Nữ	13/07/1987	TDP Tiên Tiến, phường Bắc giang, tỉnh Bắc Ninh	
828	LS-3106	Nguyễn Thị Hồng Thuý	Nữ	02/07/1982	TDP Sáu Phiến, phường Thủy Nguyên, tp Hải Phòng	
829	LS-3107	Hoàng Thị Thuý	Nữ	05/07/1987	TDP Hà Luận 2, Phường Hoà Bình, Hải Phòng	
830	LS-3108	Ngô Xuân Thùy	Nam	11/11/1990	Thôn Tao Tào, Phú Lâm, Tiên Du, Bắc Ninh	
831	LS-3109	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	23/03/1994	Thôn Ngọc Động, Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	
832	LS-3110	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	13/03/1985	Xóm 14, thôn Hậu Ái, xã Sơn Đồng, TP. Hà Nội	
833	LS-3111	Trương Phương Thủy	Nữ	11/05/1982	Cum 11, xã Ô Diên, Tp. Hà Nội	
834	LS-3112	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	09/09/1982	Thôn Khả Duy , xã Đoàn Đào , tỉnh Hưng Yên	
835	LS-3113	Bùi Thị Thu Thủy	Nữ	14/10/1992	phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	
836	LS-3114	Ngọ Thị Thủy	Nữ	01/02/1987	CH 702, Tòa HH4C, KĐT Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hà Nội	
837	LS-3115	Phạm Văn Thuyết	Nam	30/07/1986	thôn Lạc Cầu, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên	
838	LS-3116	Phạm Văn Tiến	Nam	22/12/1977	Đông Từ 3 phường Phù Liễn Hải Phòng	
839	LS-3117	Nguyễn Văn Tiến	Nam	23/01/1986	Ngõ 84, Phan Chu Trinh, Hải Dương, Hải Phòng	
840	LS-3118	Vũ Văn Tiến	Nam	29/09/1963	Tổ 2, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	
841	LS-3119	Đàm Viêt Tiến	Nam	09/12/1983	Thôn Ngọc động, xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	
842	LS-3120	Lê Thị Tiến	Nữ	06/09/1986	P258m1b chung cư thanh hà. Phường phú lương. TP Hà Nội.	
843	LS-3121	Nguyễn Văn Tiệp	Nam	08/12/1995	Đông Xuân 1, An Trường, TP Hải Phòng	
844	LS-3122	Bùi Duy Tiệp	Nam	22/09/1994	Thôn Văn Vật, Xã Nguyên Giáp, Thành Phố Hải Phòng	
845	LS-3123	Nguyễn Thị Tính	Nữ	30/07/1990	Khu 4 xã Bình Phú, tỉnh Phú Thọ	
846	LS-3124	Phạm Văn Tính	Nam	15/04/1991	Thôn Đâu Kiên, Xã An Quang , Thành Phố Hải Phòng	
847	LS-3125	Trương Đăng Tĩnh	Nam	15/02/1991	Căn 0629, toà s202 Vinhomes Smart city, phường Tây Mỗ, thành phố Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
848	LS-3126	Cù Huy Tịnh	Nam	27/08/1983	Tô dân phố Dưới, phường lưu kiếm, thành phố Hải Phòng	
849	LS-3127	Đỗ Văn Toán	Nam	02/11/1994	Xóm bắc cường, xã Minh Thái, Tỉnh Ninh Bình	
850	LS-3128	Hoàng Văn Toán	Nam	27/12/1991	Gia Lâm, Hà Nội	
851	LS-3129	Kiều Văn Toàn	Nam	04/10/1995	Yên Lạc 2, Xã Hạ Bằng, Thành phố Hà Nội	
852	LS-3130	Nguyễn Trọng Toàn	Nam	11/08/1999	Xóm 17 điệp Sơn yên nam duy tiên hà nam	
853	LS-3131	Hạ Văn Toàn	Nam	09/09/1989	Thôn chi đông 8 xã Quang Minh Hà Nội	
854	LS-3132	Trần Đình Toàn	Nam	01/01/1988	123 non côi thị trấn gôi xã vụ bản tỉnh ninh bình	
855	LS-3133	Trần Duy Toán	Nam	24/02/1980	Thôn Hát Môn 2, Xã Hát Môn, Hà Nội	
856	LS-3134	Trịnh Công Toán	Nam	19/08/1996	Thôn Chi Đông 3, Xã Quang Minh Hà Nội	
857	LS-3135	Phạm Thị Huyền Trang	Nữ	26/05/1989	Tdp Kiến Phong, phường An Hải, Hải Phòng	
858	LS-3136	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	28/11/1986	Số 20/23 Cát Linh, tổ dân phố Tràng Cát 1, phường Hải An, thành phố Hải Phòng.	
859	LS-3137	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	14/02/1991	TDP Chính mỹ 2 phường Lê Ích mộc TP Hải Phòng	
860	LS-3138	Nguyễn Thị Trang	Nữ	20/08/1992	TDP 6 tân dương phường thủy nguyên hải phòng	
861	LS-3139	Lương Thị Trang	Nữ	26/01/1991	Tô dân phố Quyết Tâm, phường Bạch Đằng, Hải Phòng	
862	LS-3140	Hoàng Thị Trang	Nữ	06/09/1994	Hoàng Kênh, Trung Kênh, Bắc Ninh	
863	LS-3141	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	20/04/1984	Thôn phủ_ xã Đường An _Thành Phố Hải Phòng	
864	LS-3142	Đỗ Thị Trang	Nữ	22/02/1994	Thôn Lộc Trung, xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên	
865	LS-3143	Vũ Thị Trang	Nữ	20/01/1993	Đội 1 Quyết Tiến Sơn Đông Hà Nội	
866	LS-3144	Ninh Thị Huyền Trang	Nữ	18/11/2002	thôn Tây lò, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh	
867	LS-3145	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	30/01/1998	Tổ 33, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	
868	LS-3146	Trương Thị Trang	Nữ	29/07/1982	Số 9, Ngọc Vườn Nho 2, TDP Tiêu Thượng, phường Tam Sơn, tỉnh Bắc Ninh	
869	LS-3147	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	28/12/1986	Tổ 2 phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	
870	LS-3148	Nguyễn Thị Trang	Nữ	05/05/1991	Tổ 4 phường Linh Sơn, Thái Nguyên	
871	LS-3149	Ngô Đình Trang	Nam	02/05/1991	Lý Viên- Xuân Cẩm- Bắc Ninh	
872	LS-3150	Nguyễn Mai Trang	Nữ	04/01/1993	Huỳnh Cung, Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	
873	LS-3151	Hoàng Thu Trang	Nữ	15/05/2004	TDP Thọ Mai, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	
874	LS-3152	Đinh Thị Thủy Trang	Nữ	02/03/1988	Tổ 1 Long Biên, Long Biên, Hà Nội	
875	LS-3153	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	19/09/1987	Đội 16 Thôn Bảo Tháp - Xã Quang Minh - Thành Phố Hà Nội	
876	LS-3154	Trần Thị Thu Trang	Nữ	25/05/2001	Tô dân phố Hương Đình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên	
877	LS-3155	Trần Mai Trang	Nữ	06/07/1986	TDP Hợp Thành 2, P Lê Ích Mộc	
878	LS-3156	Lê Trọng Tráng	Nam	26/07/1986	An Thọ, An Lão, Hải Phòng	
879	LS-3157	Đỗ Công Triển	Nam	03/12/1991	X.Quảng Bị, Thành Phố Hà Nội	
880	LS-3158	Ngô Bình Triệu	Nam	08/02/1985	Thôn cầu, Lạc Đạo, Hưng Yên	
881	LS-3159	Nguyễn Văn Trình	Nam	04/10/1993	Vạn Xuân, Thái Nguyên	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
882	LS-3160	Trần Xuân Trọng	Nam	01/07/1978	Nhà số 7 ngõ 25 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.	
883	LS-3161	Nguyễn Văn Trọng	Nam	20/11/1982	Xóm Đoàn Ai, Thôn Vô Lượng, Xã Yết Kiêu, Tp Hải Phòng	
884	LS-3162	Nguyễn Quang Trung	Nam	13/08/1999	Yên Phú - Nguyễn Văn Linh - Hưng Yên	
885	LS-3163	Nguyễn Quang Trung	Nam	22/01/1992	Tpđ 7,khu vực Kiền Bái,Phường Thiên Hương,Hải Phòng	
886	LS-3164	Nguyễn Đức Trung	Nam	25/10/1995	TDP Tân Quang 6, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang	
887	LS-3165	Vũ Quốc Trung	Nam	31/08/1991	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	
888	LS-3166	Nghiêm Tuấn Trung	Nam	10/03/1989	41 tổ 09 Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	
889	LS-3167	Nguyễn Văn Trường	Nam	02/07/1989	Căn hộ chung cư số 0312A, tòa S201, tổ dân phố số 9 Phường Tây Mỗ, Thành Phố Hà Nội	
890	LS-3168	Đàm Viết Trường	Nam	11/05/1992	Thôn ngọc động, xã thường tín, thành phố hà nội	
891	LS-3169	Nguyễn Quang Trường	Nam	28/11/1990	Tpđ Đại Thắng , phường Nam Đồ Sơn , tp Hải Phòng	
892	LS-3170	Nguyễn Mạnh Trường	Nam	28/08/1990	TDP Chiến Thắng, phường Vạn Xuân, Thái Nguyên	
893	LS-3171	Nguyễn Xuân Trường	Nam	24/10/1991	Xóm Hiên Thôn Hương Cầu Xã Xuân Cẩm Tỉnh Bắc Ninh	
894	LS-3172	Nguyễn Xuân Trường	Nam	09/07/1979	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	
895	LS-3173	Nguyễn Khắc Trường	Nam	10/07/2001	Thái Thọ, Thái Thụy, Hưng yên	
896	LS-3174	Trần Văn Trọng	Nam	29/09/1990	Nhà số 7b ngõ 2 đường máng nước, Tổ Dân Phố 05, phường An Dương, thành phố Hải Phòng	
897	LS-3175	Hoàng Anh Tú	Nam	17/10/1986	Xóm Sơn Tập, xã Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	
898	LS-3176	Nguyễn Văn Tú	Nam	01/07/1994	Thôn Lục Xuân - Xã Phúc Lộc - TP Hà Nội	
899	LS-3177	Trần Anh Tú	Nam	08/11/1994	Tổ 76 phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	
900	LS-3178	Đình Đồng Tú	Nam	29/12/1985	xã Lương Tài, Bắc Ninh	
901	LS-3179	Trần Ngọc Tú	Nam	24/09/1983	số 60 Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	
902	LS-3180	Nguyễn Tuấn Tú	Nam	05/05/1988	Số 13a Ngách 1/22 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, TP HN	
903	LS-3181	Nguyễn Tuấn Tú	Nam	18/10/2007	Tổ 13, Khu phố 4, Tráng Dài, Thành Phố Biên Hòa, Đồng Nai	
904	LS-3182	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	20/01/1987	Thôn Phả lê Xã đại đồng tỉnh Hưng Yên	
905	LS-3183	Nguyễn Trung Tuấn	Nam	20/06/1980	Số 25 ,ngách 130 ,ngõ 130,đường La Nội , phường Dương Nội , Tp Hà Nội	
906	LS-3184	Phạm Thanh Tuấn	Nam	12/01/1993	Tổ 46, Cụm 8, Đông Khê, Ngõ Quyền, Hải Phòng	
907	LS-3185	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam	01/07/1983	2/72 Lạch Tray, Phường Lê Chân, Hải Phòng	
908	LS-3186	Kiều Đăng Tuấn	Nam	27/03/1991	Thôn Đồng Kho - Xã Hạ Bằng - TP Hà Nội	
909	LS-3187	Trần Quang Tuấn	Nam	23/12/2002	TDP Bái Ngoại, Phường Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng	
910	LS-3188	Phạm Văn Tuấn	Nam	26/08/1983	Khu Dân Cư Lễ Quán , Phường Thạch Khôi , Thành Phố Hải Phòng	
911	LS-3189	Hoàng Anh Tuấn	Nam	08/10/2002	số 47 Chu Văn An, Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn	
912	LS-3190	Phạm Văn Tuấn	Nam	11/06/1988	Hoàng Động1,Thiên Hương,Hải Phòng	
913	LS-3191	Lê Minh Tuấn	Nam	11/01/1997	Hương Cầu- Xuân Cẩm- Bắc Ninh	
914	LS-3192	Dương Mạnh Tuấn	Nam	28/08/1996	Xóm Soi 3 xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	
915	LS-3193	Nguyễn Công Tuấn	Nam	19/07/1983	TDP La Sơn 2, xã Phú Bình, Thái Nguyên	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
916	LS-3194	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	09/02/1976	Tổ 10, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	
917	LS-3195	Thạch Minh Tuấn	Nam	08/06/1999	TDP Vũ Xá, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình	
918	LS-3196	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	24/06/1987	Cổ Dương, Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	
919	LS-3197	Trần Ngọc Tuấn	Nam	08/04/1992	TDP2 Thị Trấn Plei Kần, Ngọc Hồi, Kom Tum	
920	LS-3198	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	27/07/1990	Tổ 36 Bồ Đề Long Biên Hà Nội	
921	LS-3199	Dương Văn Tuấn	Nam	09/01/1998	Thôn tân mộc xã nam dương tỉnh Bắc Ninh	
922	LS-3200	Bùi Văn Tuấn	Nam	23/03/1987	Thôn hoà bình - xã bố hạ - tỉnh Bắc ninh	
923	LS-3201	Trần Thế Tùng	Nam	31/01/1994	29/224 Nguyễn Đức Cảnh, An Biên, Hải Phòng	
924	LS-3202	Đỗ Tiến Tùng	Nam	13/11/1983	Tổ dân phố Tây Trại-phường Hoà Bình	
925	LS-3203	Bùi Văn Tùng	Nam	08/12/1993	Tổ 20,Thư Lâm, Hà Nội	
926	LS-3204	Trần Thanh Tùng	Nam	20/04/1998	Đông Mỹ,Thanh Trì, Hà Nội	
927	LS-3205	Đỗ Sơn Tùng	Nam	21/08/1983	Miếu Hai Xã, An Biên, Hải Phòng	
928	LS-3206	Nguyễn Đồng Tùng Tùng	Nam	02/11/1989	Lô 79 LK5, TĐC Ấp Trần, TDP Ấp Trần, Phường Thủy Nguyên	
929	LS-3207	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	29/10/1979	Căn hộ chung cư số 410 nhà 5 tầng CT04B khu đô thị mới Việt Hưng, phường Việt Hưng, Thành phố	
930	LS-3208	Lò Thị Tươi	Nữ	24/01/1999	Tổ 4 phường phúc lợi Hà Nội	
931	LS-3209	Hoàng Bá Tường	Nam	18/02/1998	TDP Giảng Tín, phường Trúc Lâm, tỉnh Thanh Hóa	
932	LS-3210	Lê Văn Túych	Nam	16/03/1986	Đông Mai - Lạc Đạo - Hưng yên	
933	LS-3211	Đàm Thị Tuyên	Nữ	06/05/1983	Số nhà 62/33/36 đường gia phúc phường thạch khôì Thành Phố Hải Phòng(Hải Dương cũ)	
934	LS-3212	Chu Công Tuyên	Nam	27/09/1985	Lại Khánh, Thạch Thất, Hà Nội	
935	LS-3213	Trần Tuyên	Nam	07/07/1991	TDP Hợp Giang 2, phường Thực Phán, TP Cao Bằng	
936	LS-3214	Nguyễn Văn Tuyên	Nam	30/11/1983	Thôn chi đông 4 Xã quang minh TP Hà Nội	
937	LS-3215	Nguyễn Xuân Tuyên	Nam	26/03/1975	Thôn 3 Nam Điền xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình	
938	LS-3216	Nguyễn Thị Kim Tuyên	Nữ	15/06/1988	TDP 7, Phường Xuân Hòa,Tỉnh Phú Thọ	
939	LS-3217	Lê Quang Tuyên	Nam	25/08/1988	TDP Đồng Xuân, Việt Yên, tỉnh BN	
940	LS-3218	Nguyễn Minh Tuyên	Nam	12/05/1991	Thôn Tây An xã Chí Minh tp Hải Phòng	
941	LS-3219	Lã Minh Tuyên	Nam	22/02/1988	THÔN ĐỘI 3 , XÃ BÌNH AN , TỈNH NINH BÌNH	
942	LS-3220	Lê Thị Tuyên	Nữ	26/04/2000	Đồng Xuân 1, An Trường, TP Hải Phòng	
943	LS-3221	Phạm Xuân Tuyên	Nam	26/03/1994	Thôn 13, Xã Nguyễn Bình Khiêm, Hải Phòng	
944	LS-3222	Vũ Thị Tuyên	Nữ	29/08/1982	Tổ 33,Đại Kim, Phường Định Công, Hà Nội	
945	LS-3223	Nguyễn Quang Tuyên	Nam	01/10/1979	TDP4A Tân Dương,Phường Thủy Nguyên,Thành Phố Hải Phòng	
946	LS-3224	Nguyễn Xuân Tuyên	Nam	26/12/1981	Thành phố Hải Phòng	
947	LS-3225	Vũ Thị Tuyết	Nữ	29/11/1988	TDP5(Minh Tân) Phường Bạch Đằng TP Hải Phòng	
948	LS-3226	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	08/12/1988	Phố Vũ Huy Tấn, Tdp Thanh Xá, Phường Thạch Khôi, Thành Phố Hải Phòng	
949	LS-3227	Tạ Thị Tuyết	Nữ	14/06/1994	Xóm 1, Liệp Mai, xã Kiều Phú, TP Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
950	LS-3228	Lường Thị Tuyết	Nữ	22/08/1988	Tiên Lãng, Hải Phòng	
951	LS-3229	Hoàng Thị Tuyết	Nữ	02/10/1976	SN 492 đường Trần Phú, tổ 11 khu 1 phường Việt Trì, Phú Thọ	
952	LS-3230	Hoàng Thị Tuyết	Nữ	12/01/1983	Thôn Ốc Nhiêu, Đồng Than, Yên Mỹ, Hưng Yên	
953	LS-3231	Nguyễn Văn Tuyn	Nam	22/12/1985	TDP trại trên, đồng phân, phường lưu kiếm, thành phố hải phòng	
954	LS-3232	Vũ Thị Uyên	Nữ	18/07/1990	Ngân Cầu, Quyết Tiến, Tiên Lãng, Hải Phòng	
955	LS-3233	Vũ Thủy Uyên	Nữ	24/06/1997	Thường Lệ - Quang Minh - Hà Nội	
956	LS-3234	Phạm Thế Uyên	Nam	04/01/1996	TDP Lâu Trại, Phường Thủy Nguyên, TP Hải Phòng	
957	LS-3235	Đinh Thị Vân	Nữ	03/01/1995	Tổ dân phố Kim Sơn , phường An Phong , TP Hải Phòng	
958	LS-3236	Phan Thị Hồng Vân	Nữ	25/06/1998	28 Nguyễn Hữu Diên , khối Tân Thành 1 , phường Thành Vinh , tỉnh Nghệ An	
959	LS-3237	Nguyễn Thị Vân	Nữ	05/09/1987	Khu Tiên Ngoại - Phường Hợp Lĩnh - Tỉnh Bắc Ninh	
960	LS-3238	Nguyễn Thị Vân	Nữ	08/12/1991	Thôn Liên Trì Đồng Sơn, xã Kiều Phú, Thành phố Hà Nội	
961	LS-3239	Dương Thị Hoài Vân	Nữ	06/09/1988	Xóm Rô, xã Diêm Thụy, Thái Nguyên	
962	LS-3240	Đặng Thị Vân	Nữ	18/03/1983	50a/272/ đường đà nẵng phường ngô quyền thành phố hải phòng	
963	LS-3241	Nguyễn Khánh Vân	Nữ	02/01/1973	12 ngõ 596 Hoàng Hoa Thám, Phường Tây Hồ, TP Hà Nội	
964	LS-3242	Phạm Thúy Vân	Nữ	26/02/1988	Đội 4 Tế Tiêu, Thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	
965	LS-3243	Phạm Thị Cẩm Vân	Nữ	19/09/1993	Xã Tứ Kỳ -TP Hải Phòng	
966	LS-3244	Nguyễn Thị Vân	Nữ	12/04/1972	TDP Tân Dương 5 - Phường Thủy Nguyên	
967	LS-3245	Nguyễn Văn Vân	Nam	03/12/1982	Xóm Bãi,Xã Cổ Loa,Đông Anh,Hà Nội	
968	LS-3246	Phạm Thị Uyên Vi	Nữ	25/05/2002	Thôn 3 Thượng Vỹ, xã Vĩnh Trụ, tỉnh Ninh Bình	
969	LS-3247	Khuất Thị Viên	Nữ	31/01/1986	Thôn 2, xã Hạ Bằng, Hà Nội	
970	LS-3248	Lê Văn Viễn	Nam	08/03/1986	Lương Thế Vinh xã Vụ Bản tỉnh Ninh Bình	
971	LS-3249	Hoàng Quốc Việt	Nam	07/12/1992	Tổ dân phố Bạch Đằng - Phường Bạch Đằng - Thành phố Hải Phòng	
972	LS-3250	Vương Khánh Việt	Nam	18/04/1989	Tổ 85, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên	
973	LS-3251	Nguyễn Tiến Việt	Nam	13/08/2005	Du Nội, Xã Đông Anh, Hà Nội	
974	LS-3252	Nguyễn Văn Việt	Nam	08/07/2001	Khu 4 thị trấn Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	
975	LS-3253	Đàm Văn Việt	Nam	10/04/1984	Thôn Đông Cao, xã Mê Linh, Hà Nội	
976	LS-3254	Hoàng Văn Vinh	Nam	14/05/1992	Thôn Vinh an, xã Đông Yên, tỉnh Tuyên Quang	
977	LS-3255	Nguyễn Quang Vinh	Nam	26/07/1982	10/20 Hoàng Quý, Lê Chân, Hải Phòng	
978	LS-3256	Ngô Tuấn Vinh	Nam	29/11/1990	22C Trần Hưng Đạo, Phường Sơn Tây, Thành Phố Hà Nội	
979	LS-3257	Đào Mạnh Vinh	Nam	10/07/1983	Tân Hội,Đan Phượng,Hà Nội	
980	LS-3258	Trần Văn Vinh	Nam	27/06/1993	TDP Hồng Phú - Phường Phú Lý - Ninh Bình	
981	LS-3259	Nguyễn Tuấn Vũ	Nam	03/03/1990	Thôn Kinh Diên, xã An Khánh, TP Hải Phòng	
982	LS-3260	Trần Tuấn Vũ	Nam	23/02/1994	Thôn 3/2, Xã Vĩnh Bảo, Hải Phòng	
983	LS-3261	Trần Tuấn Vũ	Nam	06/07/1990	18 Hẻm 102/44/33 Pháo Đài Láng, Phường Láng, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
984	LS-3262	Ninh Việt Vũ	Nam	01/02/2003	Ninh Xá Thượng, Vũ Dương, Ninh Bình	
985	LS-3263	Đào Thị Vui	Nữ	30/03/1985	Cụm 4, Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	
986	LS-3264	Nguyễn Văn Vững	Nam	24/07/1978	Hòa Bình, Thủy Nguyên, Hải Phòng	
987	LS-3265	Nguyễn Duy Vương	Nam	24/04/1990	Thôn Quỳnh Ngọc, Quỳnh Phụ, Hưng Yên	
988	LS-3266	Dương Quang Vượng	Nam	14/11/1986	Đỗ Hà, Khánh Hà, Thường Tín, Hà Nội	
989	LS-3267	Đào Mạnh Vượng	Nam	17/06/2000	TDP Phúc Xã, p. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên	
990	LS-3268	Nguyễn Thị Xiêm	Nữ	08/02/1989	Thôn Văn Ông, xã Ứng Hoà, Hà Nội	
991	LS-3269	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	20/03/1992	Tổ dân phố Thuận Ty phường Hồng An thành phố Hải Phòng	
992	LS-3270	Đàm Thị Xuân	Nữ	12/01/1985	Thôn Đôn Giáo, Xã Lạc Phượng, Hải Phòng	
993	LS-3271	Nguyễn Tiến Xuân	Nam	04/12/1987	Thôn đặng giang- xã hoà xá - hà nội	
994	LS-3272	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	10/06/1986	Tổ Dân Phố 1, Phường Yên Dũng, Tỉnh Bắc Ninh	
995	LS-3273	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	03/09/1982	Xuân Nộn, Thụ Lâm, Hà Nội	
996	LS-3274	Mai Thị Xuyên	Nữ	02/02/1979	Hiệp Lực - Ninh Giang - Hải Dương	
997	LS-3275	Lê Thị Yên	Nữ	03/06/1991	Lk07/A1/97 Bạch Đằng, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	
998	LS-3276	Vũ Thị Hải Yên	Nữ	23/04/1983	Thôn 7, Xã Tiên Lãng, Hải Phòng	
999	LS-3277	Phạm Hồng Yên	Nữ	19/09/1994	Bắc Thăng-Kim Thành-thành phố Hải Phòng	
1000	LS-3278	Hoàng Hải Yên	Nữ	05/05/2001	Xóm 3, thôn Lương Quy, xã Thụ Lâm, thành phố Hà Nội	
1001	LS-3279	Nguyễn Thị Hải Yên	Nữ	11/08/1984	Hung Đạo, Hải Phòng	
1002	LS-3280	Trần Hải Yên	Nữ	29/01/1984	TDP Đầu Sơn 2, Văn Đầu, Kiến An, Hải Phòng	
1003	LS-3281	Vi Thị Hải Yên	Nữ	20/05/1990	Tổ 68 Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	
1004	LS-3282	Đặng Thị Yên	Nữ	15/05/1977	Tổ 38, ngọc thụy, phường bồ đề, tp Hà Nội	
1005	LS-3283	Hà Thị Bạch Yên	Nữ	06/03/1986	Xã Tu Vũ, Tỉnh Phú Thọ	
1006	LS-3284	Nguyễn Thị Yên	Nữ	09/10/1996	Thôn Tòng Lệnh, Xã Bát Bạt, Hà Nội	
1007	LS-3285	Lý Thị Yên	Nữ	18/10/1982	tổ 11 khu 7, P. Bãi Cháy, T. Quảng Ninh	
1008	LS-3286	Dương Thị Yên	Nữ	15/02/1972	Vĩnh Hưng, TP. Hà Nội	
1009	LS-3287	Bé Tùng Anh	Nam	05/10/2004	Xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	
1010	LS-3288	Đình Ngọc Đông	Nam	30/10/1987	Phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng	
1011	LS-3289	Hoàng Thị Huyền	Nữ	18/10/1993	Xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	
1012	LS-3290	Hà Thu Hường	Nữ	27/07/1990	Phường Thực Phán, tỉnh Cao Bằng	
1013	LS-3291	Hà Thị Mai	Nữ	29/10/1986	Phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	
1014	LS-3292	Nguyễn Thị Nga	Nữ	18/11/1986	Xã Kép, tỉnh Bắc Ninh	
1015	LS-3293	Đàm Văn Nguyên	Nam	21/12/1984	Phường Thực Phán, tỉnh Cao Bằng	
1016	LS-3294	Dương Hồng Nhung	Nữ	27/03/1991	Xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	
1017	LS-3295	Lê Xuân Vũ Tuấn	Nam	28/08/1990	Phường Tương Mai, thành phố Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1018	LS-3296	Đình Công Am	Nam	04/12/1980	Tổ 14, Phường Long Biên, TP Hà Nội	
1019	LS-3297	Nguyễn Thu An	Nữ	06/04/1988	C1006, Imperia Garden 203 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân, Hà nội	
1020	LS-3298	Nguyễn Thiện Ân	Nam	21/09/1976	Số 10 Ngõ 162 Đường Khương Đình, phường Khương Đình, Hà Nội	
1021	LS-3299	Nguyễn Thị Ân	Nữ	21/05/1989	Xã Hội Thanh, tỉnh Phú Thọ	
1022	LS-3300	Nguyễn Nhật Anh	Nữ	19/12/1992	127 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội	
1023	LS-3301	Lê Hoàng Anh	Nam	15/03/2002	Xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình	
1024	LS-3302	Phạm Vân Anh	Nữ	09/12/1989	Hoàng Mai - Hà Nội	
1025	LS-3303	Phạm Thùy Anh	Nữ	08/04/1994	Phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình	
1026	LS-3304	Đỗ Đăng Anh	Nam	29/07/1993	Xã Phú Yên, tỉnh Thanh Hóa	
1027	LS-3305	Nguyễn Duy Hoàng Anh	Nam	08/12/1992	Xã Thường Tín, TP. Hà Nội	
1028	LS-3306	Phạm Duy Anh	Nam	20/10/2007	Phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	
1029	LS-3307	Lê Thị Thục Anh	Nữ	29/04/1980	Thôn Từ Dương - Xã Chương Dương - Hà Nội	
1030	LS-3308	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	10/02/1978	Tổ 26 phường Long Biên, Hà Nội	
1031	LS-3309	Dư Đức Anh	Nam	03/08/1992	Số 15, ngõ 247B Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Lợi, Hà Nội	
1032	LS-3310	Trần Đức Anh	Nam	02/02/1994	Xã Phượng Dực, TP. Hà Nội	
1033	LS-3311	Hà Quỳnh Anh	Nữ	24/04/1988	Phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội	
1034	LS-3312	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	07/05/1996	Tương Mai, Hà Nội	
1035	LS-3313	Lê Thị Kim Anh	Nữ	27/09/1990	Số 12b/27 Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	
1036	LS-3314	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	08/09/1992	47 Hoàng Văn Thụ, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng	
1037	LS-3315	Nguyễn Hữu Việt Anh	Nam	19/06/1996	Thôn Hòa Lạc, Thống Nhất, Thành phố Lào Cai, Lào Cai	
1038	LS-3316	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	07/05/2000	Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang	
1039	LS-3317	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	18/08/1988	Khu 7, Thị trấn Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	
1040	LS-3318	Nguyễn Vân Anh	Nữ	12/06/1991	Số 12/6 ngõ Gốc Đẻ, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	
1041	LS-3319	Phạm Thị Thùy Anh	Nữ	02/12/1989	Kiều Ky - Kiêu Ky - Gia Lâm - Hà Nội	
1042	LS-3320	Hồ Mai Anh	Nam	13/02/1974	25/29 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng	
1043	LS-3321	Nguyễn Thị Kiều Anh	Nữ	11/10/1981	TDP số 14, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	
1044	LS-3322	Đỗ Thị Vân Anh	nữ\	15/05/1986	Liên Hà- Đông Anh- Hà Nội	
1045	LS-3323	Vũ Thị Anh	Nữ	06/08/1988	Xã Trung Giã - Hà Nội	
1046	LS-3324	Phạm Tuấn Anh	Nam	22/12/1995	Xã Tiên Tiến, tỉnh Hưng Yên	
1047	LS-3325	Hoàng Ngọc Anh	Nữ	02/10/1993	TDP An Thắng, Phường Hoà Bình, Hải Phòng	
1048	LS-3326	Phạm Thị Vân Anh	Nữ	27/11/1986	Vĩnh Ninh - Xã Đại Thanh - Tp Hà Nội	
1049	LS-3327	Trần Thị Kim Anh	Nữ	09/08/1978	Tổ 3, Khu 7, Bãi Cháy, Quảng Ninh	
1050	LS-3328	Vũ Công Việt Anh	Nam	20/10/1996	Tổ 8, Khu 3B, Phường Cẩm Phá, Quảng Ninh	
1051	LS-3329	Trần Thị Anh	Nữ	20/05/1993	Xã Tiên Lương, Tỉnh Phú Thọ	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1052	LS-3330	Hán Tạ Hà Anh	Nữ	14/07/1987	42/1 Phù Viên, Bồ Đề, Hà Nội	
1053	LS-3331	Nguyễn Đức Anh	Nam	04/06/1994	1 Lê Phụng Hiểu, Trảng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
1054	LS-3332	Vũ Đức Anh	Nam	22/05/1995	Tổ Dân Phố số 14, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	
1055	LS-3333	Đặng Trọng Ba	Nam	15/08/1986	Xóm Bạch Y - xã Tân Châu - Nghệ An	
1056	LS-3334	Đoàn Bắc	Nam	11/09/1975	Hai Bà Trưng, Hà Nội	
1057	LS-3335	Vũ Viết Bắc	Nam	25/06/1999	Xóm 1 - Xuân Đài - Xuân Trường - Nam Định	
1058	LS-3336	Bùi Xuân Bắc	Nam	11/08/1984	TDP 9, Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang	
1059	LS-3337	Nguyễn Văn Bách	Nam	16/07/1984	Xóm Đình Thôn Triều khúc xã Tân triều Huyện Thanh Trì TP Hà Nội	
1060	LS-3338	Lưu Thị Ngọc Bích	Nữ	03/05/1982	Phường Phú Lâm, Hồ Chí Minh	
1061	LS-3339	Thân Thị Biên	Nữ	08/11/1988	Tổ 2, Hùng Vương, TP. Phúc Yên, Vĩnh Phúc	
1062	LS-3340	Bùi Huy Bình	Nam	06/09/1989	Xã Tu Vũ, tỉnh Phú Thọ	
1063	LS-3341	Hoàng Thị Hòa Bình	Nữ	18/06/1973	Đội 10 Tả Thanh Oai Thanh Trì Hà Nội	
1064	LS-3342	Lê Xuân Bình	Nam	07/08/1987	Thôn phương Trạch xã Vĩnh Ngọc huyện đông anh thành phố hà nội	
1065	LS-3343	Nguyễn Thanh Bình	Nữ	01/05/1990	Phường Yên Sở, Hà Nội	
1066	LS-3344	Nguyễn Xuân Bộ	Nam	18/10/1991	Vũ Thư, Thái Bình	
1067	LS-3345	Cò Thị Bưởi	Nữ	08/05/1981	Phường Hà Đông, Hà Nội	
1068	LS-3346	Lưu Văn Cẩn	Nam	08/12/1985	Thôn 8, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	
1069	LS-3347	Phạm Thị Chang	Nữ	11/08/1994	Xã Vĩnh Am, TP Hải Phòng	
1070	LS-3348	Phan Chánh	Nam	27/04/2000	Phường Kim Liên, Hà Nội	
1071	LS-3349	Vũ Linh Chi	Nữ	24/10/1996	Phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	
1072	LS-3350	Tạ Thị Chi	Nữ	05/05/1989	Vũ Chính, Hưng Yên	
1073	LS-3351	Nguyễn Đình Phương Chi	Nữ	20/07/2003	X. Hoà Đức, TP. Hà Nội	
1074	LS-3352	Phạm Xuân Chiến	Nam	13/03/2000	Yên Sơn, Tuyên Quang	
1075	LS-3353	Nguyễn Chí Chiến	Nam	12/10/1978	Xã Dương Hòa, TP Hà Nội	
1076	LS-3354	Chu Văn Chiến	Nam	18/10/1984	Phúc Hậu 1, xã Đông Anh, Hà Nội	
1077	LS-3355	Đỗ Thị Kiều Chinh	Nữ	15/06/2000	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	
1078	LS-3356	Trần Thụy Thùy Chinh	Nữ	29/04/1984	Tổ 8, Phường Định Công, Hà Nội	
1079	LS-3357	Phan Văn Chính	Nam	14/01/1998	TDP Minh Sơn- Phường Tân Dân- Thị xã Nghi Sơn- Tỉnh Thanh Hoá	
1080	LS-3358	Vũ Thành Chung	Nam	18/03/2000	Thôn Khuôi Nhe, xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang	
1081	LS-3359	Phạm Thị Chung	Nữ	02/10/1983	P. Bãi Cháy, T. Quảng Ninh	
1082	LS-3360	Nguyễn Thị Chuyên	Nữ	13/02/1985	Văn Giang, Hưng Yên	
1083	LS-3361	Nguyễn Chử Công	Nam	08/01/1979	Phường Hà Đông, TP Hà Nội	
1084	LS-3362	Lê Thành Công	Nam	10/08/1990	Tứ Dân, Khoái Châu, Hưng Yên	
1085	LS-3363	Trần Chí Công	Nam	22/12/1996	Tổ 12 Cốc Lều, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1086	LS-3364	Nguyễn Thành Công	Nam	02/05/1984	Cụm 5, xã Hồng Vân, TP Hà Nội	
1087	LS-3365	Trịnh Đức Biên Cương	Nam	05/04/1986	Xã Tồn Thuận, Hưng Yên	
1088	LS-3366	Nguyễn Hùng Cường	Nam	28/06/1993	Tổ 7 phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội	
1089	LS-3367	Trương Tiến Cường	Nam	15/08/1995	Tổ 5, Khu phố Thanh Sơn 3, Ưông Bí, Quảng Ninh	
1090	LS-3368	Bùi Tiến Đại	Nam	14/11/1991	Địa chỉ Số Nhà 45, Tổ 33B, Khu 3, Phường Cao Xanh, Tỉnh Quảng Ninh	
1091	LS-3369	Mai Văn Đán	Nam	01/12/1984	Thôn Ngọc Quỳnh - Xã Như Quỳnh - Hưng Yên	
1092	LS-3370	Lê Bình Đăng	Nam	03/11/1984	Tổ 4, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	
1093	LS-3371	Nguyễn Ngọc Đạt	Nam	05/01/1993	Phường Hiệp Hòa, tỉnh Quảng Ninh	
1094	LS-3372	Phạm Tuấn Đạt	Nam	02/05/1991	Thanh Xuân - Hà Nội	
1095	LS-3373	Nguyễn Thế Đạt	Nam	15/07/2001	Xã Hợp Minh - tỉnh Nghệ An	
1096	LS-3374	Quản Văn Đạt	Nam	21/08/1988	Thôn Thành Vật, Xã Vân Đình, Hà Nội	
1097	LS-3375	Nguyễn Văn Đệ	Nam	20/01/1983	Tdp Thanh Giã 2, Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	
1098	LS-3376	Vũ Kiều Diễm	Nữ	10/03/1994	Xóm 19, Xuân Vinh, Xuân Trường, Nam Định	
1099	LS-3377	Triệu Thị Trang Diễm	Nữ	11/05/1995	Văn Giang - Hưng Yên	
1100	LS-3378	Lê Bích Diệp	Nữ	03/03/1995	P2, T1, Nhà A, 107 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
1101	LS-3379	Trần Duy Diệp	Nam	07/12/1992	Xã Bình Minh - Hà Nội	
1102	LS-3380	Chu Ngọc Diệp	Nam	07/05/1987	Quang trung. Kiến xương, thái bình	
1103	LS-3381	Nguyễn Thúy Diệu	Nữ	10/12/1994	Thanh Xuân, Hà Nội	
1104	LS-3382	Lương Thanh Đình	Nam	20/11/1983	Khu 2 - xã Trạm Thán - tỉnh Phú Thọ	
1105	LS-3383	Đặng Văn Đình	Nam	27/02/1985	Phường Đại Mỗ - Hà Nội	
1106	LS-3384	Nguyễn Thị Đình	Nữ	10/05/1984	Khu Cổ Lễ, Hoàng Quế, Đông Triều, Quảng Ninh	
1107	LS-3385	Đỗ Văn Đoan	Nam	17/02/1985	TDP Lò, Phường Tân Mỹ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang	
1108	LS-3386	Phạm Văn Đoàn	Nam	01/01/1982	Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	
1109	LS-3387	Đình Bá Đoàn	Nam	16/06/1987	Thôn Quang Rực, xã Khúc Thừa Dụ - Thành phố Hải Phòng	
1110	LS-3388	Đào Văn Đoàn	Nam	06/05/1992	Thôn 2 Phương Trù, Yên Phương, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	
1111	LS-3389	Nguyễn Ngọc Đông	Nam	02/06/1987	Mật Thôn, Xã Thiệu Hóa, Thanh Hóa	
1112	LS-3390	Nguyễn Văn Đông	Nam	28/09/1991	Thôn Bền - Đức Hoà- Sóc Sơn - Hà Nội	
1113	LS-3391	Lê Văn Đức	Nam	01/09/1986	Hoàng Mai - Hà Nội	
1114	LS-3392	Khổng Duy Đức	Nam	17/03/1981	Phú Diễm, Hà Nội	
1115	LS-3393	Nguyễn Nguyên Đức	Nam	27/10/1984	Số 25, Tổ 49, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	
1116	LS-3394	Nguyễn Văn Đức	Nam	08/09/1992	Xóm 6 Tân Sơn, Quỳnh Lưu, Nghệ An	
1117	LS-3395	Nguyễn Văn Đức	Nam	04/08/1995	Kiên Tân, Quảng Nghiệp, Tứ Kỳ, Hải Dương	
1118	LS-3396	Phạm Văn Đức	nam	16/11/1986	P406 CT4A1 TN Linh Đàm Hoàng Liệt Hoàng Mai Hà Nội	
1119	LS-3397	Lê Hồng Đức	Nam	01/12/1994	Thôn 12 xã Hạ Long - H. Văn Đồn - Quảng Ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1120	LS-3398	Nguyễn Đình Đức	Nam	03/11/1992	TDP Tân Dương 2, Phường Thủy Nguyên, Hải Phòng	
1121	LS-3399	Phạm Anh Đức	Nam	12/04/2005	X. Đông Anh, TP. Hà Nội	
1122	LS-3400	Nguyễn Thị Lan Dung	Nữ	13/11/1988	Phú Lương, Hà Nội	
1123	LS-3401	Nguyễn Thị Dung	Nữ	28/08/1992	Diễn Châu, Nghệ An	
1124	LS-3402	Lê Thị Thùy Dung	Nữ	23/07/1991	Nam Hưng, P. Đông Quang, Thanh Hóa	
1125	LS-3403	Lưu Thùy Dung	Nữ	10/02/1990	Mạn Lạn, Thanh Ba, Phú Thọ	
1126	LS-3404	Đỗ Thị Kim Dung	Nữ	06/10/1982	Tổ 16 cụm 4 Hạ Đình Thanh Xuân Hà Nội	
1127	LS-3405	Nguyễn Thị Dung	Nữ	27/11/1984	Tổ 23 Nghĩa Đô, Hà Nội	
1128	LS-3406	Hoàng Thị Thùy Dung	Nữ	11/06/1986	X. Liêm Hà, T. Ninh Bình	
1129	LS-3407	Cao Duy Dũng	Nam	22/08/1996	Xã Bát Bạt, Hà Nội	
1130	LS-3408	Đỗ Hữu Dũng	Nam	02/01/1983	Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên.	
1131	LS-3409	Ngô Doãn Dũng	Nam	21/04/1991	Số 76B, tổ 2, Kiển Hưng, Hà Đông, Hà Nội	
1132	LS-3410	Nguyễn Anh Dũng	Nam	24/02/1998	Phụng Thương- Phúc Thọ- Hà Nội	
1133	LS-3411	Ngô Mạnh Dũng	Nam	16/11/1983	Đội 3, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, thành phố Hà Nội	
1134	LS-3412	Bùi Văn Dũng	Nam	07/10/1985	Tổ 11, Khu 2, Phường Tuần Châu, Quảng Ninh	
1135	LS-3413	Nguyễn Văn Dũng	Nam	08/03/1985	Số 3, Ngách 379/7 Đội Cán, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội	
1136	LS-3414	Lý Hà Dũng	Nam	16/03/1995	Tổ 41 khu Đông Tiến 1, phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	
1137	LS-3415	Nguyễn Quốc Dũng	Nam	15/11/1996	Khúc Thừa Dụ, Hải Phòng	
1138	LS-3416	Hoàng Mạnh Dũng	Nam	28/09/1989	Phường Xuân Phương, TP Hà Nội	
1139	LS-3417	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	14/04/1982	Số 7 ngõ 31 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Hà Nội	
1140	LS-3418	Trần Tuấn Duy	Nam	19/02/2002	Phường Ngọc Hà, Hà Nội	
1141	LS-3419	Vũ Trọng Duy	Nam	22/09/2001	Linh Quy Bắc, Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	
1142	LS-3420	Đào Nguyễn Ngọc Duy	Nam	26/02/1994	Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận	
1143	LS-3421	Hoàng Văn Duy	Nam	08/02/1991	Thôn Lạng Côn, xã Kiển Minh, TP Hải Phòng	
1144	LS-3422	Bùi Văn Duyên	Nam	13/05/1990	Xã Thiên Lộc, Hà Nội	
1145	LS-3423	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	06/10/1986	Dương Nội, Hà Nội	
1146	LS-3424	Ngô Thị Duyên	Nữ	26/09/1987	P2301 -ct6c, chung cư Bemes, Kiển Hưng, Hà Đông, Hà Nội	
1147	LS-3425	Hà Thị Gấm	Nữ	28/06/1999	X. Tân Thanh, T. Tuyên Quang	
1148	LS-3426	Đặng Thu Giang	Nữ	09/09/1991	Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	
1149	LS-3427	Nguyễn Thị Giang	Nữ	19/04/2006	Phường Trúc lâm - Thanh Hóa	
1150	LS-3428	Phạm Đức Giang	Nam	08/10/1995	22 ngách 462/10 Đường Bưởi - Vĩnh Phúc - Ba Đình - Hà Nội	
1151	LS-3429	Ngô Thị Giang	Nữ	25/03/1992	Xóm 5, Ân Hoà, Kim Sơn, Ninh Bình	
1152	LS-3430	Đặng Thị Ngân Hà	Nữ	20/03/1987	105 Chi Lăng, Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, T. Hải Dương	
1153	LS-3431	Phạm Thị Thu Hà	Nữ	10/02/1987	Tổ 11 Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1154	LS-3432	Trần Thị Thu Hà	Nữ	26/12/1991	Khu 2, Ca Đình, Đoàn Hùng, Phú Thọ	
1155	LS-3433	Dương Ngân Hà	Nữ	30/09/1985	số 11/45 phố Hoa Lâm, phường Đức Giang, Quận Long Biên, Hà Nội	
1156	LS-3434	Vũ Thu Hà	Nữ	28/10/1986	Phường Hồng Hà, Hà Nội	
1157	LS-3435	Bùi Thị Hà	Nữ	21/10/1998	Thôn Công Luận 1, TT Văn Giang, Hưng Yên	
1158	LS-3436	Dương Thanh Hà	Nữ	24/07/1984	Tổ 5, Khu 4, Phường Hồng Gai, Quảng Ninh	
1159	LS-3437	Mai Văn Hà	Nam	29/12/1990	Thông Lạng Côn, Xã Tiến Min, TP Hải Phòng	
1160	LS-3438	Lê Hà	Nữ	07/10/1981	Số 16 dãy HS Tập thể Bà Triệu, Phường Hà Đông, TP.Hà Nội	
1161	LS-3439	Nguyễn Thị Hà	Nữ	06/06/1986	Thôn Cự Khánh, Thiệu Quang, Thanh Hóa	
1162	LS-3440	Trần Văn Hải	Nữ	14/11/1983	Phúc Sơn, Tân Yên, Bắc Ninh	
1163	LS-3441	Phạm Thanh Hải	Nam	01/06/1995	Thành Đồng, Thiệu Công, Thiệu Hoá, Thanh Hoá	
1164	LS-3442	Trần Thanh Hải	Nam	15/06/1984	Số 2 tổ 27 TT Văn Công, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	
1165	LS-3443	Vũ Tuấn Hải	Nam	01/07/1989	Nội Am, Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	
1166	LS-3444	Hoàng Thị Thanh Hải	Nữ	11/12/1978	Phường Nghĩa Đô, Hà Nội	
1167	LS-3445	Hoàng Văn Hải	Nam	28/09/1986	Phú Lương, Thái Nguyên	
1168	LS-3446	Đặng Thị Hằng	Nữ	20/10/1990	THÔN ĐƯỜNG, XÃ ĐÔNG VIỆT, TỈNH BẮC NINH	
1169	LS-3447	Đinh Thị Hằng	Nữ	30/12/1989	Tt C/Ty KDCH Tổ 14, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	
1170	LS-3448	Mai Thị Thanh Hằng	Nữ	18/10/1995	Kính Nỗ, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	
1171	LS-3449	Ngô Thị Hằng	Nữ	22/08/1986	Số 310A8 TT Nghĩa Tân, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	
1172	LS-3450	Ngô Thị Hằng	Nữ	21/01/1989	Âu Cơ, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	
1173	LS-3451	Phạm Thị Hằng	Nữ	02/08/2001	Tổ 11, Phường Phú Lương, TP Hà Nội	
1174	LS-3452	Lê Thị Hằng	Nữ	19/07/1998	Thôn 6, xã Kiến Hải, TP Hải Phòng	
1175	LS-3453	Thái Thị Hằng	Nữ	24/01/1985	KĐT Nghĩa Đô, Phường Cầu Giấy, Hà Nội	
1176	LS-3454	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	04/01/1990	Thôn Giao Tự, xã Thuận An, thành phố Hà Nội	
1177	LS-3455	Vũ Thị Hằng	Nữ	07/08/1975	Xã Thượng Hồng, thành phố Hải Phòng	
1178	LS-3456	Lê Thị Hạnh	Nữ	05/09/1987	Thôn Thượng, xã Vĩnh Phú, Phú Thọ	
1179	LS-3457	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	06/02/1991	Thôn Đông Bài, xã Sóc Sơn, Hà Nội	
1180	LS-3458	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	04/12/1994	Xã Phú Nghĩa, Hà Nội	
1181	LS-3459	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	20/06/1980	Hoàng Liệt, Hà Nội	
1182	LS-3460	Đoàn Mỹ Hạnh	Nữ	27/04/2004	Thiết Ứng, Văn Hà, Đông Anh, Hà Nội	
1183	LS-3461	Hoàng Thị Hạnh	Nữ	08/03/1996	Thôn An Lập, Ngọc Lý, Tân Yên, Bắc Giang	
1184	LS-3462	Ngô Văn Hạnh	Nam	08/06/1981	Yên Trường Trường Thịnh Ứng Hoà Hà Nội	
1185	LS-3463	Nguyễn Thúy Hậu	Nữ	22/09/1993	Xã Thường Tín, TP. Hà Nội	
1186	LS-3464	Man Trung Hậu	Nam	17/08/1980	Xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên	
1187	LS-3465	Đỗ Thị Hậu	Nữ	30/06/1984	Tổ 21A, Khu Hà Khánh 3, Cao Xanh, Quảng Ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1188	LS-3466	Đặng Văn Hay	Nam	25/09/1998	Thôn Táo Hòa, Xã Trung Kênh, Tỉnh Bắc Ninh	
1189	LS-3467	Hứa Thị Hè	Nữ	02/11/1979	Tổ 6, Trần Nguyên Hãn, TP Bắc Giang	
1190	LS-3468	Trần Thị Phương Hiền	Nữ	31/08/1996	Phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội	
1191	LS-3469	Trương Thị Hiền	Nữ	07/08/1989	Phòng 1102,Ct1, Cc Ecogreen City, Tân Triều,Thanh Trì,Hà Nội	
1192	LS-3470	Vũ Thị Hiền	Nữ	22/10/1986	Phú Lương, Thái Nguyên	
1193	LS-3471	Nguyễn Hữu Hiệp	Nam	01/09/1997	Thôn Bền ,Đức Hoà ,Sóc Sơn ,Hà Nội	
1194	LS-3472	Nguyễn Quang Hiệp	Nam	07/07/1990	Phường Việt Hòa, Hải Phòng	
1195	LS-3473	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	05/09/2000	Khu 20 Hoàng Xá - Thanh Thủy - Phú Thọ	
1196	LS-3474	Phùng Trung Hiếu	Nam	18/11/2001	Khu 22, Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	
1197	LS-3475	Vũ Minh Hiếu	Nam	02/07/2000	Nông Công, Thanh Hóa	
1198	LS-3476	Nguyễn Đức Hiếu	Nam	12/07/1995	Phú Điền, Ứng Hoà, Hà Nội	
1199	LS-3477	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	26/04/1985	Tổ 53, Khu phố Hà Trung 5, Phường Hà Lâm, Quảng Ninh	
1200	LS-3478	Đoàn Thị Minh Hiếu	Nữ	01/04/1979	SỐ 06 nhà chung, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	
1201	LS-3479	Lê Như Hiếu	Nam	23/09/2002	P. Duy Hà, T. Ninh Bình	
1202	LS-3480	Đỗ Minh Hiếu	Nữ	20/11/1994	Số 16 ngõ 20 đường 158 Đồng Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	
1203	LS-3481	Trần Trung Hiếu	Nam	24/12/1990	Khôn Thôn- Minh Cường-Thường Tín- Hà Nội	
1204	LS-3482	Đỗ Xuân Hiệ	Nam	16/09/1989	An phú 2 , quỳnh hải, quỳnh phụ , thái bình	
1205	LS-3483	Trần Thị Thanh Hoa	Nữ	01/03/1983	Số 65, ngách 55 ngõ Chùa Liên Phái, phường Bạch Mai, Hà Nội	
1206	LS-3484	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	20/05/1991	Thôn La Ngạn 1, xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình	
1207	LS-3485	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Nữ	24/08/1985	Số 17, Phố Minh Khai ,Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương	
1208	LS-3486	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	26/02/1983	CH701, N03T3A, Khu Đoàn Ngoại Giao, Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	
1209	LS-3487	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	24/09/1992	Thôn Thụy Lân, xã Việt Yên, Tỉnh Hưng Yên	
1210	LS-3488	Hoàng Thị Hoa	Nữ	22/11/1987	Thái Sơn 4, Văn Hiến, Nghệ An	
1211	LS-3489	Phạm Thúy Hoa	Nữ	19/10/1979	Tổ 20 Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	
1212	LS-3490	Bùi Thị Hòa	Nữ	02/09/1995	Phúc Thịnh, Hà Nội	
1213	LS-3491	Lê Thị Thu Hòa	Nữ	17/12/2003	Xã Hương Sơn, Hà Nội	
1214	LS-3492	Phùng Thị Hòa	Nữ	28/12/1994	Xã Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ	
1215	LS-3493	Vương Thị Hòa	Nữ	20/04/1985	Tdp Đông Ngạc 7, phường Đông Ngạc, Hà Nội	
1216	LS-3494	Phạm Hữu Hòa	Nam	03/04/1985	Số 135 phố Vinh Hưng, Tổ 29, phường Vinh Hưng, Hà Nội	
1217	LS-3495	Đào Thị Hòa	Nữ	16/04/1986	Đội 7, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	
1218	LS-3496	Ngô Văn Hòa	Nam	19/03/1970	Việt Hưng - Quảng Ninh	
1219	LS-3497	Nguyễn Chu Đức Hoài	Nam	15/06/1994	Xóm Bàn Tin - Lũng Tao, Xã Hạnh Phúc, Tỉnh Cao Bằng	
1220	LS-3498	Trần Thị Hoan	Nữ	12/02/1987	Gia Lâm. Hà Nội	
1221	LS-3499	Đỗ Đình Hoan	Nam	18/01/1988	Phúc Xuân, Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1222	LS-3500	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	11/12/1992	Khâm Thiên, Hà Nội	
1223	LS-3501	Triệu Huy Hoàng	Nam	31/12/1982	Đống Đa, Hà Nội	
1224	LS-3502	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	06/12/2002	Tổ 8, Phường Thống Nhất, Tỉnh Phú Thọ	
1225	LS-3503	Phạm Thị Hoạt	Nữ	24/01/1992	Thôn Mễ Hạ, xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên	
1226	LS-3504	Trương Thị Hội	Nữ	20/12/1969	Thôn Thượng, Xã Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ	
1227	LS-3505	Lê Thị Hợi	Nữ	08/09/1983	TDP Thanh Nộn 1, Phường Lý Kiệt, Ninh Bình	
1228	LS-3506	Dương Thị Hồng	Nữ	28/11/1990	Phường Hà Đông, Hà Nội	
1229	LS-3507	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	24/06/1983	Tổ 14, Phường Long Biên, TP Hà Nội	
1230	LS-3508	Nguyễn Thu Hồng	Nữ	01/10/1988	Tổ 1, Khu 7, Phường Bãi Cháy, Quảng Ninh	
1231	LS-3509	Phạm Thị Hồng	Nữ	05/04/1984	P. Bãi Cháy, T. Quảng Ninh	
1232	LS-3510	Đỗ Thị Hồng	Nữ	02/01/1974	P. Phù Vân, T. Ninh Bình	
1233	LS-3511	Phạm Thị Bích Hợp	Nữ	23/04/1983	Cụm 5, xã Hồng Vân, TP Hà Nội	
1234	LS-3512	Hoàng Trọng Huân	Nam	11/04/1990	Thôn Hà Lỗ, xã Thư Lâm, Hà Nội	
1235	LS-3513	Từ Bá Huân	Nam	01/06/1986	Nguyễn Trãi, Hồng Vân, Hà Nội	
1236	LS-3514	Phạm Xuân Huân	Nam	12/01/1987	X. Thái Ninh, T. Hưng Yên	
1237	LS-3515	Đỗ Lệ Huệ	Nữ	05/09/1988	Tổ 14, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu	
1238	LS-3516	Nguyễn Hữu Huệ	Nam	05/02/1981	19 ngõ 38 Dốc Thọ Lão, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	
1239	LS-3517	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	22/11/1991	CH 1508 The Two KĐT Gamuda, Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	
1240	LS-3518	Vũ Thị Bích Huệ	Nữ	12/09/1979	51/11 Đội Văn, Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng	
1241	LS-3519	Lê Thị Huệ	Nữ	16/10/1991	TDP Sơn Bi, Bình Xuyên, Phú Thọ	
1242	LS-3520	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	16/05/1974	Phố Quán Gánh, xã Thường Tín, TP. Hà Nội	
1243	LS-3521	Đỗ Mạnh Hùng	Nam	23/12/1988	Tổ 4, Phường Xuân Hòa, Tp Phúc Yên, Phú Thọ	
1244	LS-3522	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	15/04/2003	Khu 13, Xã Yên Kỳ, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ	
1245	LS-3523	Phạm Thái Hưng	Nam	24/08/1991	Tổ 12, phường Từ Liêm, Hà Nội	
1246	LS-3524	Nguyễn Duy Hưng	Nam	11/07/1991	Tây Chi Phong, xã Đại Hoàng, Ninh Bình	
1247	LS-3525	Phạm Duy Hưng	Nam	25/10/1979	Ngõ 139 Tân Mai, Tổ 50, phường Tương Mai, Hà Nội	
1248	LS-3526	Bùi Văn Hưng	Nam	26/04/1984	Xóm 9, Tây Xá, xã Yên Lãng - TP Hà Nội	
1249	LS-3527	Vũ Quang Hưng	Nam	22/07/2003	Khu 4 Tiên An, Bắc Ninh	
1250	LS-3528	Nguyễn Huy Hưng	Nam	11/10/1983	Thôn Quần Hiền - Hòa Bình - Thường Tín - Hà Nội	
1251	LS-3529	Phùng Đức Hưng	Nam	18/02/1995	Mỹ Hương Lương Tài Bắc Ninh	
1252	LS-3530	Trần Văn Hưng	Nam	15/11/1994	TDP Thị An- Tiên Phong, Hưng Nhân, Hưng Hà, Thái Bình	
1253	LS-3531	Vũ Văn Hưng	Nam	20/10/1995	Cự Đà, Bình Minh, Hà Nội	
1254	LS-3532	Đan Đình Hưng	Nam	13/08/1989	KĐT Dream Town, TDP Dream Town, P. Xuân Phương, Hà Nội	
1255	LS-3533	Nguyễn Hưng	Nam	26/03/1991	Số 11/560/75 Nguyễn Văn Cừ, P.Bồ Đề, TP.Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1256	LS-3534	Nguyễn Đình Hưng	Nam	01/05/1990	Ô 22 Đền Lừ 2, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	
1257	LS-3535	Nguyễn Văn Hưng	Nam	01/11/1988	Căn hộ 606 Chung cư Hồng Hà Tower, số 89 Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	
1258	LS-3536	Đinh Thị Hương	Nữ	13/02/2001	Gia Viễn, Ninh Bình	
1259	LS-3537	Vũ Nguyên Hương	Nữ	28/04/1988	Phường Dương Nội, Hà Nội	
1260	LS-3538	Kiều Thị Thu Hương	Nữ	20/08/1985	Tổ 10 -Đức Giang - Long Biên - Hà Nội	
1261	LS-3539	Nguyễn Thị Lệ Hương	Nữ	10/09/1985	Tổ 6 khu 4 Phường Yết Kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh	
1262	LS-3540	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	17/06/1992	Căn hộ b1-910 chung cư ruby city3 phường phúc lợi long biên hà nội	
1263	LS-3541	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	28/04/1989	3228 HH3C KĐT Linh Đàm- Hoàng Liệt - Hoàng Mai- Hà Nội	
1264	LS-3542	Phạm Thị Hương	Nữ	06/06/1987	P405. C3 , phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	
1265	LS-3543	Chữ Thị Hương	Nữ	14/05/2000	Thôn Bến, Phụng Công, Hưng Yên	
1266	LS-3544	Vũ Thị Hương	Nữ	25/11/1987	Thôn Cự Đà, Xã Bình Minh, TP Hà Nội	
1267	LS-3545	Nguyễn Thu Hương	Nữ	30/01/2003	P. Lào Cai, T. Lào Cai	
1268	LS-3546	Mai Hương	Nữ	28/09/1984	CH2, tầng 19, tòa A, TTTMDVTH và NOCT, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	
1269	LS-3547	Nguyễn Thị Hường	Nữ	18/11/1996	Thanh Thủy, Phú Thọ	
1270	LS-3548	Vũ Thị Thu Hường	Nữ	09/01/1978	Văn Giang, Hưng Yên	
1271	LS-3549	Nguyễn Thu Hường	Nữ	27/08/1978	Thôn 3, Đông Du, Gia Lâm, Hà Nội	
1272	LS-3550	Đào Thị Bích Hường	Nữ	26/06/1987	Thôn 2, xã Trung Sơn, Tỉnh Tuyên Quang	
1273	LS-3551	Nguyễn Quang Huy	Nam	18/11/1992	Phường Yên Sở, Hà Nội	
1274	LS-3552	Phạm Văn Huy	Nam	21/04/1990	Xóm 12, xã Xuân Hưng, Tỉnh Ninh Bình	
1275	LS-3553	Nguyễn Vũ Huy	Nam	19/10/1991	Xóm 5, Hải Thịnh, Ninh Bình	
1276	LS-3554	Lê Trung Huy	Nam	10/10/1989	Tổ 4 khu 2 phường Trần Hưng Đạo- Hạ Long - Quảng Ninh	
1277	LS-3555	Phạm Gia Huy	Nam	22/09/2002	Xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình	
1278	LS-3556	Phạm Quang Huy	Nam	12/01/1980	Phường Phương Liệt, TP Hà Nội	
1279	LS-3557	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	04/01/1991	Thôn Hoàng Kênh, xã Trung Kênh, Tỉnh Bắc Ninh	
1280	LS-3558	Phạm Thu Huyền	Nữ	11/12/1982	Tổ 3 Phú La, Hà Đông, Hà Nội	
1281	LS-3559	Giáp Thanh Huyền	Nữ	14/07/1970	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	
1282	LS-3560	Lê Thị Huyền	Nữ	02/08/1990	Khu Tập Thể Xí Nghiệp Gỗ, phường Mỗ Lao, Hà Nội	
1283	LS-3561	Vương Thị Huyền	Nữ	30/07/1983	556 Ngãi Cầu - Xã An Khánh - Hà Nội	
1284	LS-3562	Hà Thị Huyền	Nữ	01/10/1990	Thôn Quang Rục, Xã Khúc Thừa Dụ, Thành phố Hải Phòng	
1285	LS-3563	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	08/10/1988	Số 12, ngõ 276/2 Đại Từ, Tổ 9, phường Định Công, Hà Nội	
1286	LS-3564	Hoàng Thị Huyền	Nữ	18/04/1989	18 Tổ 3, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	
1287	LS-3565	Lê Thị Huyền	Nữ	27/06/1990	P4244, CT12C KĐT Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	
1288	LS-3566	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	21/12/1993	Thôn Đông trù xã đông hội huyện đông anh Hà Nội	
1289	LS-3567	Lê Thị Huyền	Nữ	13/08/2005	Thọ Bắc Trại, Vĩnh Tường, Phú Thọ	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1290	LS-3568	Đào Thu Huyền	Nữ	20/09/1990	TDP 4 Hợp Giang, Phường Thục Phán, Tỉnh Cao Bằng	
1291	LS-3569	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	11/03/1986	Số 6 Trần Khát Chân, TDP Bạch Đằng 1, Phường Thủy Nguyên, Hải Phòng	
1292	LS-3570	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	08/01/1981	Thôn 2, Thạch Đà, mê Linh, Hà Nội	
1293	LS-3571	Phùng Thị Thanh Huyền	Nữ	27/01/1995	TDP6, Vân Gia, Trung Hưng, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội	
1294	LS-3572	Nguyễn Ngọc Khải	Nam	12/04/2003	Bản Nông Xôm, Hát Lót, Mai Sơn, Sơn La	
1295	LS-3573	Trần Duy Khánh	Nam	09/11/1996	Tổ 10 , Khu 2 , Phường Hồng Hà , TP Hạ Long , Tỉnh Quảng Ninh	
1296	LS-3574	Nguyễn Duy Khánh	Nam	16/09/1993	Khu 8 thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	
1297	LS-3575	Nguyễn Minh Khôi	Nam	25/11/1995	Phường Kim Liên, TP Hà Nội	
1298	LS-3576	Hoàng Văn Khương	Nam	17/06/1990	Vũ Ninh, Bắc Ninh	
1299	LS-3577	Ngô Trung Kiên	Nam	07/10/1992	Phường Khương Đình, TP Hà nội	
1300	LS-3578	Đỗ Xuân Kiên	Nam	12/03/1982	Xã Xuân Mai, TP Hà Nội	
1301	LS-3579	Nguyễn Trung Kiên	Nam	08/07/1983	Tổ 24, phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	
1302	LS-3580	Nguyễn Trung Kiên	Nam	07/05/1987	Hà Đông, Hà Nội	
1303	LS-3581	Nguyễn Trung Kiên	Nam	10/12/1984	Tổ 1, Khu 1, Phường Bãi Cháy, Quảng Ninh	
1304	LS-3582	Tạ Ngọc Kiên	Nam	14/12/1984	6 Ngõ Gia Tự A, Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	
1305	LS-3583	Trần Thị Kiều	Nữ	25/07/1992	Phường Xuân Đình, TP Hà Nội	
1306	LS-3584	Bàn Cao Kỳ	Nam	20/01/1991	Khuổi Nhe, Vĩnh Hào, Bắc Quang, Hà Giang	
1307	LS-3585	Nguyễn Hữu Lâm	Nam	08/03/1986	Xã Dương Hòa - Hà Nội	
1308	LS-3586	Phạm Xuân Lâm	Nam	04/03/1984	TDP Thanh Nộn 1, Phường Lý Kiệt, Ninh Bình	
1309	LS-3587	Lê Văn Lâm	Nam	30/09/1984	KP Đình Tâm, Xã Thiệu Hóa, Thanh Hóa	
1310	LS-3588	Nguyễn Thị Lan	Nữ	25/02/1996	Đội 8, Thôn Linh Thượng, Xã An Khánh, Hà Nội	
1311	LS-3589	Vũ Thế Lân	Nam	23/01/1983	Số nhà 6, ngõ 95B, Tổ 11, Khu 3, Phường Bãi Cháy, Quảng Ninh	
1312	LS-3590	Mai Thị Lành	Nữ	20/07/1987	Hoàng Mai - Hà Nội	
1313	LS-3591	Đỗ Xuân Lập	Nam	20/10/1988	Chung cư CT1 Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	
1314	LS-3592	Hoàng Doãn Lập	Nam	07/06/1985	Thiệu Phú, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	
1315	LS-3593	Hồ Văn Lê	Nam	08/07/1991	Đông Thành, Nghệ An	
1316	LS-3594	Vũ Thị Len	Nữ	18/04/1984	Tổ 14 Phường Long Biên , Thành Phố Hà Nội	
1317	LS-3595	Phạm Thị Liên	Nữ	25/10/1991	Hòa Bình - Phú Thọ	
1318	LS-3596	Hồ Thị Liên	Nữ	16/04/1987	Bắc Ninh	
1319	LS-3597	Ngô Thị Liên	Nữ	13/02/1985	Số 19 B90, Tdp Số 10 Cát Bi, Hải An, Hải Phòng	
1320	LS-3598	Nguyễn Thị Kim Liên	Nữ	29/08/1986	Tổ 7b khu 9b phường bãi cháy tp hạ Long quảng ninh	
1321	LS-3599	Nguyễn Thị Liên	Nữ	02/08/1985	Thôn chợ xã thống nhất hạ Long quảng ninh	
1322	LS-3600	Lý Văn Linh	Nam	08/07/1986	Xuân Lương - Bắc Ninh	
1323	LS-3601	Nguyễn Bảo Linh	Nữ	10/03/1998	625-H3 Tân Mai, phường Tân Mai, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1324	LS-3602	Lê Thị Thuỳ Linh	Nữ	03/10/1989	Số 02 Ngách 55/41 Vũ Xuân Thiều- Tô 19- Phường Phúc Lợi- Thành Phố Hà Nội	
1325	LS-3603	Nguyễn Văn Linh	Nam	24/09/1990	Thôn Từ Xá- Xã Hải Hưng - Hải Phòng	
1326	LS-3604	Đặng Thùy Linh	Nữ	13/09/2001	Tdp Xuân Lộc 2, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	
1327	LS-3605	Đặng Tuấn Linh	Nam	05/01/1993	Số 40 ngõ 87 Phố Đức Giang, Quận Long Biên, Hà Nội.	
1328	LS-3606	Lê Vũ Diệu Linh	Nữ	11/04/2001	21 ngõ 33 Bạch Đằng, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
1329	LS-3607	Nguyễn Hải Linh	Nữ	03/09/1999	113B Quyết Thắng, Bình Hàn, TP Hải Dương, Hải Dương	
1330	LS-3608	Vũ Mạnh Linh	Nam	24/03/1989	Đội 2- Vông La, Vông La, Đông Anh, Hà Nội	
1331	LS-3609	Trịnh Thị Mỹ Linh	Nữ	12/10/1986	Tổ 7B khu 9b Bãi Cháy , Hạ Long , Quảng Ninh	
1332	LS-3610	Nguyễn Tuấn Linh	Nam	20/09/1994	Thông Trung Tâm, Xã Thượng Bằng La, Văn Chấn, Yên Bái	
1333	LS-3611	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	15/12/1992	Ô Dịch vụ 07 - Lô 17 Khu đất dịch vụ - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội	
1334	LS-3612	Đào Khánh Nhật Linh	Nữ	20/08/2006	Phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	
1335	LS-3613	Lê Thuý Linh	Nữ	14/10/2001	Thôn 3, xã Thượng Bằng La, tỉnh Lào Cai	
1336	LS-3614	Trịnh Thuỳ Linh	Nữ	09/06/2003	135 Thôn Cự Đà, xã Bình Minh, Hà Nội	
1337	LS-3615	Trần Thị Hồng Lĩnh	Nữ	08/08/1985	P312, CT8B, tổ 2, KĐT Đặng Xá, Xã Thuận An, Hà Nội	
1338	LS-3616	Niềm Thị Loan	Nữ	13/07/1987	Số 165 Đường Đồi Trần Nhật Duật, Khu 7 Hải Yên, TP Móng Cái, Quảng Ninh	
1339	LS-3617	Đào Xuân Lộc	Nam	02/11/2006	Kiến Xương - Thái Bình	
1340	LS-3618	Lều Xuân Lộc	Nam	03/03/1994	Đội 10, An Chiếu 1, Liên Phương, Tp Hưng Yên ,Hưng Yên	
1341	LS-3619	Nguyễn Hữu Long	Nam	29/07/1990	Mạch Lũng - Xã Thiên Lộc - Hà Nội	
1342	LS-3620	Nguyễn Văn Long	Nam	01/10/1983	Thôn Mai Nham Xã Duy Phiên Huyện Tam Dương Tỉnh Vĩnh Phúc	
1343	LS-3621	Trịnh Hoàng Long	Nam	30/12/1984	Tổ 11 khu 9b phường bãi cháy Thành Phố Hạ Long tỉnh quảng ninh	
1344	LS-3622	Vũ Hưng Long	Nam	20/04/1998	Đại Đồng, xã Liên Minh, Tỉnh Ninh Bình	
1345	LS-3623	Quản Trọng Luân	Nam	16/06/1988	Mộc Châu, Sơn La	
1346	LS-3624	Vũ Thành Luân	Nam	01/11/1993	Khu 5, Hương Nộn , Tam Nông , Phú Thọ	
1347	LS-3625	Hoàng Thị Luân	Nữ	10/05/2002	Bản phé, Tông Cọ, Thuận Châu, Sơn La	
1348	LS-3626	Vũ Văn Luận	Nam	09/01/1984	Thôn Đông Quang Bình Kiến Xương Thái Bình	
1349	LS-3627	Nguyễn Văn Lực	Nam	19/12/1984	Triệu Sơn, Thanh Hóa	
1350	LS-3628	Kiều Văn Lực	Nam	15/10/1973	Tổ dân phố số 2, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	
1351	LS-3629	Nguyễn Viết Lương	Nam	28/02/1991	Khu 1, Xã Hiền Lương, Tỉnh Phú Thọ	
1352	LS-3630	Khuất Năng Lương	Nam	12/12/1999	Bản Nguyên - Phú Thọ	
1353	LS-3631	Nguyễn Duy Lượg	Nam	14/07/1990	Thôn Cả, Xã Quảng Bị, Thành phố Hà Nội	
1354	LS-3632	Trần Thanh Lưu	Nam	11/06/1980	Hoàng Mai - Hà Nội	
1355	LS-3633	Phạm Thị Luyên	Nữ	08/04/1995	TT K612 TDP Đường 5 Dương Xá Gia Lâm Hà Nội	
1356	LS-3634	Lê Thị Luyên	Nữ	19/12/1987	Phương Liệt - Hà Nội	
1357	LS-3635	Lê Cao Lý	Nam	11/11/2005	Đại Vĩ, Xã Thư Lâm, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1358	LS-3636	Nguyễn Văn Lý	Nam	12/12/1990	Thôn Cựu Quán, Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	
1359	LS-3637	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	23/04/1985	Hoàng Mai - Hà Nội	
1360	LS-3638	Trịnh Hoàng Mai	Nữ	25/07/1986	Thuận An - Hà Nội	
1361	LS-3639	Đỗ Ngọc Mai	Nữ	16/02/1991	Tổ 35 Khu 3, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	
1362	LS-3640	Lại Thị Mai	Nữ	13/01/1988	TDP Hồ Bình, Phường Hoà Bình, Hải Phòng	
1363	LS-3641	Vũ Thị Loan Mai	Nữ	04/01/1993	100A nhà 6A, TT ĐHTL, Phường Kim Liên, TP Hà Nội	
1364	LS-3642	Đỗ Thuý Mai	Nữ	26/08/1981	7 Hàng Đào, Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
1365	LS-3643	Trần Chính Mạnh	Nam	27/04/1990	5/21 Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng- Hải Phòng	
1366	LS-3644	Lê Đức Mạnh	Nam	24/10/1994	Tổ 4, Khu Dân Chủ, Phường Mạo Khê, Quảng Ninh	
1367	LS-3645	Nguyễn Văn Mão	Nam	12/06/1987	Phú Xuyên - Hà Nội	
1368	LS-3646	Phạm Thị Mến	Nữ	25/12/1992	Đội 4 Tả Thanh Oai Thanh Trì Hà Nội	
1369	LS-3647	Đặng Thị Minh	Nữ	04/11/1982	Đại Mỗ - Hà Nội	
1370	LS-3648	Nguyễn Hữu Minh	Nam	10/09/1986	Phương Liễu - Bắc Ninh	
1371	LS-3649	Nguyễn Danh Minh	Nam	01/08/1989	CHCC 1605B HH3, Ecolakeview, số 32 Đại Từ, phường Định Công, Hà Nội	
1372	LS-3650	Phạm Quang Minh	Nam	23/05/2003	Khu 4 Tiên An, Tỉnh Bắc Ninh	
1373	LS-3651	Lê Huy Quang Minh	Nam	19/01/2003	Cầu Giấy - Hà Nội	
1374	LS-3652	Nguyễn Đăng Minh	Nam	14/02/2000	Hùng Thắng -Binh Giang -Hải Dương	
1375	LS-3653	Trần Công Minh	Nam	05/04/2001	Tổ 15 Định Công, Hà Nội	
1376	LS-3654	Hồ Tuệ Minh	Nữ	18/11/2004	Tổ 23, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	
1377	LS-3655	Nguyễn Tường Minh	Nam	01/12/1969	102BC34 TT Mai Động - Q.Hoàng Mai - Hà Nội	
1378	LS-3656	Đoàn Thị Mơ	Nữ	23/09/1995	Khu 10, Tu Vũ, Phú Thọ	
1379	LS-3657	Phạm Thị Trà My	Nữ	23/11/1998	Phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	
1380	LS-3658	Đỗ Hà My	Nữ	06/04/1996	Tổ 2, khu 5, Cẩm Thành, Cẩm Phá, Quảng Ninh	
1381	LS-3659	Hoàng Trà My	Nữ	11/02/1996	P. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	
1382	LS-3660	Bạch Văn Nam	Nam	15/08/1988	Tổ dân phố 1, phường Hà Đông, Hà Nội	
1383	LS-3661	Hoàng Hải Nam	Nam	13/09/2002	Khu 13, Hoàng Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	
1384	LS-3662	Trần Thế Nam	Nam	29/01/1976	Thuận quang- Dương xá- Gia lâm- Hà nội	
1385	LS-3663	Trần Hoài Nam	Nam	10/10/1990	Ba Vi - hà Nội	
1386	LS-3664	Đặng Phương Nam	Nam	11/08/1994	TDP Lâu Trại, Thủy Nguyên, Hải Phòng	
1387	LS-3665	Đỗ Hải Nam	Nam	02/12/1993	Tổ 70, Khu Phố Hà Khâu 7, Phường Việt Hưng, Quảng Ninh	
1388	LS-3666	Phạm Đức Nam	Nam	10/12/1987	CT2 V3 khu NOXHH Phú Lâm, Phú Lương, TP Hà Nội	
1389	LS-3667	Nguyễn Văn Nam	Nam	20/04/1984	Xã Thiệu Hóa, Thanh Hóa	
1390	LS-3668	Nguyễn Đình Hoài Nam	Nam	13/01/2005	X. Hoài Đức, TP. Hà Nội	
1391	LS-3669	Phan Văn Năng	Nam	05/01/2002	Khu 10 - Hoàng Xá - Thanh Thủy - Phú Thọ	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1392	LS-3670	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	19/09/1990	Gia Lâm - Hà Nội	
1393	LS-3671	Lê Thị Nga	Nữ	22/08/1974	Tô 9 khu 3 phường Hùng Thắng, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	
1394	LS-3672	Trịnh Thị Bích Nga	Nữ	21/08/1982	P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	
1395	LS-3673	Trần Thị Ngân	Nữ	31/10/1995	Xã Vĩnh An, tỉnh Phú Thọ	
1396	LS-3674	Nguyễn Thị Hà Ngân	Nữ	09/03/1989	TDP5, Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	
1397	LS-3675	Nguyễn Thị Hà Ngân	Nữ	21/06/1989	TDP Tân Phong, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	
1398	LS-3676	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	01/01/1976	Mê Linh - Hà Nội	
1399	LS-3677	Phạm Minh Nghĩa	Nam	09/10/1988	Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội	
1400	LS-3678	Phạm Thị Nghĩa	Nữ	01/12/1991	Số nhà 22, Thôn 6, Thiệu Quang, Thanh Hóa	
1401	LS-3679	Nguyễn Minh Nghĩa	Nam	31/10/1984	CCCC 8Y2-CT2 Viện Bông, Phường Hà Đông, Hà Nội	
1402	LS-3680	Nguyễn Thị Nghĩa	Nữ	16/11/1990	X. Tân Minh, T. Ninh Bình	
1403	LS-3681	Hoàng Thị Bích Ngọc	Nữ	11/08/1980	TT ĐHM Địa chất, Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	
1404	LS-3682	Vũ Huyền Ngọc	Nữ	25/09/1978	Đống Đa - Hà Nội	
1405	LS-3683	Nguyễn Thị Giá Ngọc	Nữ	22/05/1991	Văn Lâm - Hưng Yên	
1406	LS-3684	Nguyễn Trọng Ngọc	Nam	14/12/1989	Yên Sở - Hà Nội	
1407	LS-3685	Nguyễn Hồng Ngọc	Nữ	12/07/2002	Vạn Xuân - Hưng Yên	
1408	LS-3686	Võ Thị Bích Ngọc	Nữ	26/04/1977	P. Khương Đình, TP. Hà Nội	
1409	LS-3687	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ	03/08/1971	P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	
1410	LS-3688	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	25/04/1979	P. Hồng Hà, TP. Hà Nội	
1411	LS-3689	Đỗ Minh Ngọc	Nữ	05/02/1985	Số 148 Phố Lò Đúc, Đồng Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	
1412	LS-3690	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	10/05/1997	Hồng Vân - Hà Nội	
1413	LS-3691	Trương Thị Cẩm Ngọc	Nữ	28.4.1974	Hoàng Mai - Hà Nội	
1414	LS-3692	Phan Thái Nguyên	Nam	11/04/1984	Cầu Giấy - Hà Nội	
1415	LS-3693	Ngô Vi Nguyên	Nam	30/09/2002	Đội 2 Tả Thanh Oai, Xã Đại Thanh, Hà Nội	
1416	LS-3694	Phạm Thị Nguyệt	Nữ	22/12/1990	Hoàng Hóa - Thanh Hóa	
1417	LS-3695	Hoàng Thị Thu Nguyệt	Nữ	10/10/2003	Thanh Liệt - Hà Nội	
1418	LS-3696	Phạm Thanh Nhân	Nam	12/06/1982	Thôn Văn Điển, phường Yên Sở, Hà Nội	
1419	LS-3697	Lê Trọng Nhân	Nam	23/05/1979	Số 4 phòng 5 TT Bưu Điện Nghĩa Dũng, phường Hồng Hà, Hà Nội	
1420	LS-3698	Trần Văn Nhật	Nam	02/08/1971	Căn 1922 CT12A Kim Văn Kim Lũ Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	
1421	LS-3699	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	20/08/1993	Tổ 5, Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	
1422	LS-3700	Tạ Thị Hồng Nhung	Nữ	30/10/1989	Nam Từ Liêm - Hà Nội	
1423	LS-3701	Trần Thị Tuyết Nhung	Nữ	10/10/1987	Lê Lợi, TP Bắc Giang, Bắc Giang	
1424	LS-3702	Phạm Thị Nhung	Nữ	27/07/1979	1A Tràng Tiền, Cửa Nam, Hà Nội	
1425	LS-3703	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	12/02/1993	Khu phố 6, Phường Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1426	LS-3704	Đỗ Thị Nhung	Nữ	27/07/1983	136 Hồ Tùng Mậu, Tô 20, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	
1427	LS-3705	Trần Thị Trang Nhung	Nữ	08/11/1993	Phố Trì Chính, Phát Diệm, Kim Sơn, Ninh Bình	
1428	LS-3706	Vũ Văn Ninh	Nam	23/04/1998	Thôn Xuyên Khử, xã Khúc Thừa Dụ, TP Hải Phòng	
1429	LS-3707	Nguyễn Thị Lan Oanh	Nữ	15/03/1978	Xóm Trên, thôn Cao Xá, xã Thượng Phúc, Hà Nội	
1430	LS-3708	Vũ Thị Tuấn Oanh	Nữ	16/09/1995	Số 4A, ngõ 141/150/38 Giáp Nhị, phường Yên Sở, Hà Nội	
1431	LS-3709	Trần Thị Kiều Oanh	Nữ	18/11/1981	Thôn Bắc 2, Phường Thủy Nguyên, Hải Phòng	
1432	LS-3710	Ngô Quang Phong	Nam	06/07/1978	Trung Thành 3 , phường Tích Lương, Thái Nguyên	
1433	LS-3711	Ninh Đức Phong	Nam	11/09/1995	Xóm 7, thôn Độ Chàng, xã Hưng Đạo, thành phố Hà Nội	
1434	LS-3712	Phạm Hồng Phong	Nam	11/10/1987	Xã Đại Thanh, TP. Hà Nội	
1435	LS-3713	Nguyễn Huy Phong	Nam	08/08/1990	Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội	
1436	LS-3714	Vũ Hồng Phòng	Nam	17/01/1993	Giá Thượng, Gia Hoà, Gia Viễn, Ninh Bình	
1437	LS-3715	Phạm Văn Phúc	Nam	05/03/1993	Tô 4, Khu Nam Trung, Phường Vàng Danh, Tỉnh Quảng Ninh	
1438	LS-3716	Trịnh Trường Phúc	Nam	21/10/2005	135 Thôn Cự Đà, Xã Bình Minh, Hà Nội	
1439	LS-3717	Trần Hữu Phúc	Nam	21/09/1976	P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	
1440	LS-3718	Nguyễn Đình Phụng	Nam	16/01/1998	Xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang	
1441	LS-3719	Nguyễn Thiện Phương	Nam	04/07/1976	Xã Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	
1442	LS-3720	Hoàng Thị Thu Phương	Nữ	19/03/1993	Phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh	
1443	LS-3721	Hoàng Nam Phương	Nam	05/02/1990	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	
1444	LS-3722	Lê Uyên Phương	Nữ	23/09/1980	Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk	
1445	LS-3723	Nguyễn Khánh Phương	Nữ	16/09/1997	Đống Đa, TP Hà Nội	
1446	LS-3724	Đỗ Lan Phương	Nữ	21/09/1992	Đống Đa, TP Hà Nội	
1447	LS-3725	Trần Thục Phương	Nữ	25/08/1994	Phường Phương Liệt, TP Hà Nội	
1448	LS-3726	Lê Anh Phương	Nữ	28/11/1992	Hà Đông, Hà Nội	
1449	LS-3727	Nguyễn Thị Phương	Nữ	25/12/1991	4 Ngách 199/10 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	
1450	LS-3728	Võ Thị Ngọc Phương	Nữ	11/07/1996	Vinhomes Park, Phường Tây Mỗ, TP Hà Nội	
1451	LS-3729	Nguyễn Thị Bích Phương	Nữ	03/12/1972	ngõ 98 phố Đàm Quang Trung, phường Long Biên, Hà Nội	
1452	LS-3730	Nguyễn Thị Hồng Phương	Nữ	20/09/1994	76B, tổ 2, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	
1453	LS-3731	Trần Thị Phương	Nữ	13/09/1989	1203 Cc B15 KĐT Đại Kim, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	
1454	LS-3732	Vũ Thị Phương	Nữ	12/08/1988	Tập Thể C26 Tô 12 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	
1455	LS-3733	Nguyễn Thị Phương	Nữ	29/06/1985	10A/24/32 Phụng Pháp, Đằng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng	
1456	LS-3734	Nguyễn Thị Phương	Nữ	02/02/1990	Bắc Từ Liêm, Hà Nội	
1457	LS-3735	Hà Thị Phương	Nữ	29/11/1994	Xóm 6, Độ Chàng, Xã Hưng Đạo, Hà Nội	
1458	LS-3736	Nguyễn Hồng Quân	Nam	22/09/1989	Xã Hồng Vân, TP. Hà Nội	
1459	LS-3737	Nguyễn Minh Quân	Nam	15/04/2004	Tiền Hải - Thái Bình	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1460	LS-3738	Hoàng Văn Quân	Nam	12/11/1982	Tuần Châu - Quảng Ninh	
1461	LS-3739	Phạm Văn Quân	Nam	25/07/1993	Thôn Vĩnh Lại, Xã Kê Sặt, Thành phố Hải Phòng	
1462	LS-3740	Dương Bá Quân	Nam	29/01/1987	Tổ 17 - phường tương mai - hà nội	
1463	LS-3741	Trần Đức Quân	Nam	23/12/1985	24/23 Long Biên2-Phường Bồ Đề-Hà Nội	
1464	LS-3742	Trần Anh Quân	Nam	22/08/1987	Xã Di Trạch - Huyện Hoài Đức - Thành Phố Hà Nội	
1465	LS-3743	Phạm Hồng Quân	Nam	05/04/1993	Tổ dân phố Tân Mai, phường Đa Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	
1466	LS-3744	Lâm Đức Quang	Nam	21/09/1986	P. Yên Hoà , TP. Hà Nội	
1467	LS-3745	Nguyễn Văn Quang	Nam	05/10/1984	Khối 5, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	
1468	LS-3746	Nguyễn Duy Quốc	Nam	21/09/1994	Thường Tín - Hà Nội	
1469	LS-3747	Trần Thị Quý	Nữ	09/05/1983	Gia Lâm - hà Nội	
1470	LS-3748	Điệp Xuân Quý	Nam	08/01/1992	Thôn 8 xã Hạ Long huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh	
1471	LS-3749	Chu Thị Quyên	Nữ	17/09/1983	TDP Đại Cát 1- Liên Mạc - Bắc Từ Liêm - HN	
1472	LS-3750	Hoàng Thị Quyên	Nữ	19/03/1992	TDP Bang Đông, Bàng La, Đồ Sơn, Hải Phòng	
1473	LS-3751	Phạm Tôn Quyền	Nam	10/12/1986	C1006, Imperia Garen 203 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân Hà Nội	
1474	LS-3752	Nguyễn Văn Quyết	Nam	26/08/1990	Ứng Hòa - Hà Nội	
1475	LS-3753	Vũ Cương Quyết	Nam	13/05/1978	Phường Cửa Nam, Thành Phố Hà Nội	
1476	LS-3754	Khuông Thị Thúy Quỳnh	Nữ	03/07/2003	Nghĩa Hưng - Nam Định	
1477	LS-3755	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	21/10/2000	Nam Từ Liêm - Hà Nội	
1478	LS-3756	Vũ Quang Quỳnh	Nam	06/10/1986	Tiên Du - Bắc Ninh	
1479	LS-3757	Hồ Thị Ngọc Quỳnh	Nữ	17/09/1997	Xã Đại Thanh, TP. Hà Nội	
1480	LS-3758	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	22/03/1981	Thôn Ngọc Sơn, Quang Thịnh, Lạng Giang, bắc Giang	
1481	LS-3759	Nguyễn Thúy Quỳnh	Nữ	28/02/1992	Đội 3 Tả Thanh Oai Thanh Trì Hà Nội	
1482	LS-3760	Đỗ Xuân Quỳnh	Nam	28/04/1988	Đồng Thanh - Vũ Thư - Thái Bình	
1483	LS-3761	Đặng Thị Như Quỳnh	Nữ	01/09/1988	Tổ 3, Khu Hà Khẩu 1, Việt Hưng, Quảng Ninh	
1484	LS-3762	Hoàng Thị Quỳnh	Nữ	12/01/1991	X. Liêm Hà, T. Ninh Bình	
1485	LS-3763	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	07/02/1982	Chương Mỹ - Hà Nội	
1486	LS-3764	Hoàng Thị Phương Quỳnh	Nữ	04/11/1995	xóm 16 xã Nghĩa Thái, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	
1487	LS-3765	Nguyễn Văn Sáng	Nam	23/03/1993	Thôn Thượng, Hoa Viên, Ứng Hoà, Hà Nội	
1488	LS-3766	Nguyễn Công Sơn	Nam	24/10/1990	Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	
1489	LS-3767	Đinh Văn Sơn	Nam	21/03/1984	Phường Thượng Cát - Hà Nội	
1490	LS-3768	Lê Vũ Hoàng Sơn	Nam	21/11/2003	Số 21 ngõ 33 Bạch Đằng, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
1491	LS-3769	Nguyễn Thanh Sơn	Nam	12/06/1993	Gia Đông Thuận Thành Bắc Ninh	
1492	LS-3770	Phạm Tiến Sơn	Nam	09/11/1991	Khu 2 thị trấn cái rông huyện vân đồn tỉnh quảng ninh	
1493	LS-3771	Nguyễn Văn Song	Nam	06/08/1989	Tân Hưng - Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1494	LS-3772	Trần Minh Sỹ	Nam	22/06/1992	Sông Lô - Vĩnh Phúc	
1495	LS-3773	Bùi Mạnh Tài	Nam	13/01/1973	Phù Vân - Ninh Bình	
1496	LS-3774	Đình Văn Tài	Nam	15/01/1985	Yên Bái -Hà Nội	
1497	LS-3775	Phan Chí Tâm	Nam	21/07/1993	Xã Mai Châu, Tỉnh Phú Thọ	
1498	LS-3776	Nguyễn Văn Tâm	Nam	24/10/1974	Số 407 Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, Hải Phòng	
1499	LS-3777	Lê Thị Tâm	Nữ	10/03/1985	Tổ 4 Khu 5B Bãi Cháy .Hạ Long, Quảng Ninh	
1500	LS-3778	Nguyễn Thị Tân	Nữ	15/09/1990	Hồng Hà - Hà Nội	
1501	LS-3779	Đỗ Quang Tân	Nam	19/11/1992	Hà Đông - Hà Nội	
1502	LS-3780	Đỗ Gia Tân	Nam	01/05/1987	Số 4, Tổ 21, Phường Phú Diễn, TP Hà Nội	
1503	LS-3781	Đặng Văn Tấn	Nam	19/10/1989	Phú Xuyên - Hà Nội	
1504	LS-3782	Bùi Đình Tấn	Nam	04/08/2000	P. Bò Đề, TP. Hà Nội	
1505	LS-3783	Đàm Thị Minh Tàn	Nữ	13/12/1979	KĐT Mới Văn Khê La Khê Hà Đông Hà Nội	
1506	LS-3784	Nguyễn Quang Thái	Nữ	19/04/1987	Hải Dương - Hải Phòng	
1507	LS-3785	Nguyễn Xuân Thái	Nam	09/06/2005	Thôn 4 Dân Trù, Yên Phương, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	
1508	LS-3786	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	04/01/1989	Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội	
1509	LS-3787	Vũ Thị Thắm	Nữ	12/10/1993	Phúc Yên - Phú Thọ	
1510	LS-3788	Đặng Thị Hồng Thắm	Nữ	24/10/1989	Chí Trung, Như Quỳnh, Hưng Yên	
1511	LS-3789	Phạm Ngọc Thắng	Nam	10/10/1990	Xóm 7, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình	
1512	LS-3790	Trần Quang Thắng	Nam	21/12/1973	Phương Liệt - Hà Nội	
1513	LS-3791	Nguyễn Văn Thắng	Nam	02/09/1984	Bình Mỹ - Ninh Bình	
1514	LS-3792	Bùi Thế Thắng	Nam	21/05/1996	Hà Đông - Hà Nội	
1515	LS-3793	Hoàng Anh Thắng	Nam	29/01/2001	Khoái Châu - Hưng Yên	
1516	LS-3794	Nguyễn Công Thắng	Nam	08/05/1994	Số 6, ngõ 199 đường Nghĩa Lộ, Tổ 8, phường Yên Nghĩa, Hà Nội	
1517	LS-3795	Nguyễn Chiến Thắng	Nam	01/01/1992	Thôn Bền, xã Đức Hoà, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	
1518	LS-3796	Dương Việt Thắng	Nam	16/10/1989	Hà Nội	
1519	LS-3797	Nguyễn Khắc Thanh	Nam	19/10/1967	646 Ngọc Lâm, phường Bò Đề, Thành phố Hà Nội	
1520	LS-3798	Lê Hồng Thanh	Nam	13/07/1991	Tổ 7 khu 7A Quang Hanh, TP Cẩm Phá, Tỉnh Quảng Ninh	
1521	LS-3799	Đỗ Thị Thanh	Nữ	14/07/1980	Tổ 9, Khu 9B, Phường Bãi Cháy, Quảng Ninh	
1522	LS-3800	Dương Thị Thanh	Nữ	26/03/1991	Tổ 12, Khu 4, Phường Bãi Cháy, Quảng Ninh	
1523	LS-3801	Lê Thị Thanh	Nữ	07/05/1994	Thôn 2, Bát Tràng, Hà Nội	
1524	LS-3802	Nguyễn Văn Thành	Nam	11/05/1977	Mỹ Thái - Bắc Ninh	
1525	LS-3803	Nguyễn Danh Thành	Nam	20/07/2002	Mỹ Đức - Hà Nội	
1526	LS-3804	Phan Khắc Thành	Nam	30/04/1990	Đội 7 tá thanh oai.Thanh trì.Hà Nội	
1527	LS-3805	Nguyễn Văn Thành	Nam	11/08/1983	Thôn Tuấn Thịnh, Xã Mỹ Thái, Tỉnh Bắc Ninh	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1528	LS-3806	Vũ Chí Thành	Nam	04/07/1995	Tổ 66, Khu Phố Hà Khâu 6, Phường Việt Hưng, Quảng Ninh	
1529	LS-3807	Phùng Trung Thành	Nam	21/01/1979	Mạo Khê, Quảng Ninh	
1530	LS-3808	Nguyễn Văn Thao	Nam	24/05/1987	Cầm Trang- Mai Trung- Hiệp Hoà- Bắc Giang	
1531	LS-3809	Đỗ Tiến Thao	Nam	09/10/1987	Số 17, Ngõ 23 Đỗ Quang, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	
1532	LS-3810	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	13/07/1997	Lạng Giang- Bắc Giang	
1533	LS-3811	Ngô Thị Thu Thảo	Nữ	28/06/1996	Cụm 9, Liêm Minh, Hà Nội	
1534	LS-3812	Đỗ Thị Thảo	Nữ	07/07/1990	Phường Bãi Cháy, Quảng Ninh	
1535	LS-3813	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	01/07/2001	Phú Lương, Hà Nội	
1536	LS-3814	Nguyễn Thị Minh Thảo	Nữ	07/09/1992	Thôn Hạ- Xã Trung Hưng- Huyện Yên Mỹ- Tỉnh Hưng Yên	
1537	LS-3815	Phùng Phương Thảo	Nữ	25/08/1996	Căn hộ chung cư số 1810- Toà Z38M.2, Lô đất G5-CH02, Dự án KĐT mới Tây Mỗ, Đại Mỗ-Vinhomes	
1538	LS-3816	Lâm Thị Thảo	Nữ	24/03/1991	Đội 2 Tả thanh oai thanh tri hà nội	
1539	LS-3817	Hoàng Phương Thảo	Nữ	19/09/1987	Tổ 1, Khu Vĩnh Thông, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh	
1540	LS-3818	Vũ Thị Thảo	Nữ	14/10/1995	Tổ 32, Khu 3, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	
1541	LS-3819	Ngô Thị Thảo	Nữ	17/01/1995	An Điền, An Phú, Hải Phòng	
1542	LS-3820	Hoàng Phương Thảo	Nữ	10/01/2002	X. Trà Lĩnh, T. Cao Bằng	
1543	LS-3821	Phạm Thị Thảo	Nữ	24/10/1992	Kiến Xương - Thái Bình	
1544	LS-3822	Mai Văn Thế	Nam	04/07/1996	Nam Hùng , Nam Trực , Nam Định	
1545	LS-3823	Nguyễn Anh Thế	Nam	22/03/1993	Chương Dương - Hà Nội	
1546	LS-3824	Nguyễn Thị Thêm	Nữ	30/03/1990	Thanh Liệt - Hà Nội	
1547	LS-3825	Nguyễn Quang Thi	Nam	26/11/1973	202 TT Hoá Chất - Ngõ Thịnh Hào 3 - Hàng Bột - Đống Đa - Hà Nội	
1548	LS-3826	Nguyễn Phúc Thịnh	Nam	24/04/1991	Thanh Nộn 1, Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	
1549	LS-3827	Nguyễn Quang Thịnh	Nam	28/06/1985	Tổ 4x4 Cam lộ II, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải phòng	
1550	LS-3828	Hoàng Nguyên Thịnh	Nam	22/11/2004	Phường Tuần Châu, Quảng Ninh	
1551	LS-3829	Hoàng Văn Thịnh	Nam	22/12/1998	Thôn Đình Á, xã Nam Dương, Tỉnh Bắc Ninh	
1552	LS-3830	Trần Huy Thịnh	Nam	08/05/1999	P. Lê Hồ, T. Ninh Bình	
1553	LS-3831	Nguyễn Hữu Thọ	Nam	10/10/1983	Đại Hoàng - Ninh Bình	
1554	LS-3832	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	27/07/1968	Tổ 2, khu 6, Bãi Cháy, Thành Phố Hạ Long, Quảng Ninh	
1555	LS-3833	Vũ Thị Kim Thoa	Nữ	08/11/1980	Tổ 16 phường Bồ Đề, TP Hà Nội	
1556	LS-3834	Hà Thị Thơm	Nữ	09/09/1984	Căn 2432 HH1B Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	
1557	LS-3835	Đặng Hà Thu	Nữ	30/12/1986	Số 5H, hẻm 69 ngách 16, ngõ 1 phố Thúc Linh, phường Linh Nam, Hà Nội	
1558	LS-3836	Nguyễn Thị Thu	Nữ	01/10/1984	Vân Hà, Việt Yên, Bắc Giang	
1559	LS-3837	Nguyễn Thị Thu	Nữ	07/10/1990	Nhân Chính - Hà Nội	
1560	LS-3838	Lê Tôn Anh Thư	Nữ	30/12/1992	Hà Đông - Hà Nội	
1561	LS-3839	Tạ Thị Anh Thư	Nữ	01/01/1986	Xã Phụng Công, Tỉnh Hưng Yên	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1562	LS-3840	Hồ Minh Thư	Nữ	29/07/2006	Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Hùng Thắng, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh	
1563	LS-3841	Nguyễn Văn Thụ	Nam	05/03/2003	Xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng	
1564	LS-3842	Lê Văn Thứ	Nam	02/05/2001	Xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên	
1565	LS-3843	Nguyễn Văn Thuận	Nam	03/10/1984	P806, CT2, Tòa NO8 Mai Chí Thọ, phường Việt Hưng, Hà Nội	
1566	LS-3844	Phạm Nguyễn Thuận	Nam	04/04/1976	Số 2B, ngõ 253, phố Thúy Lĩnh, Tổ 27, phường Lĩnh Nam, Hà Nội	
1567	LS-3845	Thân Đức Thuận	Nam	18/07/1997	Yên Sơn, xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, Bắc Giang	
1568	LS-3846	Đình Xuân Thuận	Nam	02/09/1993	Xóm 2, Thôn La Mai, Phường Tây Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình	
1569	LS-3847	Ngô Xuân Thương	Nam	11/03/1982	Đội 5 Nhân Hòa, xã Đại Thanh, Hà Nội	
1570	LS-3848	Vũ Thị Thương	Nữ	08/02/1989	Thanh Oai - Hà Nội	
1571	LS-3849	Lại Thị Thuý	Nữ	26/01/1992	Thôn Cự Quán, Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	
1572	LS-3850	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	19/01/1989	Số 88, Tổ 2, Khu Vĩnh Lập, Phường Mạo Khê, Quảng Ninh	
1573	LS-3851	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	12/02/1980	Phường Kim Liên, Hà Nội	
1574	LS-3852	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	13/05/1994	Đại Thanh, Hà Nội	
1575	LS-3853	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	07/09/1988	TDP Trung Kiên, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	
1576	LS-3854	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	17/01/1996	Thôn 1, Xã Hợp Tiến, Triệu Sơn, Thanh Hóa	
1577	LS-3855	Vũ Thị Thùy	Nữ	29/11/2001	Cụm 5, xã Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	
1578	LS-3856	Phạm Thị Thủy	Nữ	19/09/1989	Nghĩa Đô, Hà Nội	
1579	LS-3857	Ngô Thị Lệ Thủy	Nữ	04/02/1984	Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	
1580	LS-3858	Phạm Thị Chung Thủy	Nữ	07/09/1972	139 Nguyễn Lương Bằng -Đống Đa -Hà Nội	
1581	LS-3859	Đỗ Thị Thủy	Nữ	08/01/1997	Cụm 7- Vĩnh Ninh, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	
1582	LS-3860	Nguyễn Văn Thủy	Nam	29/07/1989	Thống nhất - Hưng hà - Thái Bình	
1583	LS-3861	Đoàn Thị Thủy	Nữ	17/07/2000	X. Tân An, TP. Hải Phòng	
1584	LS-3862	Đỗ Bích Thủy	Nữ	20/11/1988	X. Liêm Hà, T. Ninh Bình	
1585	LS-3863	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	24/09/1995	P. Đồng Văn, T. Ninh Bình	
1586	LS-3864	Vũ Thanh Thủy	Nữ	18/08/1987	Tổ 49 Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	
1587	LS-3865	Hoàng Thái Thụy	Nam	24/09/1984	Phường Long Biên, Hà Nội	
1588	LS-3866	Phạm Văn Thuyền	Nam	03/03/1968	Xuân Lương - Bắc Ninh	
1589	LS-3867	Nguyễn Ngọc Tiến	Nam	03/05/1987	Trung Thành - Thái Nguyên	
1590	LS-3868	Hoàng Văn Tiến	Nam	23/10/1985	413 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	
1591	LS-3869	Quản Hữu Tiến	Nam	08/08/1989	Thôn Quảng Xá, Thiện Quang, Thanh Hóa	
1592	LS-3870	Đình Xuân Tiệp	Nam	02/09/1983	Cổ Điền A, Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	
1593	LS-3871	Bùi Văn Tinh	Nam	27/08/1990	Kiến Xương - Thái Bình	
1594	LS-3872	Đàm Thị Toan	Nữ	09/11/1992	Vân Xuân - Việt Trì - Phú Thọ	
1595	LS-3873	Nguyễn Huy Toàn	Nam	15/10/1979	96/96 Chợ Hàng, Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1596	LS-3874	Vũ Trung Toàn	Nam	06/02/1991	Phường Tây Hồ, Hà Nội	
1597	LS-3875	Ngô Văn Tông	Nam	19/07/1988	Mai phong, Mai Trung, Hiệp Hòa, Bắc Giang	
1598	LS-3876	Trần Thị Trâm	Nữ	01/01/1967	Tổ 23 Phường Bồ Đề, Hà Nội	
1599	LS-3877	Đỗ Ngọc Trâm	Nữ	20/08/1983	Tổ 11 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	
1600	LS-3878	Hoàng Thu Trang	Nữ	07/01/2002	Long Biên, Hà Nội	
1601	LS-3879	Trần Thị Trang	Nữ	13/06/1985	Đống Đa, Hà Nội	
1602	LS-3880	Đinh Thiên Trang	Nữ	20/11/1993	Phù Đổng, Hà Nội	
1603	LS-3881	Trần Thuỳ Trang	Nữ	22/02/1995	Số 25, đường Liên Xã, thôn Tiên Văn, xã Dân Hòa, Hà Nội	
1604	LS-3882	Lưu Thu Trang	Nữ	10/09/1987	Bồng Mạc - Liên Mạc - Mê Linh - Hà Nội	
1605	LS-3883	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	13/08/1983	CC Lofotuna Tích Sơn, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	
1606	LS-3884	Đặng Vũ Quỳnh Trang	Nữ	29/09/2005	Văn Giang, Hưng Yên	
1607	LS-3885	Phạm Thị Trang	Nữ	02/12/1991	Cầu Giấy, Hà Nội	
1608	LS-3886	Đinh Thị Như Trang	Nữ	27/09/1985	Tổ 25 Xã Phúc Thịnh, Hà Nội	
1609	LS-3887	Nguyễn Thị Trang	Nữ	25/07/1991	Xóm Đình - Thôn Văn Lôi, Xã Tiến Thắng, TP Hà Nội	
1610	LS-3888	Ngô Thị Quỳnh Trang	Nữ	12/07/1995	Xóm Tân Canh, Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	
1611	LS-3889	Đỗ Thị Trang	Nữ	18/09/1986	Thôn Hoạch Phúc, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	
1612	LS-3890	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	17/08/1986	Tổ 4 Cụm 1 Tây Hồ, Hà Nội	
1613	LS-3891	Phạm Quỳnh Trang	Nữ	09/01/1992	Xóm Chùa Triều Khúc, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội	
1614	LS-3892	Nguyễn Thành Trí	Nam	08/12/1991	P6 - E10 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	
1615	LS-3893	Bùi Thị Trinh	Nữ	07/08/1994	Kim Bảng - Ninh Bình	
1616	LS-3894	Phạm Xuân Trọng	Nam	08/10/1994	Vũ Thư - Thái Bình	
1617	LS-3895	Vũ Xuân Trọng	Nam	06/06/1984	Việt Hòa - Hải Phòng	
1618	LS-3896	Đinh Quý Trọng	Nam	12/01/1992	Xã Minh Tân, Tỉnh Ninh Bình	
1619	LS-3897	Nguyễn Đức Trung	Nam	06/12/1997	Số 11 ngõ 70 Trương Định, Phường Trương Mai, Hà Nội	
1620	LS-3898	Nguyễn Năng Trung	Nam	02/01/1996	Liên Giang, Đông Hưng, Hưng Yên	
1621	LS-3899	Trần Quang Trung	Nam	15/11/1980	Tổ 21, Long Biên, Hà Nội	
1622	LS-3900	Trịnh Quang Trung	Nam	19/09/1983	Phú Cường, Sóc Sơn, Hà Nội	
1623	LS-3901	Trần Đức Trung	Nam	20/03/1998	P505-G3 TT Trung Tự, Trung Tự, Kim Liên, Hà Nội	
1624	LS-3902	Phạm Việt Trung	Nam	18/04/1991	Tổ 14, Khu Ngõ Quyền, Phường Cẩm Phá, tỉnh Quảng Ninh	
1625	LS-3903	Trịnh Văn Trung	Nam	28/05/1985	Thôn Cự Đà, Xã Bình Minh, TP Hà Nội	
1626	LS-3904	Nguyễn Văn Trung	Nam	24/08/1982	TDP Tràng Tiên, Phường Tùng Thiện, Hà Nội	
1627	LS-3905	Lê Như Trung	Nam	23/09/2002	P. Duy Hà, T. Ninh Bình	
1628	LS-3906	Hoàng Ngọc Trường	Nam	01/10/2007	Sơn Tây, Hà Nội	
1629	LS-3907	Nguyễn Đan Trường	Nam	18/01/2001	Yên Sào, Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1630	LS-3908	Nguyễn Văn Trường	Nam	11/02/1998	Tổ 5 , Thị trấn Điện Biên Đông , Điện Biên Đông , Điện Biên	
1631	LS-3909	Trịnh Quốc Trường	Nam	09/09/2002	Cự Đà, Bình Minh, Hà Nội	
1632	LS-3910	Nguyễn Đồng Trường	Nam	10/03/2003	Võ Nai, Thái Nguyên	
1633	LS-3911	Phùng Quang Tú	Nam	12/11/1984	Phường Giảng Võ, Hà Nội	
1634	LS-3912	Nguyễn Văn Tú	Nam	07/09/1989	Tổ 38, Khu 3, Bãi Cháy, Quảng Ninh	
1635	LS-3913	Đào Doãn Tuấn	Nam	18/08/1990	Tân Long, Thái Nguyên	
1636	LS-3914	Hồ Văn Tuấn	Nam	29/11/1986	TDP Lạc Ý 3, Phường Vĩnh Yên, Tỉnh Phú Thọ	
1637	LS-3915	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	18/04/1990	Phường Bồ Đề, TP Hà Nội	
1638	LS-3916	Nguyễn Trọng Tuấn	Nam	17/07/1984	Vân Hà, Bắc Ninh	
1639	LS-3917	Lương Việt Tuấn	Nam	27/06/1980	Thôn Thái Bạt 2, xã Bạt Bạt, Hà Nội	
1640	LS-3918	Trần Văn Tuấn	Nam	11/03/1983	TDP số 12 Nhân Mỹ, phường Từ Liêm, Hà Nội	
1641	LS-3919	Đoàn Quốc Tuấn	Nam	05/05/1994	Long Biên, Hà Nội	
1642	LS-3920	Lê Trọng Tuấn	Nam	30/10/1977	Trung Sơn, Tỉnh Hải, Nghi Sơn, Thanh Hoá	
1643	LS-3921	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	14/06/1980	29 Hàng Than, Ba Đình, Hà Nội	
1644	LS-3922	Trần Mạnh Tuấn	Nam	30/10/1992	Phường Việt Hưng, TP Hà Nội	
1645	LS-3923	Trương Anh Tuấn	Nam	08/12/1977	Đống Đa, TP Hà Nội	
1646	LS-3924	Nguyễn Công Tuấn	Nam	02/11/1996	Xã Hà Tây, Hải Phòng	
1647	LS-3925	Phạm Anh Tuấn	Nữ	22/06/1966	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	
1648	LS-3926	Đỗ Mạnh Tuấn	Nam	02/01/1986	Tổ 8, Khu 4, Phường Bãi Cháy, Quảng Ninh	
1649	LS-3927	Lê Anh Tuấn	Nam	17/06/1998	Tổ 12, Phường Tô Hiệu, Sơn La	
1650	LS-3928	Trịnh Văn Tuấn	Nam	04/05/1990	Cự Đà, Bình Minh, Hà Nội	
1651	LS-3929	Dương Đình Tuấn	Nam	19/05/1994	Phố 7, Phường Hàm Rồng, Thanh Hóa	
1652	LS-3930	Lê Anh Tuấn	Nam	05/12/1979	TDP 24, Nghĩa Đô, Hà Nội	
1653	LS-3931	Lê Xuân Tuất	Nam	22/03/1982	TDP Quý Kim, P. Nam Đồ Sơn, Hải Phòng	
1654	LS-3932	Nguyễn Văn Tùng	Nam	12/09/1992	Phường Lĩnh Nam, TP Hà Nội	
1655	LS-3933	Tổng Văn Tùng	Nam	07/09/1990	P0411, toà B2, CC Phương Đông GreenPark, phường Yên Sở, Hà Nội	
1656	LS-3934	Phan Hữu Tùng	Nam	24/08/1989	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	
1657	LS-3935	Nguyễn Văn Tùng	Nam	10/12/2981	Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội	
1658	LS-3936	Trần Thanh Tùng	Nam	27/10/1990	Toà 27A3-CT2, KĐT Thành phố Giao lưu, Phú Diễn, Hà Nội	
1659	LS-3937	Nguyễn Văn Tùng	Nam	04/11/2003	Xã Xuân Cẩm, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang	
1660	LS-3938	Nguyễn Xuân Tùng	Nam	15/08/1983	Tổ 31 cụm 4 Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	
1661	LS-3939	Nguyễn Duy Tùng	Nam	13/04/1999	Vĩnh Yên, Phú Thọ	
1662	LS-3940	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	16/12/1985	Giảng Võ, Hà Nội	
1663	LS-3941	Trần Thị Tươi	Nữ	15/03/1996	Hồ Vương - Thanh Hóa	

STT	Số chứng chỉ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1664	LS-3942	Đình Mạnh Tường	Nam	23/07/1983	Lạc Thủy - Phú Thọ	
1665	LS-3943	Nguyễn Đức Tuyên	Nam	05/07/2005	Tô Hiệu, Sơn La	
1666	LS-3944	Phùng Quý Tuyên	Nam	17/09/1999	Đoài Phương, Hà Nội	
1667	LS-3945	Nguyễn Thị Tuyên	Nữ	02/02/1992	Phúc Xuân, xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn, tp Hà Nội	
1668	LS-3946	Phạm Công Tuyên	Nam	20/08/1988	Tổ 21, Khu phố Hà Khẩu 2, Phường Việt Hưng, Quảng Ninh	
1669	LS-3947	Nguyễn Thị Tuyên	Nữ	15/10/1984	Ngõ 9 - An Hòa, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	
1670	LS-3948	Nghiêm Quang Tuyên	Nam	02/01/2004	P. Xuân Đình, TP. Hà Nội	
1671	LS-3949	Nguyễn Thanh Tuyên	Nữ	04/08/1990	Số 4A, ngách 19, ngõ 143 phố Kim Mã - Phường Giảng Võ - Hà Nội	
1672	LS-3950	Nguyễn Thanh Tuyên	Nữ	16/12/1994	Xóm Tân Thành, Xã Canh Tân, Tỉnh Cao Bằng	
1673	LS-3951	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	26/07/1994	Phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội	
1674	LS-3952	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	26/08/1979	Phường Hà Đông, Hà Nội	
1675	LS-3953	Đặng Thị Tuyết	Nữ	24/08/1994	78 Chính Kinh - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội	
1676	LS-3954	Nguyễn Thị Anh Tuyết	Nữ	02/01/1988	Số 96/96 chợ hàng, hàng kênh,lê chân, hải phòng	
1677	LS-3955	Nguyễn Thị Thúy Vân	Nữ	19/02/2001	Bắc Thái Ninh - Hưng Yên	
1678	LS-3956	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	12/12/1982	Phường Hoàng Liệt - Hà Nội	
1679	LS-3957	Phạm Quốc Vân	Nam	05/09/1988	Tổ 4B khu 5A,phường Bãi Cháy,thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	
1680	LS-3958	Nguyễn Thế Văn	Nam	09/06/1991	509 Ngõ Gia Tự,Đức Giang,Long Biên,Hà Nội	
1681	LS-3959	Đỗ Thị Vị	Nữ	25/01/1996	TDP Phương Lạn 5, xã Lục Nam, Tỉnh Bắc Ninh	
1682	LS-3960	Đặng Đình Việt	Nam	08/08/2002	thôn 5 xã Quảng Bị huyện Chương Mỹ thành phố Hà Nội	
1683	LS-3961	Đình Khắc Việt	Nam	17/11/1989	Tây Đô Hưng Hà Thái Bình	
1684	LS-3962	Nguyễn Đình Việt	Nam	19/10/1983	Tổ 1B Khu 7, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh	
1685	LS-3963	Nguyễn Tiến Vinh	Nam	28/12/1989	Gia Hưng - Ninh Bình	
1686	LS-3964	Nguyễn Việt Vinh	Nam	25/02/1992	Đội 8, Thôn Linh Thượng, Xã An Khánh, Hà Nội	
1687	LS-3965	Nguyễn Trọng Vĩnh	Nam	23/03/1979	Tổ dân phố 2, Phường Nông Tiến, tỉnh Tuyên Quang	
1688	LS-3966	Trần Hoàng Vũ	Nam	26/05/1981	Hai Bà Trưng - Hà Nội	
1689	LS-3967	Dương Công Xoay	Nam	11/03/1984	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	
1690	LS-3968	Trần Thị Xuyên	Nữ	05/01/1989	Thanh Trì - Hà Nội	
1691	LS-3969	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	08/02/1995	Đan Phượng, Hà Nội	
1692	LS-3970	Nguyễn Thị Yến	Nữ	20/05/1985	Căn hộ 1926, tòa nhà S103, tổ dân phố số 8, P. Tây Mỗ, Hà Nội	
1693	LS-3971	Nguyễn Minh Yến	Nữ	16/04/1996	Xã Thường Tín, TP. Hà Nội	
1694	LS-3972	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	12/08/1987	Xóm Mới, Ngõ Thới, Cự Đà, Bình Minh, Hà Nội	
1695	LS-3973	Phùng Văn Cương	Nam	13/03/1987	Thôn An Thố- Xã Nguyên Giáp - Thành Phố Hải Phòng.	